



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH S 01

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, phân phối lợi nhuận và dự kiến kết quả năm 2021

Cụ thể:

- Lợi nhuận Doanh nghiệp;
- Lợi nhuận Kế toán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Hội đồng công tác năm 2021 xem xét và thông qua: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, phân phối lợi nhuận và dự kiến kết quả năm 2021 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu tổng:	300.481.000.000	ng.
- Doanh thu sản xuất chính:	258.758.000.000	ng.
- Tổng giá trị xuất:	32.074.000.000	ng.
- Tỷ lệ thoát:	21%	
- Tổng quản lý:	51.552.000.000	ng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	52.341.000.000	ng.
- Lợi nhuận trước thuế của hoạt động SXKD chính:	11.914.000.000	ng.
- Lợi nhuận sau thuế phân phối:	41.872.800.000	ng.
- Chi phí:	2,77% (277	ng/c nhân).

(Chi tiết các chỉ tiêu kèm tệp đính kèm số:01/PL- H C -2021; tệp đính kèm số:02/PL- H C -2021; tệp đính kèm số:03/PL- H C -2021).

Hội đồng quản trị kính trình Hội đồng công tác.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỨC VỤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Đình Tân

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT  
 HỘI NGHỊ CÔNG ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2021  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CLÂM NG

stt	Nội dung
I	PHẦN NGHI THỨC
1	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
2	Báo cáo thẩm tra tài chính công đồng
II	PHẦN NỘI DUNG
1	Thông qua Thuyết minh làm việc và biểu quyết nội dung
2	Thống nhất danh sách nhân sự Chủ tịch đoàn
3	Thống nhất nhân sự trong Thuyết minh đoàn và Ban kiểm soát
4	Thông qua chương trình nghị sự
5	<a href="#">Trình bày Báo cáo tài chính 2020 và Trình số 02</a>
6	Trình bày Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, phân phối lợi nhuận và dự kiến kết quả năm 2021 ( <a href="#">trình số 1</a> )
7	Trình bày Báo cáo của Hội đồng Quản trị và trình số 03
8	Trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và trình số 4
9	Trình bày Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên và trình số 5
10	Trình việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Võ Quốc Trang và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 (trình số 8) biểu quyết bằng Thuyết minh biểu quyết
11	Báo cáo danh sách ứng cử bổ sung Hội đồng Quản trị
12	Thẩm tra tài chính công đồng
13	Bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị (bằng biểu quyết kín)
14	Trình Báo cáo quyết toán thù lao, tiền thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thuyết minh năm 2020 (Trình số 06)
15	Trình Phương án phân phối lợi nhuận, chia kết quả năm 2020 (Trình số 07)
16	Trình số tài liệu (Trình số 09)
17	Trình số tài liệu Quy chế Quản trị nội bộ (Trình số 10)
18	Trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (Trình số 11)
19	Trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Trình số 12)
20	Trình điều chỉnh mức thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và Kế hoạch chi trả 2021 (Trình số 13)
21	Trình điều chỉnh tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát và kế hoạch chi trả (Trình số 14)

22	Trình mức xuất trình do hoàn thành v t m c k ho ch n m 2021 cho H QT, Ban Ki m Soát, Th Ký H QT (T trình s 15)
23	Trình l a ch n n v ki m toán BCTC n m 2021 (T trình s 16)
24	Trình vi c b sung ngành ngh : D ch v ki m nh, hi u chu n, th nghi m ng ho o n c l nh c khí, ng kính t 15mm n 50mm cho Công ty (T trình s 17)
25	Th o lu n và ý ki n gi i trình
26	Th m tra t cách c ông
27	Bi u quy t b ng th thông qua các n i dung trình
28	Th o lu n và ý ki n gi i trình (ti p theo)
29	Công b k t qu bi u quy t
III	T NG K T I H I
1	Trình bày Biên b n và Ngh quy t i h i ng c ông
2	Ki m tra t cách c ông
3	Bi u quy t b ng phi u thông qua Biên b n và Ngh quy t i h i ng c ông
4	Nghi th c B m c i h i

TÀI LIỆU  
 HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2021  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẬP NHẬP THOÁT NƯỚC

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	Tên tài liệu	Trang
1	Chương trình nghị quyết đồng thường niên năm 2021	
2	Thị làm việc và biểu quyết nghị quyết đồng thường niên 2021.	
3	Báo cáo tài chính 2020 (Báo cáo tài chính gồm 40 trang, đính kèm riêng)	
4	Báo cáo của HĐQT	
5	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.	
6	Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.	
7	Báo cáo danh sách thành viên HĐQT	
8	Trình số 01 về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tín dụng, phân phối lợi nhuận và dự kiến kết quả năm 2021	
9	Trình số 02 về việc thông qua Báo cáo tài chính 2020	
10	Trình số 03 về việc thông qua Báo cáo của HĐQT	
11	Trình số 04 về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.	
12	Trình số 05 về việc thông qua Báo cáo về đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên	
13	Trình số 06 về việc thông qua Báo cáo quy tắc toán thù lao, tín nhiệm HĐQT, BKS, Thị ký năm 2020	
14	Trình số 07 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020	
15	Trình số 08 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT của Ông Võ Quốc Trang và bổ sung thành viên HĐQT thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023	
16	Trình số 09 về việc sửa đổi nội dung	
17	Trình số 10 về việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ	
18	Trình số 11 về việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT	
19	Trình số 12 về việc thông qua Quy chế hoạt động của BKS	
20	Trình số 13 về việc thông qua việc ủy quyền miễn thù lao HĐQT và BKS và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021	
21	Trình số 14 về việc thông qua việc ủy quyền tín dụng của Trưởng Ban kiểm soát và kế hoạch chi trả tín dụng của Trưởng BKS năm 2021	
22	Trình số 15 về việc thông qua mục xuất phát khi hoàn thành và tóm tắt kế hoạch năm 2021 cho HĐQT, Ban Kiểm Soát, Thị ký HĐQT	
23	Trình số 16 về việc thông qua lịch trình và kế toán BCTC năm 2021.	

24	T trình s 17 v vi c b sung ngành ngh : D ch v ki m nh, hi u chu n, th nghi m ng ho o n c l nh c khí, ng kính t 15mm n 50mm cho Công ty.	
25	Quy ch b u c	
26	D th o Ngh quy t	



# I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN 2021

CÔNG TY C PH N  
C P THOÁT N C LÂM NG

## PH U BI U QUY T CÁC V N

### I. THÔNG TIN C ÔNG

- Tên c ông: .....  
Mã c ông:..... S l ng c ph n s h u:.....CP
- Tên c ông y quy n: .....  
Mã c ông:.....s l ng c ph n y quy n: ..... CP
- T ng s c ph n có quy n bi u quy t:.....CP

### II. NỘI DUNG BI U QUY T

- Thông qua K ho ch s n xu t kinh doanh, u t xây d ng c b n, ti n l ng, phân ph i l i nhu n và đ ki n c t c n m 2021 (T tr ình s 1)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Báo cáo tài chính 2020 (T tr ình s 02)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Báo cáo c a H QT (T tr ình s 03)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Báo cáo c a Ban ki m soát v k t qu kinh doanh c a công ty, k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr, T ng giám c (T tr ình s 4)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Báo cáo t ánh giá k t qu ho t ng c a Ban ki m soát và Ki m soát viên (T tr ình s 5)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Báo cáo quy t toán thù lao, ti n th ãng H QT, BKS, Th ký n m 2020 (T tr ình s 06)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Ph ãng án phân ph i l i nhu n, chia c t c n m 2020 (T tr ình s 07)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua s a i i u l (T tr ình s 09)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua s a i Quy ch Qu n tr n i b (T tr ình s 10)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n
- Thông qua Quy ch ho t ng c a H QT (T tr ình s 11)  
ng ý  Không ng ý  Không có ý ki n

11. Thông qua Quy chế hoạt động của BKS (t trình số 12).

ng ý  Không ng ý  Không có ý kiến

12. Thông qua i u ch nh m c thù lao H QT và BKS và k ho ch chi tr n m 2021(T trình số 13)

ng ý  Không ng ý  Không có ý kiến

13. Thông qua i u ch nh tỉ n l ng c a Tr ng BKS và K ho ch chi tr n m 2021 (T trình số 14)

ng ý  Không ng ý  Không có ý kiến

14. Thông qua m c th ng do hoàn thành v t m c k ho ch n m 2021 cho H QT, Ban Kiểm Soát, Th Ký H QT (T trình số 15)

ng ý  Không ng ý  Không có ý kiến

15. Thông qua l a ch n n v ki m toán BCTC n m 2021 (T trình số 16)

ng ý  Không ng ý  Không có ý kiến

16. Thông qua vi c b sung ngành ngh : D ch v ki m nh, hi u chu n, th nghi m ng ho o n c l nh c khí, ng kính t 15mm n 50mm cho Công ty (T trình số 17)

ng ý  Không ng ý  Không có ý kiến

à L t, ngày 28 tháng 4 n m 2021

C ông ký, ghi rõ h tên



**I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN 2021  
CÔNG TY C PH N C P THOÁT N CLÂM NG**

## PHI U B U

**B SUNG THÀNH VIÊN H I NG QU N TR  
TH I GIAN CÒN L I C ANHI M K I (2018-2023)  
(s d ng t i i h i ng c ông th ng niên 2021)**

Mã s b u c : .....

Tên c ông: .....

T ng s c ph n s h u và c y quy n: .....c ph n

T ng s c ph n có quy n bi u quy t: .....c ph n

- M i c ông c phát m t phi u b u c duy nh t cho toàn b s c ph n s h u/ i d i n s h u và c y quy n c quy n bi u quy t.

- S c ph n có quy n bi u quy t c a m i c ông b ng s c ph n s h u/ i d i n s h u.

- C ông có th b u toàn b s c ph n có quy n bi u quy t c a mình cho m t ng viên ho c không b u cho ng c viên nào

- Tr ng h p có s ghi nh m, c ông vui lòng liên h v i T ki m phi u

### DANH SÁCH NG C VIÊN

STT	H và tên	S c ph n c b u
1		

Ch ký c a c ông/ Ng i c y Quy n  
(ghi rõ h tên n u là ng i c y quy n)



I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN 2021  
CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG

TH BI U QUY T  
MÃ C ÔNG

LDW 123

TÊN C ÔNG/ D C ÔNG: CÔNG TY TNHH  
D CH V VÀ TH NG M I MESA

13.750.000 CP

Trong ó:

S c ph n s h u/ i di n: 10.000.000 c ph n

S c ph n y quy n: 3.750.000 c ph n

Th bi u quy t này ch có giá tr trong cu ch p i h i ng c ông th ng niên  
2021 t ch c ngày 28/4/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng 4 năm 2021

GIẤY QUY ĐỊNH

(Về việc: Điều chỉnh Hệ thống quy định năm 2021 của Công ty Cổ phần Công thoát  
nước Lâm Đồng)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng

- Tôi tên là: .....
- CMND (họ chữ chi u): .....ngày cấp..... nơi cấp.....
- Chức danh công vụ: .....
- Liên hệ liên lạc: .....; Là công nhân Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng,  
hiện đang sinh sống tại: .....cấp xã, (bản ghi: .....

1. Nay tôi ủy quyền cho ông (bà): .....
- CMND (họ chữ chi u): .....ngày cấp.....
  - Nơi cấp.....
  - Chức danh công vụ: .....
  - Liên hệ liên lạc: .....

2. Nội dung ủy quyền:

Là người đi đại diện, thay mặt tôi thực hiện quy định và nghĩa vụ của công nhân thông, điều hành hệ thống công trình năm 2021 của Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng, bắt đầu có hiệu lực vào ngày 28/4/2021 tại 50 Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Thời hạn ủy quyền: .....

Người ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Người ủy quyền (Chữ ký, họ và tên, đóng dấu - nếu có)	Người ủy quyền (Chữ ký, họ và tên, đóng dấu - nếu có)
--	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng 4 năm 2021

GIẤY QUY ĐỊNH

(Về việc: Đề nghị Hội đồng thành viên năm 2021 của Công ty Cổ phần Công thoát  
nước Lâm Đồng)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng

- Tôi tên là: .....
- Chức vụ: ..... là thẩm định pháp luật của: .....
- Địa chỉ liên lạc: .....; email: .....
- Hiện đang sống ở: ..... của Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng, (Số nhà: .....

1. Nay tôi ủy quyền cho ông (bà): .....
- CMND (hoặc hộ chiếu): ..... ngày cấp .....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Địa chỉ liên lạc: .....

2. Nội dung ủy quyền:

Là thẩm định, thay mặt thực hiện quy định và nghĩa vụ các công việc thông tin, đề nghị Hội đồng thành viên năm 2021 của Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng, thực hiện vào ngày 28/4/2021 tại 50 Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Thời hạn ủy quyền: ..... khi kết thúc nhiệm kỳ.

Ng ủy quyền không ủy quyền lại cho người khác.

Ng ủy quyền (Chữ ký, họ và tên, đóng dấu - nếu có)	Ng nhận ủy quyền (Chữ ký, họ và tên, đóng dấu - nếu có)
---	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN  
THAM DỰ HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Ban tổ chức Hội đồng thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ

Tên công đồng: .....

CMND/HC s : .....Ngày cấp: .....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Hội đồng sáng lập: .....cổ phần (Số lượng:.....

.....)

Xác nhận sự tham dự Hội đồng thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ tổ chức ngày 28/4/2021.

....., ngày ..... tháng 4 năm 2021

CÔNG ĐỒNG

(Ký & ghi rõ họ tên)

## BÁO CÁO

Kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của  
Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý vị Công đồng Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng,

Các thành viên Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Ng;

Các tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của  
Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Ng;

Các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (“BKS”) quy định tại  
Điều lệ Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Ng;

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trình các hội đồng thành viên năm  
2021 về kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Ng  
 (“Lawaco”), kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2020  
như sau:

I. Kết quả công tác giám sát của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2020, Lawaco đã bám sát và đáp ứng các yêu cầu theo quy định  
pháp luật tại Công ty Cổ phần Tập thể chúng. Qua quá trình giám sát các hoạt động  
quản trị sản xuất kinh doanh, việc tham tra các BCTC quý, BCTC bán niên; BCTC  
năm, soát xét sổ liệu, chứng từ kế toán, BKS có một số nhận xét như sau:

1/ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020 với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, đã thực hiện Công ty đã triển  
khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT, chấp hành các chính  
sách và quy định của Nhà nước; Chăm sóc khách hàng chu đáo, hiệu quả, sẵn sàng  
vận hành, tài sản, lao động, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;  
Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả Nhà nước và chính sách cho người lao  
động.

Các hoạt động của Công ty vận hành phát triển, an toàn, bền vững và tuân  
theo pháp luật. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của HĐQT và

H QT c giám sát, m b o úng nh h ng ra thông qua công tác giám sát, ki m tra hàng quý do BKS th c hi n.

Các Quy ch , quy nh Công ty ã ban hành trong n m là: Quy ch tr l ng, th ng.

Công tác s n xu t, kinh doanh n c s ch: c b n m b o s n xu t n c liên t c, áp ng nhu c u khách hàng s d ng n c. V ch t l ng n c s ch t tiêu chu n ch t l ng theo quy chu n QC01/2009 c a B Y t , do a ph ng ch a ban hành quy chu n k thu t theo Thông t 41/2018/TT-BYT c a B Y T hi u l c ngày 15/6/2019 ”Ban hành quy chu n k thu t qu c gia và quy nh ki m tra, giám sát ch t l ng n c s ch s d ng cho m c ích sinh ho t”.

Phát tri n khách hàng u t theo Ngh nh 117/2007/N -CP g m 2,724 chi t tính v i giá tr 6,7 t ng; Theo th a thu n khách hàng g m 3,409 chi t tính, thu c h n 09 t ng.

Công tác ch ng th t thoát n c: Công ty ã xây d ng ch ng trình k ho ch qu n lý, phòng và ch ng th t thoát n c toàn di n cho giai o n 2021-2025. Trong ó, ánh giá c b n tình hình th c tr ng chung, các khu v c có t l th t thoát cao, ram c tiêu, gi i pháp th c hi n k ho ch.

Công tác u t xây d ng c b n: trong n m ã hoàn thành 84 phi u khoán và 11 công trình v i t ng m c u t là 13 t ng, u tiên nâng c p, c i t o các tuy n ng cấp n c t i các i m b t l i, ph c v công tác ch ng th t thoát,...

T ng tài s n c nh h u hình t ng m i là 13,5 t ng. Trong ó, t ng máy móc thi t b là 1,9 t ng; Thi t b và ph ng ti n v n t i là 6,8 t ng; C i t o nhà máy, b ch a là 4,6 t ng; D ng c làm vi c o l ng, thí nghi m là 0,2 t ng.

D ch v thoát n c: c b n th c hi n t t d ch v thoát n c theo n t hàng c a UBND t nh Lâm ng. ã l p và ban hành nhi u bi n pháp phòng ng a, ng phó v i s c hóa ch t, s c môi tr ng.

Bên c nh các công tác Công ty ã th c hi n c, BKS c ng có m t s ki n ngh c n l u ý:

+ C n s m ban hành, i u ch nh: Quy ch phân quy n gi a H QT và TG ; L trình không dùng t i n m t theo ch tr ng c a Chính ph ; Quy nh mua s m tài s n, thi t b máy móc; Quy trình thay th , c i t o tài s n; Quy trình ghi thu, s a ch a,..và các ch khác... phù h p v i yêu c u phát tri n chung c a toàn Công ty.

+ Công tác sản xuất nội bộ: tiếp tục khắc phục việc thi u ngu n n c, c p n c không liên t c t i m t s n i nh : nhà máy n c Nam Ban, n D ng, và các i m b t l i khu v c à L t. m b o hoàn thành nhi m v kinh doanh, cung c p n c s ch t ch t l ng và liên t c. Tiếp t c tri n khai ng d ng khoa h c công ngh giúp nâng cao hi u qu trong các ho t ng, t ng m c an toàn trong s n su t.

+ Công tác x th i: ch s amoni còn ch a n nh so v i tiêu chu n gi y phép x th i c a B Tài nguyên môi tr ng. Công ty c n y nhanh th t c xin ch tr ng và kinh phí v i các c p có th m quy n và UBND t nh th c hi n công tác l p t h th ng quan tr c t ng và m b o ch t l ng n c th i liên t c theo quy nh Nhà n c v môi tr ng, c bi t là m b o tính liên t c trong gi i h n x th i c a thông s amoni, i u ki n nghi m thu hoàn thành d án thoát n c.

+ Công tác ch ng th t thoát n c: BKS nh n nh l i ích c a vi c ch ng th t thoát n c r t l n. M c tiêu c a Chính ph là n n m 2020, t lê th t thoát n c toàn qu c gi m xu ng còn 18% và n n m 2025 gi m xu ng còn 15%. Tuy nhiên, t l th t thoát c a Công ty n m 2020 v n còn cao 23,68% . Công ty c n xác nh chỉ n l c gi m th t thoát và m b o an ninh ngu n n c là nhi m v hàng u, t ó t p trung t i a ngu n l c, n l c tri n khai nhi u gi i pháp ng b và hi u qu . C n quan tâm ào t o xây d ng ngu n nhân l c ch t l ng cao chuyên ngành c p n c c v nhân s qu n tr l n chuyên môn k thu t g n v i vi c phát tri n và ng d ng khoa h c công ngh . So sánh v i các a ph ng và t m c tiêu trong 5 n m t i gi m t l th t thoát n m c th p nh t.

+ i v i công tác u t xây d ng c b n: Các công trình ch a hoàn thành, 23 công trình t ng ng 20 t ng, chuy n ti p t n m 2020 và k ho ch u t n m 2021 c n báo cáo hàng quý chi ti t và c th H QT, BKS thu n ti n trong theo dõi tình hình th c hi n, t ó có h ng ch o k p th i.

## 2/ Th c hi n ch k toán, BCTC và k t qu s n xu t kinh doanh:

BKS ã th m nh Báo cáo tài chính n m 2020 c ki m toán b i Công ty TNHH Hãng Ki m toán AASC (là n v ã c y Ban ch ng khoán Nhà n c ch p thu n ki m toán cho n v có l i ích công chúng thu c l nh v c ch ng khoán). BKS luôn duy trì kênh thông tin hi u qu v i ki m toán c l p m b o giám sát c ch t l ng báo cáo ki m toán báo cáo tài chính c ng nh c p nh p k p th i các k t qu ki m toán báo cáo tài chính.

M t s ch tiêu tài chính ch y u:

ST T	Ch tiêu	Th chí n N m 2020	Th chí n N m 2019	T l % 2020/201 9
1	T ng tài s n, trong ó:	1.509.732.154.12 5	1.542.353.634.30 0	97.8%
	<i>+ Tài s n ng nh n</i>	<i>629.562.275.628</i>	<i>616.215.717.676</i>	<i>102.1%</i>
	<i>+ Tài s n dài h n</i>	<i>880.169.878.497</i>	<i>926.137.916.624</i>	<i>95.0%</i>
2	Ngu n v n	1.509.732.154.12 5	1.542.353.634.30 0	97.8%
	<i>+ N ph í tr</i>	<i>321.686.527.210</i>	<i>340.244.892.856</i>	<i>94.5%</i>
	<i>+ V n ch s h u</i>	<i>1.188.045.626.915</i>	<i>1.202.108.741.444</i>	<i>98.8%</i>
3	V n i u l	788.000.000.000	788.000.000.000	100%
4	T ng doanh thu	298.061.032.320	296.273.796.464	100.6%
5	T ng chi phí	248.518.185.835	251.885.088.910	98.6%
6	L i nhu n tr c thu	49,542,846,485	44.388.707.554	111.6%
7	L i nhu n sau thu	38.649.998.425	35.286.678.254	109.5%
8	T su t l i nhu n sau thu /V L (%)	4,90	4,48	109.3%

ánh giá m t s ch tiêu tài chính:

Ch tiêu	N m 2020	N m 2019	Bi n ng
T su t LN thu n H KD/DTT	20.5%	17.6%	2.8%
T su t GVHB/DTT	81.3%	81.7%	-0.4%
T su t Chi phí lãi vay/DTT	7.2%	7.7%	-0.5%
T su t CPBH/DTT	2.2%	2.1%	0.1%
T su t CPQLDN/DTT	6.1%	7.1%	-0.9%
T su t LNST/DTT	15.4%	13.9%	1.5%
ROE	3.25%	2.94%	0.3%



TT	Ch tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Bi n ng
1	C c u tài s n			
	Tài s n dài h n/T ng tài s n	0.58	0.60	-0.02
	Tài s n ng n h n/T ng tài s n	0.42	0.40	0.02
2	C c u ngu n v n			
	N ph i tr /T ng ngu n v n	0.21	0.22	-0.01
	V n ch s h u/T ng ngu n v n	0.79	0.78	0.01
	N ph i tr /V n ch s h u	0.27	0.28	-0.01
3	Kh n ng thanh toán			
	Kh n ng thanh toán n ng n h n	9.36	9.78	-0.42
	Kh n ng thanh toán nhanh	8.60	8.79	-0.19
4	T su t l i nhu n	N m 2020	N m 2019	
	T su t LNST/T ng tài s n	2.56%	2.29%	0.27%
	T su t LNST/V n CSH	3.25%	2.94%	0.32%

Ch tiêu Doanh thu t ng 0,6%; L i nhu n t ng 9,5% so v i n m 2019. M t dù Công ty ã gi m giá bán h tr ng i dân do nh h ng c a d ch Covid 19 theo ch tr ng c a UBND t nh Lâm ng s ti n h n 04 t ng. L i nhu n ch y u thu t ti n lãi g i ngân hàng.

Ch tiêu giá v n hàng bán và chi phí qu n lý doanh nghi p gi m so v i n m 2019 t ng ng 5,6 t ng do ti t ki m các kho n chi phí trong qu n lý i u hành s n xu t kinh doanh.

Kh n ng thanh toán các kho n n ph i tr t t. Các ch tiêu tài chính n nh.

3/ V k t qu th c hi n các Ngh quy t H C th ng niên n m 2020, BKS xin nêu tóm l c nh sau:

Chúng tôi nh t trí v i báo cáo t ng k t ho t ng s n xu t kinh doanh, báo cáo tài chính trong n m 2020 ã c ki m toán. Trong ó, các ch tiêu chính nh sau:

N i dung	n v tính	Theo Ngh quy t H C	K t qu th c hi n	KQ sao v i NQ

1. Doanh thu	T  ng	<b>285.637</b>	<b>298.061</b>	<b>104,3%</b>
+ S  n xu  t công nghi  p		260.762	251.221	
+ Ho  t  ng tài chính		23.325	43.234	
+ Ho  t  ng khác		1.550	3.606	
2.L  i nhu  n tr  c thu	T  ng	<b>27.296</b>	<b>49.542</b>	<b>184,5%</b>
+ S  n xu  t công nghi  p		3.871	8.182	
+ Ho  t  ng tài chính		23.325	43.234	
+ Ho  t  ng khác		100	(1.873)	
3.L  i nhu  n sau thu	T  ng	21.836	38.649	177%
4.S  n l  ng s  n xu  t	1000 m3	23.076	23.847	103,3%
5.S  n l  ng ghi thu	1000 m3	18.297	18.201	99,5%
6.T  l th  t thoát	%	21	23,68	+2,68%
7.T  l t  n thu	%	< 1	< 1	100%
8.Chia c  t c  n m 2019	T  ng	19.148	19.080	99,6%

So sánh k  t qu  th  c hi  n v  i Ngh  quy t  i h  i  ng c  ông th  ng niên 2020, thì Công ty  ã c  b  n hoàn thành các ch  tiêu  c giao. Trong ó, ch  tiêu l  i nhu  n sau thu là v  t so v  i k  ho ch 77%. Riêng t  l th  t thoát là không  t, do nhi  u nguyên nhân khách quan l  n ch  quan nên v  n còn cao h  n so v  i k  ho ch là 2,68%.

BKS c  ng ki  n ngh  K  ho ch s  n xu  t kinh doanh n  m 2021  c  H  C thông qua c  n chi t  t và c  th  BKS thu  n t  n trong v  i c  theo dõi,  ánh giá và báo cáo cho các c  ông.

## II. K  t qu  giám sát  i v  i H  QT, Ban  i u hành (B  H):

Qua quá trình giám sát các ho  t  ng qu  n tr  ,  i u hành c  a H  QT, B  H và các b  ph  n qu  n lý c  a Lawaco trong n  m 2020, BKS ch  a th  y có d  u hi  u b  t th  ng trong các ho  t  ng qu  n tr  và  i u hành.

### 1. Giám sát  i v  i H  QT:

- H  QT  ã th  c hi  n nhi  m v  úng theo  i u l  c  a Lawaco.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì tuần các phiên họp nội bộ hàng quý, đã ban hành 07 nghị quyết và 09 quy định trong năm 2020. Trong các kỳ họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, chiến lược các chiến lược, hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết HĐQT và quy định của pháp luật.

- HĐQT đã chỉ đạo kế hoạch, giám sát chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu từ HĐQT/Chi nhánh HĐQT đã trao đổi trực tiếp và chốt vấn đề các hoạt động của BHH trong vị trí các chỉ số nhân lực, chi phí và các mục tiêu kinh doanh.

## 2. Giám sát nội bộ Ban Giám đốc/Ban điều hành:

- BHH đã thực hiện ý, kế hoạch Nghị quyết của HĐQT, các Nghị quyết và quy định của HĐQT. Chăm lo lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sản xuất, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong BHH cho, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện ý nghĩa và vị trí Nhà nước và chính sách lao động.

- BHH cũng trình bày các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh và thảo luận, bàn bạc trực tiếp với HĐQT để đưa ra các giải pháp kế hoạch, hiệu quả nhằm hoàn thành tất cả các mục tiêu mà HĐQT thông qua.

III. Đánh giá sơ bộ hiệu quả hoạt động của BKS với HĐQT, BHH, các cán bộ quản lý và công nhân:

1. Trong năm 2020, đội ngũ BKS với HĐQT, BHH và các bộ phận quản lý đã cố gắng duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp làm việc trên nguyên tắc vì lợi ích của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật, nội bộ và Quy chế Quản trị nội bộ của Lawaco. Sơ bộ hiệu quả của BKS với HĐQT và BHH có thể nhìn nhận phù hợp với Nghị quyết HĐQT.

Hội đồng đã kết hợp với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với BHH nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh của HĐQT đưa ra. Các thành viên BKS cũng tích cực tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó BKS có thể trao đổi, bàn bạc trực tiếp với Hội đồng ý kiến đóng góp của mình với HĐQT, BHH với các là giám sát và điều hành công ty.

2. **Điểm yếu:** BKS chưa nhận được yêu cầu hay khi unica công bố nhóm công có tài và thời gian sử dụng phần theo quy định của luật Lawaco.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc năm 2020 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình HĐQT thông qua.

Thay mặt BKS tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý công ty luôn tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Xin kính chúc các Quý công ty ngày càng phát triển và thành công, chúc công ty thành công.

Nhân:

- HĐQT
- Hội đồng quản trị;
- Ban điều hành;
- Luật sư ký, BKS.

TM BAN KIỂM SOÁT

TRƯNG BAN

Nguyễn Thị M Vân

Số: 03/2020/BC-BKS  
Đề nghị

Lâm Đông, ngày 10 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIÁO DỤC QUẢN LÝ  
CÁI BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Kính thưa Quý vị Công đồng Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Đông,

Các thành viên Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Đông;

Các thành viên, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Đông;

Ban Kiểm soát (“BKS”) kính trình báo cáo trình tự thực hiện công tác giám sát năm 2021 và kết quả hoạt động của BKS năm 2020 như sau:

I. Thành viên và chức vụ của BKS:

BKS hoạt động theo Hội đồng Giám sát năm 2020 và Hội đồng Giám sát năm 2021 gồm có: 03 thành viên

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân – Trưởng ban
- Bà Trần Thị Thủy – Thành viên
- Ông Trần Văn Thuận – Thành viên

II. Các hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Xây dựng chương trình hoạt động kiểm tra; Thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
2. Tham dự và có ý kiến, báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị (“HQT”) nhằm bắt tình hình quản trị, điều hành của Công ty Cổ phần Tập thể Thoát nước Lâm Đông (“Lawaco”); các phiên họp của BKS (tham dự trực tiếp và trực tuyến).
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Giám sát năm 2020 và các Nghị quyết của HQT.
4. Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.
5. Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020. Hàng quý thực hiện soát xét số liệu kế toán, tài chính, thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo quản trị Công ty.

6. Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế nội bộ Công ty đã ban hành. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các xây dựng mới các quy chế, quy trình,... cần thiết liên quan đến quản lý nội bộ doanh nghiệp như các chính sách quản trị, hay phân cấp chức năng, quy định giá các bộ phận,... để công bằng lợi ích trong công tác quản lý nội bộ doanh nghiệp.

7. Thực hiện nhiệm vụ công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

8. Tổng kết các báo cáo đã thực hiện trong năm 2020:

- Xây dựng và ban hành chương trình công tác kiểm soát năm 2020 thông qua lịch công tác hàng năm 2020.

- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính; Soát xét số liệu kế toán; Báo cáo tình hình phí thu, phí trả của Công ty. Đánh giá việc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

- Thẩm định, soát xét báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm 2020.

- Báo cáo kiểm tra kiểm tra, tình hình thực hiện công tác xây dựng cơ bản năm 2020. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã ra trong Nghị quyết HĐQT hàng năm 2020.

\* Đánh giá: Nhìn chung BKS đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2020 ra. Sau nhiệm vụ kiểm soát đều có Biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và xuất các ý kiến, kiến nghị của BKS nhằm mở rộng quy mô các công việc và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021:

1. Nội dung:

Chương trình hoạt động của BKS tập trung vào những nội dung chính sau:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT và các Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát tuân thủ luật, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.

- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thanh xuyên của Lawaco.

- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2021 đã được HĐQT thông qua.

- đánh giá vị trí thị trường hiện phân phối tín dụng, các chi nhánh khác liên quan đến mạng lưới lao động.
- rà soát quy trình, nội dung liên quan đến các hoạt động dịch vụ khách hàng sản phẩm tín dụng.
- Kiểm tra vị trí công bố thông tin của Lawaco có đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát các văn bản khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
- Theo dõi vị trí thị trường hiện nay kinh doanh của BKS đã diễn ra.

## 2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng Pháp luật hiện hành, nội dung Lawaco, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của BKS.
- Cần có và sắp xếp công trong BKS và nội dung chương trình nêu trên, từng thành viên BKS chịu trách nhiệm xây dựng nội dung làm vị trí và thời gian tiến hành công việc thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình Hội đồng thành viên.

Xin kính chúc các Quý công đồng nghiệp sức khỏe và thành đạt, chúc thịnh vượng thành công.

Nhân viên:  
 - Hội đồng;  
 - Hội đồng quản trị;  
 - Ban điều hành;  
 - Lưu Thủ ký, BKS.

TM BAN KIỂM SOÁT  
 TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị M. Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN  
C P THOÁT N C LÂM NG  
50 Hùng Vương, Phường 9,  
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174  
t: 02633 834304 Fax: 02633 824 050  
Website: lawaco.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

S : 01/2021/BC- H C

Thành phố Đà Lạt, ngày 30 tháng 03 năm 2021

## BÁO CÁO

Tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị,  
tổng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020

Kính gửi: HỘI ĐỒNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
C P THOÁT N C LÂM NG

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 (“H C 2020”):  
H C 2020 dù phải đối diện do dịch Covid 19 nhưng vẫn cố gắng thực hiện và thành công tiếp vào ngày 09/6/2020, H C 2020 đã đánh giá hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2019, đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho năm 2020, bổ sung các 01 thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) và thông qua Nghị quyết số: 01/2020/NQ- H C .

II. Hội đồng quản trị (“H QT”):

1. Thông tin về thành viên H QT: H QT có tổng cộng 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không đi u hành và 02 thành viên đi u hành; ngày 08/9/2020 Ông Võ Quốc Trang, Phó Chủ tịch H QT kiêm TG xin nghỉ việc, H QT đã có Nghị quyết chấp thuận trong ngày. Hiện nay H QT có 04 thành viên bao gồm 03 thành viên không đi u hành và 01 thành viên đi u hành, như sau:

Stt	Thành viên H QT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên H QT/ H QT độc lập	
			Ngày bắt nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông: PHAN BÌNH TÂN	Chủ tịch H QT	08/6/2018	
2	Ông: VÕ QUỐC TRANG	- Phó Chủ tịch H QT - Thành viên H QT	08/6/2018	08/9/2020
3	Ông: NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Thành viên H QT	08/6/2018	
4	Ông: DƯƠNG TIẾN DƯƠNG	Thành viên H QT không đi u hành	08/6/2018	
5	Ông: TRẦN QUỐC HÙNG	Thành viên H QT không đi u hành	08/6/2018	

2. Các cuộc họp H QT: H QT đã tổ chức và duy trì các phiên họp định kỳ, trong năm đã tổ chức 08 cuộc họp trong 04 quý như sau: Quý 1: 01 cuộc họp, quý 2: 01 cuộc họp, quý 3: 03 cuộc họp và quý 4: 03 cuộc họp, đã ban hành 08 Nghị quyết và 09 Quyết định đi u hành hoạt động của Công ty; trong các kỳ họp các thành viên đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các Nghị quyết mang tính nhân văn cao và



ch tr ng chung và ch o sâu, sát vi c tri n khai các ho t ng SXKD trên c s Ngh quy t H C th ng niên n m 2020 và quy nh c a Pháp lu t. Th ng kê s l n đ h p c a thành viên H QT nh sau:

STT	Thành viên H QT	S bu i h p H QT tham d	T l tham d h p	Lý do không tham d h p
1	Ông: PHAN ÌNH TÂN	8	100%	
2	Ông: VÕ QU C TRANG	6	75%	Mi n nhi m ngày 09/8/2020
3	Ông: NGUY N HÙNG C NG	8	100%	
4	Ông: D NG TI N D NG	8	100%	
5	Ông: TR N QU C HÙNG	8	100%	

### 3. Ho t ng giám sát c a H QT i v i Ban i u hành (“B H”):

3.1. Giám sát th ng xuyên: H QT ã th c hi n giám sát ho t ng c a B H c n c theo i u l và quy ch qu n tr n i b c a Công ty. H QT không can thi p tr c ti p vào công tác i u hành c a TG , luôn t o i u ki n và h tr TG trong vi c th c hi n hi u qu các Ngh quy t và Quy t nh c a H QT, c th nh sau:

- Ch o và giám sát B H l p ti n hành nh ng công vi c chu n b và t ch c H C th ng niên n m 2020;
- Ch o và giám sát TG t ng k t công tác SXKD n m 2020 và xây d ng K ho ch SXKD n m 2021;
- Ch o và giám sát B H th nghi m mô hình t ch c, ánh giá và l p ph ng án tái c u tr c l i theo h ng tinh, g n, hi u qu ;
- Ch o và giám sát B H th nghi m công tác ch ng th t thoát, th t thu ti n n c t i a bàn An S n, Ph ng 4, thành ph à L t, t nh Lâm ng b c u có hi u qu khá t t; trong 03 tháng t l th t thoát gi m c 10%;
- Ch o và giám sát TG v vi c t ng c ng công tác ki m tra, giám sát tình hình ho t ng c a các n v thành viên, các n v liên k t; kh c ph c nh ng t n t i trong ho t ng c a n v mà các oàn ki m toán, thanh tra bên ngoài c ng nh n i b ã ch ra; nâng cao hi u qu s d ng v n; c bi t quan tâm n hi u qu qu n lý và ki m soát chi phí ho t ng SXKD trong toàn công ty;
- Ch o và giám sát B H th c hi n vi c rà soát, i u ch nh và hoàn thi n các quy ch , quy trình và quy nh n i b liên quan n ho t ng SXKD, qu n lý chi phí, phân c p, phân quy n... nh m áp ng v i tình hình m i, t ng tính linh ho t trong kihn doanh, t ng c ng công tác ph i h p gi a các b ph n trong vi c tri n khai ngh quy t, quyết nh c a H C và c a H QT, cao tính tuân th trong công tác qu n lý, i u hành c a Công ty, m b o tuân th úng pháp lu t và các quy nh n i b ;
- Giám sát B H trong vi c qu n lý l nh v c u t , qu n lý chi phí và có bi n pháp phòng ng a h n ch r i ro trong ho t ng SXKD và u t . Th c hi n vi c ki m toán theo úng quy nh;
- Thông qua s ph i h p ch c ch gi a H QT và Ban ki m soát (“BKS”), H QT ã a ra các ý ki n góp ý v i TG và B H không ng ng nâng cao hi u qu c a h th ng ki m soát và qu n lý công ty;

M i n i dung th o lu n và quy t nh c thông qua t i các cu c h p c a H QT u c l p thành các v n b n, ngh quy t B H có c s tri n khai th c hi n.

3.2. Giám sát chuyên : H QT ã thành l p Ban giám sát chuyên th c hi n vi c ánh giá, giám sát vi c u t các công trình xây d ng c b n c a Công ty; qua ánh giá H QT ã có ngh quy t i u ch nh k p th i m t s công trình ch a làm úng các th t c u t .

3.3 Hi u qu c a ho t ng giám sát:

Công ty ã phát tri n theo úng m c tiêu, nh h ng và s ch o c a H QT m c dù n m 2020 d ch b nh Covid-19 ã nh h ng n tình hình kinh t trên toàn th gi i, nói chung và v i ho t ng SXKD c a Công ty nói riêng nh ng v i nh ng b c i ch c ch n và th n tr ng nên ho t ng SXKD c a công ty ã c c nh ng k t qu khá t t nh t ng doanh thu t ng 4,4% so v i k ho ch, doanh thu ho t ng tài chính t ng 85.4% so v i k ho ch giúp l i nhu n tr c thu t ng 81,50% so v i k ho ch.

H C th ng niên n m 2020 dù ph i d i 2 l n do d ch b nh v n di n ra úng quy nh và thành công t t p vào tháng 6/2020.

B H ã hoàn thành nhi u nhi m v do H QT giao, c th nh : liên t c rà soát, i u ch nh và b sung k p th i các chính sách, quy nh liên quan ho t ng SXKD c a Công ty.

Trong quá trình i u hành TG và B H ã tuân th theo úng quy nh c a pháp lu t, úng phân c p qu n tr t i i u l , Quy ch qu n tr n i b c a công ty, ngh quy t, quy t nh c a H QT và ã có nhi u gi i pháp i u hành linh ho t, k p th i phù h p v i ch tr ng, nh h ng c a H QT t t c m c tiêu c a Công ty. T ch c th c hi n nghiêm túc vi c công b thông tin i v i Công ty i chúng.

Tuy nhiên vi c xây d ng và tri n khai k ho ch gi m t l th t thu, th t thoát còn ch m vì v y ch a t t c m c tiêu ra trong l nh v c này, ngoài ra trong quá trình tri n khai công tác u t còn ch a làm úng m t s th t c theo quy nh.

M t s k t qu t c trong n m 2020:

STT	Ch tiêu	v tính	K ho ch	Th c hi n 2020	th c hi n so sánh v i KH
A	S n xu t công nghi p				
1	N c s n xu t	m <sup>3</sup>	23.076.000	23.847.000	103,3
	N c Công ty s n xu t	m <sup>3</sup>	13.221.000	14.155.000	107
	N c mua SG-DanKia	m <sup>3</sup>	9.855.000	9.692.000	98,3
	N c mua Tuy n Lâm	m <sup>3</sup>	-	-	
2	N c Ghi thu	m <sup>3</sup>	18.297.000	18.201.000	99,5
3	T l th t thoát	%	21,0	23,68	2,68
4	T l t n thu	%	<=1	<1	
5	Giá bán bình quân	ng/m <sup>3</sup>	12.461	12.113	97,2
6	Phát tri n khách hàng m i	H	4.040	3.336	82,6
7	Thu nh p	ng/ng i	11.120.000	11.071.000	99,6
B	Doanh thu	ng	285.636.000.000	298.062.000.000	104,4
1	Doanh thu SXCN	ng	260.762.000.000	251.221.000.000	96,3
2	Doanh thu ho t ng tài chính	ng	23.325.000.000	43.234.000.000	185,4

3	Doanh thu hoạt động khác	ng	1.550.000.000	3.607.000.000	232,7
C	Tổng lợi nhuận trước thuế	ng	27.296.000.000	49.543.000.000	181,5
1	Lợi nhuận hoạt động SXCN	ng	3.871.000.000	8.182.000.000	211,37
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	ng	23.325.000.000	43.234.000.000	185,4
3	Lợi nhuận hoạt động khác	ng	100.000.000	(1.873.000.000)	(1,873)
D	Tổng quỹ tiền lương		50.541.000.000	50.391.000.000	99,7
1	Tổng quỹ lương CB-CNV	ng	48.602.000.000	48.602.000.000	100,0
2	Tổng quỹ lương Ban điều hành	ng	1.939.000.000	1.789.000.000	100,0
E	Các chỉ số	%	1,5	2,58 %	1,08

#### 4. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT đã tham gia ý kiến các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bổ sung và bổ nhiệm lại các vị trí thu nhập quy định của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT vì lợi ích của công ty và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung với hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo sự phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ông Phan Đình Tân, Chủ tịch HĐQT: đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ, cụ thể: đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình công tác trong năm của HĐQT; thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng, kịp thời cho các thành viên HĐQT; chú trọng công tác quản lý tài chính, tài liệu phục vụ cho 07 cuộc họp HĐQT trong năm đúng quy định; ưu tiên và chú trọng các cuộc họp HĐQT chất lượng cao; ban hành và triển khai 07 nghị quyết mang tính định hướng SXKD cho Công ty một cách nghiêm túc, khẩn trương, ban hành 09 Quyết định của HĐQT phục vụ công tác phát triển chung của Công ty, trong thời gian dịch bệnh Covid 19 không thể thực hiện tập trung đã linh hoạt thực hiện các kế hoạch bổ sung và bổ nhiệm, hợp tác tuyển dụng nhân sự qua HĐQT kịp thời nhằm bắt kịp tình hình hoạt động của Công ty ban hành các Nghị quyết, Quyết định, thông báo của HĐQT phù hợp, vì vậy giúp ích cho công ty nhanh chóng chuyển đổi SXKD làm giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của Công ty; chủ trì, quản lý và giám sát Ban Điều hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; phối hợp với BKS giám sát hoạt động SXKD công ty mà trọng tâm là hoạt động tài chính, đầu tư. Chủ tịch các cuộc họp HĐQT trong năm 2020 thành công tốt đẹp.

- Ông Nguyễn Hùng Cường, Thành viên HĐQT kiêm quản trị, Tổng Giám đốc công ty:

+ Trong thời gian còn làm Phó TGĐ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của HĐQT phân công là giám sát lĩnh vực Quản lý đầu tư tại công ty và công tác kế toán.

+ Sau khi thực hiện nhiệm vụ Phó TGĐ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, trách nhiệm và phát huy các quy định của Tổng Giám đốc quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ Quản trị Công ty;

+ Đã có đóng góp tích cực, nghiêm túc và có hiệu quả trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định, các văn bản của HĐQT và Nghị quyết của HĐQT năm 2020.

- Ông Trần Quốc Hùng, Thành viên HĐQT:

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát lĩnh vực Quản lý đầu tư, phát triển khách hàng, thực hiện, nhân sự và lĩnh vực trong Công ty;

+ Báo cáo th ng xuyên k t qu giám sát b ng v n b n t i các cu c h p c a H QT;

+ Tham d y các cu c h p do B H t ch c có liên quan n l nh v c giám sát; trong các cu c h p ã th c hi n t t quy n phát bi u, ch t v n các n i dung có liên quan trong l nh v c ho t ng c a Công ty;

+ Tích c c h tr B H công ty v công tác i ngo i;

+ Th c hi n t t nhi m v Tr ng ban giám sát chuyên c H QT giao.

- Ông D ng Ti n D ng, Thành viên H QT.

+ Th c hi n t t công tác giám sát l nh v c tài chính, kinh doanh, k ho ch c a Công ty;

+ Báo cáo th ng xuyên k t qu giám sát b ng v n b n t i các cu c h p c a H QT;

+ Do i u ki n làm vi c ch a tham d các cu c h p do B H t ch c có liên quan n l nh v c giám sát, tuy nhiên có óng góp ý ki n b ng v n b n;

+ H tr t t cho B H công ty v công tác truy n thông, phát tri n th ng hi u, v n hóa doanh nghi p, k t n i các ngu n l c bên trong và ngoài Công ty xúc ti n u t phát tri n Công ty.

5. Các Ngh quy t, Quy t nh c a H QT ban hành trong n m nh sau:

Stt	S Ngh quy t/ Quy t  nh	Ngày	N i dung	T l thông qua
1	Ngh quy t s : 01/2020/NQ-H QT	06/3/2020	Thông qua k ho ch th c hi n H C 2020	100%
2	Ngh quy t s : 02/2020/NQ-H QT	16/4/2020	D i th i i m t ch c H C 2020 do d ch Covid 19	100%
3	Ngh quy t s : 03/2020/NQ-H QT	02/5/2020	Thông qua k ho ch th c hi n H C 2020 vào 9/6/2020 và tái ký h p  ng v i Th ký công ty	100%
4	Ngh quy t s : 04/2020/NQ-H QT	10/6/2020	1. Kh c ph c các v n t n t i liên quan  n ý ki n ngo i tr c a Ki m toán  c l p. 2. Xây d  ng ph  ng án s d  ng  i v i kho n t i n thu  c t vi c bán c ph n 3. Xây d  ng gi i pháp c th nh m kh c ph c các ch tiêu không t trong n m 2019 4. ánh giá các nguy c s c trong quá trình v n hành Nhà máy an Kia Su i Vàng và  ng ng Chuy n t i D600, 5. Ng  i i đi n ph n v n Báo cáo gi i thích rõ s c n thi t ph i i u ch nh thù lao H QT và Ban ki m soát công ty 6. Phân công nhi m v các thành viên H QT 7. H QT ký h p  ng lao  ng v i nh ng ng i do H QT b nhi m 8. L p l  trình th c hi n vi c i u ch nh, xây d  ng b sung các quy ph m n i b  ã ban hành.	100%



			<p>5. Th nghiệm m m t s gi i pháp ch ng th t thoát n c khu v c An S n, à L t làm c s hoàn thi n Ph ng án phòng, ch ng th t thoát n c trong toàn công ty.</p> <p>6. T m d ng vi c tri n khai D án xây d ng nhà máy Phát Chi và th c hi n vi c sang i h th ng chuy n h 1 (D150 thép) thành ng Chuy n t i, h 2 (D125 PVC) thành ng Phân ph i.</p> <p>7. Chi tr kho n ti n lãi phát sinh t tài kho n phong t a cho c ông.</p> <p>8. X lý kho ng phát sinh c t c n m 2018 do chênh l ch s l .</p> <p>9. Phân ph i ti n th ng t Qu Khen th ng n m 2019.</p> <p>10. Th c hi n tuy n d ng nhân s b sung.</p> <p>11. Cho áp d ng chính sách khen th ng i v i ng i có công báo s m nh t vi c b , v HTCN c a Công ty ho c cung c p thông tin chính xác v các hành vi s d ng n c trái phép, hành vi xâm h i i v i h th ng thu gom, x lý n c th i... TG cho xây d ng quy nh qu n lý công khai, minh b ch, rõ ràng úng lu t i v i Qu khen th ng này.</p>	
8	Quy t nh s : 01/2020/Q -H QT	02/5/2020	B nhi m Th ký công ty	100%
9	Quy t nh s : 02/2020/Q -H QT	15/7/2020	Phân công nhi m v thành viên H QT	100%
10	Quy t nh s : 03/2020/Q -H QT	21/7/2020	Thành l p Ban Giám sát chuyên	100%
11	Quy t nh s : 04/2020/Q -H QT	23/7/2020	Ban hành quy trình giám sát chuyên	100%
12	Quy t nh s : 05/2020/Q -H QT	23/7/2020	Phê duy t K ho ch giám sát chuyên	100%
13	Quy t nh s : 06/2020/Q -H QT	08/9/2020	Cho thôi vi c và mi n nhi m cán b i v i Ông VÕ QU C TRANG	80%
14	Quy t nh s : 07/2020/Q -H QT	08/9/2020	B nhi m TG i v i ông NGUY N HÙNG C NG	80%
15	Quy t nh s : 08/2020/Q -H QT	26/10/2020	Phân công nhi m v thành viên H QT	100%
16	Quy t nh s : 09/2020/Q -H QT	26/10/2020	Ban hành quy nh ch c n ng, nhi m v c a Th ký công ty	100%

6. Thù lao, chi phí ho t ng và l i ích khác c a H QT và t ng thành viên H QT:

6.1 Thù lao H QT và ti n l ng c a Tr ng BKS:

v tính: ng

Stt	Ch Tiêu	S ng i	K ho ch	Th c hi n	So sánh TH/KH (%)
I.	TI N THÙ LAO		552.000.000	530.000.000	96,01
1	H i ng Qu n Tr		432.000.000	424.000.000	100
	+ Ch t ch	1	120.000.000	120.000.000	100
	+ Phó Ch t ch	1	96.000.000	88.000.000	91,67
	+ Thành viên	3	216.000.000	216.000.000	100
2	Thành viên Ban Ki m Soát	2	96.000.000	96.000.000	100
3	Th ký H QT	1	24.000.000	10.000.000	41,67
II.	TI N L NG		300.000.000	300.000.000	100,00
1	Tr ng Ban ki m soát	1	300.000.000	300.000.000	100
	T ng (I)+(II)		852.000.000	830.000.000	97,4

## 6.2 Chi phí ho t ng và l i ích khác: Không

### III. Ban Ki m soát:

1. Thông tin v thành viên BKS: BKS c c c u 03 thành viên, ngày 09/6/2020 bà Nguyễn H i Tâm là thành viên c a BKS xin thôi ch c v và ã c H C 2020 cho phép mi n nhi m, trong ngày H C 2020 ã b u b sung bà Tr n Th Th y, C nhân kinh t - Chuyên ngành K toán doanh nghi p thay th k p th i. danh sách BKS nh sau:

Stt	Thành viên BKS	Ch c v	Ngày b t u/không còn là thành viên BKS		Trình chuyên môn
			Ngày b nhi m	Ngày mi n nhi m	
1	Bà: NGUY N TH M VÂN	Tr ng Ban	08/6/2018		C nhân K toán, Th c s ngân hàng
2	Ông: TR N V N THU N	Thành viên	20/6/2019		C nhân k toán
3	Bà: NGUY NH I TÂM	Thành viên	08/6/2018	09/6/2020	C nhân k toán, Th c s qu n tr kinh doanh
4	Bà: TR N TH TH Y	Thành viên	09/6/2020		C nhân kinh t - Chuyên ngành K toán doanh nghi p

### 2. Cu ch p c a BKS

STT	Thành viên BKS	S bu i h p tham d	T l tham d h p	T l bi u quy t	Lý do không tham d h p
1	Nguyễn Th M Vân	06	100%	100%	
2	Tr n V n Thu n	06	100%	100%	
3	Nguyễn H i Tâm	03	50%	100%	Mi n nhi m ngày 09/6/2020
4	Tr n Th Th y	03	50%	100%	B nhi m ngày 09/6/2020

3. Hồ t ả ng c ả BKS: Trong n ăm 2020, BKS ấ t ả ch c các ho t ả ng theo úng lu t ả nh, c th nh sau:

- + Ki m tra ho t ả ng SXKD 06 tháng cũ i n ăm 2019
  - + Báo cáo ho t ả ng ki m tra, giám sát n ăm 2019 và Ch ả ng trình hành ả ng n ăm 2020.
  - + Th m ả nh Báo cáo tài chính quý 1/2020.
  - + Ki m tra ho t ả ng SXKD 06 tháng ầ n ăm 2020.
  - + Báo cáo k t qu ả tình hình th c hi ả n công tác xây d ả ng c ả b n 09 tháng ầ n ăm 2020.
  - + Th m ả nh báo cáo tài chính quý 3/2020.
  - + Báo cáo v ả k t qu ả kinh doanh c ả Công ty, k t qu ả ho t ả ng c ả H QT, TG .
  - + Báo cáo t ả nh giá ho t ả ng c ả Ban ki m soát
- BKS ấ c 02 báo cáo chi ti t ả nh kèm

IV. Ban i u hành: B H c c c u 03 ả ng i, trong ó c 01 TG ả ph trách chung, 01 phó TG ả ph trách k thu t và 01 phó TG ả ph trách tài chính, kinh doanh, danh sách B H g m:

STT	Thành viên B H	Ngày tháng n ăm sinh	Trình chuyên môn	Ngày b ả nh i m/ mi n ả nh i m thành viên B H
1	Ông V ả QU C TRANG	08/9/1964	C ả nh ả n K to ả n, Th c s Kinh t	B ả nh i m TG : 08/6/2018 Mi n ả nh i m: 08/9/2020
2	Ông NGUY N H ỪNG C ả NG	25/11/1966	K s Xây d ả ng	B ả nh i m Phó TG : 08/6/2018 B ả nh i m TG : 08/9/2020
3	Ông NGUY N V ả ND ả NG	02/6/1968	C ả nh ả n K to ả n	B ả nh i m Phó TG : 08/6/2018

Ngày 08/9/2020 Ông V ả qu c Trang ch c v ả Phó Ch ả t ch H QT kiêm TG c ả n xin ả nh v ả c v ả lý do s c kh e, H QT ấ th ả ng nh t gi i quy t và c Ông Nguy n Hùng C ả ng, thành viên H QT, Phó TG ả m ả nh i m ch c v ả TG .

ả nh giá ho t ả ng c ả B H: Trong quá trình i u hành TG ả và B H ấ tu ả n th theo úng quy nh c ả pháp lu t, úng phân c p qu n tr t i i u l , Quy ch qu n tr n i b c ả công ty, ả nh quy t, quy t nh c ả H QT và ấ c ả nh i u gi i pháp i u hành linh ho t, k p th i phù h p v ả i ch tr ả ng, nh h ả ng c ả H QT t c m c tiêu c ả Công ty. Trong ó TG ấ hoàn thành vai trò i u hành ho t ả ng SXKD c ả Công ty theo úng m c tiêu, nh h ả ng và s ch o c ả H QT do ó m c d u còn nh i u khó kh n do t i p qu n công v ả c trong th i gian ng n (t ả tháng 9/2020) và tình hình d ch b nh k ả o dài nh ả ng công ty ấ c c ả nh ả ng k t qu khá t t v ả doanh thu ho t ả ng SXKD chính t ả ng 4,35% so v ả i k ho ch, doanh thu ho t ả ng tài chính t ả ng 85.35% so v ả i k ho ch giúp l i nh u n tr c thu t ả ng 81,50% so v ả i k ho ch.

TG ấ th c hi ả n và hoàn thành nh i u nh i m v ả do H QT giao, c th nh : liên t c



c p nh t, rà soát, i u ch nh và b sung k p th i các chính sách, quy nh liên quan ho t ng SXKD c a Công ty; t ch c th c hi n nghiêm túc vi c công b thông tin i v i Công ty i chúng.

Tuy nhiên vi c xây d ng và tri n khai k ho ch gi m t l th t thu, th t thoát còn ch m vì v y ch a t c m c tiêu ra trong l nh v c này.

#### V. K toán tr ng

H và tên	Ngày tháng n m sinh	Trình chuyên môn nghi p v	Ngày b nh i m/ mi n nh i m
Ông: BÙI HOÀNG TR NG V	07/3/1982	C nhân K toán, Th c s QTKD	B nh i m quy n K toán tr ng: 08/6/2018

Hoàn thành t t nh i m v c giao nh : Qu n lý t t ho t ng c a b ph n k toán, giám sát ch t ch vi c thanh quy t toán, m b o tính h p pháp trong s sách k toán, Tham m u t t cho B H trong l nh v c tài chính, k toán c a công ty.

VI. ào t o v qu n tr công ty: trong n m các thành viên H QT, thành viên BKS, Ban i u hành, Th ký công ty và các cán b qu n lý khác không tham gia các khóa ào t o v qu n tr công ty.

VII. Giao d ch c a ng i có liên quan c a Công ty v i chính Công ty: Trong n m không có giao d ch nào gi a Công ty v i ng i có liên quan c a Công ty ho c gi a Công ty v i c ông l n, ng i n i b , ng i có liên quan c a ng i n i b , giao d ch gi a ng i n i b Công ty, ng i có liên quan c a ng i n i b v i công ty con, công ty do Công ty n m quy n ki m soát, giao d ch gi a Công ty v i các i t ng khác.

VIII. Giao d ch c phi u c a ng i n i b và ng i liên quan c a ng i n i b : trong n m không có giao d ch c phi u c a ng i n i b v i ng i có liên quan ho c v i ng i có liên quan c a ng i n i b .

#### IX. K HO CH HO T NG N M 2021

H QT ti p t c ch o B H t p trung tri n khai các d án ã hoàn thành khai thác, hoàn thi n các th t c pháp lý. ng th i, H QT t p trung ch o th c hi n K ho ch s n xu t kinh doanh n m 2021 trong ó chú tr ng vi c phát tri n ngu n c p ch ng trong phân ph i tiêu th n c máy, xây d ng c ch ho t ng ph h p t o c h i ut cho Công ty, h tr B H th c hi n k ho ch kinh doanh và chi n l c c a Công ty trong các n m ti p theo.

Ngoài ra, nh m t ng c ng công tác qu n tr t i Công ty, n m 2021 H QT s ti p t c xây d ng và hoàn thi n các Quy trình, quy ch qu n tr theo h ng chuyên trách, nâng cao vai trò t ng thành viên H QT k p th i x lý các v n phát sinh c a Công ty trong quá trình ho t ng kinh doanh, m b o t i a l i ích c a c ông.

Xây d ng chi n l c phát tri n kinh doanh a d ng trên c s phát huy kinh nghi m chuyên môn c a CB-CNV h ng n m t Công ty a ngành ngh chuyên nghi p m r ng th tr ng ra ngoài t nh và khu v c

H QT cam k t ho t ng tích c c trên tinh th n trách nhi m cao nh m t hi u qu t i u cho Công ty và gia t ng giá tr cho các c ông. Ngoài nh ng nh i m v c

giao theo các quy định của chính sách kinh doanh, hoạt động thương mại và nhà thầu theo thông lệ thị trường năm 2021, HĐQT quy định tâm chủ yếu là hoàn thành các chỉ tiêu trọng yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khoạch	Tỉ lệ so sánh 2021/2020
A	Sản xuất công nghiệp			
1	Năng suất sản xuất	m <sup>3</sup>	23.730.000	99,5
	Năng suất Công ty sản xuất	m <sup>3</sup>	12.050.000	85,1
	Năng suất mua SG-DanKia	m <sup>3</sup>	10.220.000	105,4
	Năng suất mua Tuy n Lâm	m <sup>3</sup>	1.460.000	
2	Năng suất Ghi thu	m <sup>3</sup>	18.747.000	103,0
3	Tỉ lệ thất thoát	%	21	-2,68
4	Tỉ lệ tồn thu	%	<=1	
5	Giá bán bình quân	ng/m <sup>3</sup>	12.113	100,0
6	Phát triển khách hàng mới	h	3.965	118,9
B	Doanh thu	ng	300.481.000.000	100,8
1	Doanh thu SXCN	ng	258.758.000.000	103,0
2	Doanh thu hoạt động tài chính	ng	40.127.000.000	92,81
3	Doanh thu hoạt động khác	ng	1.597.000.000	44,3
C	Tổng lợi nhuận trước thuế	ng	52.341.000.000	105,65
1	Lợi nhuận hoạt động SXCN	ng	11.914.000.000	145,6
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	ng	40.127.000.000	92,81
3	Lợi nhuận khác	ng	300.000.000	300%
D	Lợi nhuận sau thuế phân phối	ng	41.872.800.000	
E	Tổng quỹ tiền lương		51.552.000.000	102,0
1	Tổng quỹ lương CB-CNV	ng	49.574.000.000	102,0
2	Tổng quỹ lương Ban giám đốc	ng	1.978.000.000	102,0
F	Chi phí	%	2,77	107,33%

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới quý Công đồng, mong rằng sự tiếp tục nỗ lực sản xuất hàng và kinh doanh của quý Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm 2021, vững bước trên lộ trình phát triển bền vững mà chúng ta đang hướng tới. Kính chúc Quý Công đồng mạnh khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng! Kính chúc Hội đồng thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nhân:**

- Ủy ban CK Nhà nước;
- Sở Giao dịch CK Hà Nội;
- Tổng công ty Lưu ký và Bảo vệ CK Việt Nam;
- TT Lưu ký CK Việt Nam (VSD);
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thụ ký CTy.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHÍNH THỨC

Phan Minh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN  
....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
độc lập – Tự do – Hạnh phúc

S :

....., ngày ... tháng ... năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát  
Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng

### BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

- Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản trị công ty áp dụng tại công ty nội chúng tại Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Kế toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số ..... ngày .....

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành nội dung “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng”.

Điều 2. Trình tự và nội dung thông qua “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng” tại Hội đồng thành viên năm 2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, nhân viên thu cước và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

Nhìn nhận:

- Nội dung;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

## QUY CH HO T NG C A BAN KI M SOÁT

### CÔNG TY C PH N ....

- C n c Lu t Ch ng khoán ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- C n c Lu t Doanh nghi p ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- C n c Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s iêu c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng B Tài chính h ng d n m t s i u v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chứng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c i u l Công ty C ph n ...;
- C n c Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày ... tháng ... n m 2021;
- C n c Ngh quy t Ban Ki m soát s ... ngày ... tháng ... n m 2021 v i v i c ban hành Quy ch ho t ng c a Ban Ki m soát.

## M ̣ C L ̣ C

NH ̣ NGH ̣ A VÀ CÁC THU ̣ T NG ̣	4
CH ̣ NG I - QUY ̣ NH ̣ CHUNG	4
i u 1. Ph ̣ m vi ̣ i u ch ̣ nh và ̣ i t ̣ ng áp d ̣ ng	4
i u 2. Nguyên t ̣ c ho t ̣ ng c ̣ a Ban ki ̣ m soát	4
CH ̣ NG II - THÀNH VIÊN BAN KI ̣ M SOÁT	5
i u 3. Quy ̣ n, ngh ̣ a v ̣ và trách nhi ̣ m c ̣ a thành viên Ban Ki ̣ m soát	5
i u 4. Nhi ̣ m k ̣ và s ̣ l ̣ ng thành viên Ban ki ̣ m soát	5
i u 5. Tiêu chu ̣ n và ̣ i u ki ̣ n thành viên Ban ki ̣ m soát	5
i u 6. Tr ̣ ng Ban ki ̣ m soát	6
i u 7. ng c ̣ , ̣ c thành viên Ban ki ̣ m soát	6
i u 8. Cách th ̣ c b u, mi ̣ n nhi ̣ m, b ̣i nhi ̣ m thành viên Ban ki ̣ m soát	7
i u 9. Các tr ̣ ng h ̣ p mi ̣ n nhi ̣ m, b ̣i nhi ̣ m thành viên Ban ki ̣ m soát	7
i u 10. Thông báo v ̣ b u, mi ̣ n nhi ̣ m, b ̣i nhi ̣ m thành viên Ban ki ̣ m soát	8
CH ̣ NG III - BAN KI ̣ M SOÁT	9
i u 11. Quy ̣ n, ngh ̣ a v ̣ và trách nhi ̣ m c ̣ a Ban ki ̣ m soát	9
i u 12. Quy ̣ n ̣ c cung c ̣ p thông tin c ̣ a Ban ki ̣ m soát	11
i u 13. Trách nhi ̣ m c ̣ a Ban ki ̣ m soát trong vi ̣ c tri ̣ u t p h ̣ p b t th ̣ ng ̣ i h i ng c ̣ ông	11
CH ̣ NG IV - CU ̣ C H ̣ P BAN KI ̣ M SOÁT	13
i u 14. Cu ̣ c h ̣ p c ̣ a Ban ki ̣ m soát	13
i u 15. Biên b ̣ nh p Ban ki ̣ m soát	13
CH ̣ NG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI L ̣ I ÍCH	14
i u 16. Trình báo cáo hàng n ̣ m	14
i u 17. Tì n l ̣ ng và quy ̣ n l ̣ i khác	14
i u 18. Công khai các l ̣ i ích liên quan	15
CH ̣ NG VI - M ̣ I QUAN H ̣ C ̣ A BAN KI ̣ M SOÁT	16
i u 19. M ̣ i quan h ̣ gi ̣ a các thành viên Ban ki ̣ m soát	16
i u 20. M ̣ i quan h ̣ v i ban ̣ i u hành	16
i u 21. M ̣ i quan h ̣ v i H ̣ i ng qu ̣ n tr ̣	16
CH ̣ NG VII - I U KHO ̣ N THI HÀNH	17
i u 22. H ̣ i u l ̣ c thi hành	17

## NH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên.

## CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng và thời gian áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế Hội đồng Kiểm soát quy định các chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Thời gian áp dụng: Quy chế Hội đồng Kiểm soát có hiệu lực áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc Hội đồng Kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Hội đồng, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

## CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, nội quy công ty, nghị quyết nội bộ công đồng và các nghị quyết trong các hội nghị quy định và nghĩa vụ công giao.
2. Thực hiện quy định và nghĩa vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và công đồng; không lợi dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, danh tiếng kinh doanh, tài sản khác của Công ty để lợi dụng quyền lực vị lợi ích cá nhân, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nội quy công ty; trong đó có quy định về các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người đại diện khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trừng phạt vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trừng phạt phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong các hội nghị quy định và nghĩa vụ công giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [...] (từ 03 đến 05 người). Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công đồng của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên thuộc giới Việt Nam.
4. Trừng phạt thành viên Ban Kiểm soát có cùng thẩm quyền thực hiện nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu thì thành viên Ban kiểm soát phải hết nhiệm kỳ về mặt pháp lý theo quy định và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc diện theo quy định tại khoản 2 điều 17 của Luật doanh nghiệp;





nhiệm vụ thi u thêm các viên phụ công bố rõ ràng trước khi i h i ng công bố u quy t b u thành viên Ban kiểm soát theo quy nh c a pháp lu t.

i u 8. Cách th c b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên Ban kiểm soát

1. Vi c b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên Ban kiểm soát thu c th m quy n c a i h i ng công.

2. Vi c bi u quy t b u thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ph i th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a Hội đồng quản trị ho c Ban kiểm soát và c ông có quy n đ n h t ho c m t ph n t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng viên. Ng i trúng c thành viên Hội đồng quản trị ho c Kiểm soát viên c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p có t 02 ng viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a Hội đồng quản trị ho c Ban kiểm soát thì s ti n hành b u l i trong s các ng viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí quy nh t i quy ch b u c ho c i u l công ty.

3. N u s ng viên nh h n ho c b ng s thành viên Ban Kiểm soát c n b u thì vi c b u thành viên Ban Kiểm soát có th c th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u nh quy nh t i Kho n 3 i u 148 Lu t Doanh nghi p ho c th c hi n theo ph ng th c bi u quy t (tán thành, không tán thành, không có ý ki n). T l bi u quy t thông qua theo ph ng th c bi u quy t c th c hi n theo Kho n 2 i u 20 i u l công ty

i u 9. Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m thành viên Ban kiểm soát

1. i h i ng công ông mi n nhi m thành viên Ban Kiểm soát trong tr ng h p sau ây:

a) Không còn tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy nh t i i u 169 c a Lu t Doanh nghi p;

b) Có n t ch c và c ch p thu n;

c) Tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty quy nh.

2. i h i ng công ông bãi nhi m thành viên Ban kiểm soát trong tr ng h p sau ây:

a) Không hoàn thành nhi m v , công vi c c phân công;

b) Không th c hi n quy n và ngh a v c a mình trong 06 tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;

c) Vi ph m nhi u l n, vi ph m nghiêm tr ng ngh a v c a thành viên Ban kiểm soát theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty;

d) Trình bày khác theo quy định hiện hành.

Điều 10. Thông báo về buổi họp, mời thành viên Ban kiểm soát

1. Trình bày xác định các thành viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các thành viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp hiện hành công bố trên trang thông tin internet của Công ty công bố có thể tìm hiểu về các thành viên này trước khi họp, các thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thể hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến các thành viên Ban Kiểm soát công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

    ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định nội bộ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà thành viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả buổi họp, mời thành viên Ban kiểm soát thể hiện theo các quy định nội bộ công bố thông tin.

### CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính chính xác, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định cụ thể cho Hội đồng công đồng thống niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch vĩ mô có liên quan thực tế thẩm quy định phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công đồng và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công đồng.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Hội đồng công đồng hoặc theo yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo văn bản về yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và công đồng hoặc nhóm công đồng có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát về việc tuân thủ của kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không có cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi nhận thấy Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công đồng bị vi phạm pháp luật, bổ sung, cắt giảm chức năng quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản

tr, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc  
phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng, Hội đồng  
quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sẵn sàng vận dụng, bổ sung kỹ năng toán nghiệp vụ của Công ty thực hiện nhiệm  
vụ công tác giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo  
cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng.

12. Kiểm tra tài sản vận chuyển liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công  
ty theo quy định của Hội đồng.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phối hợp thực hiện nhiệm vụ Hội đồng.

14. Thay thế Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ Hội đồng trong thời hạn 30  
ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện nhiệm vụ Hội đồng  
theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Nghiên cứu, đánh giá Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách  
người có liên quan và lợi ích có liên quan để kê khai quy định tại khoản 1 và khoản  
2 điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Xuất và kiến nghị Hội đồng phê duyệt danh sách thành viên kiểm toán  
công tác thu nhận thành viên kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; thành viên kiểm  
toán công tác thu nhận thành viên kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thực hiện  
thi đấu.

18. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội  
đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Mời họp Hội đồng về Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Hội đồng.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy công ty của  
thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác,  
Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ,  
yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu  
quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Hội đồng  
thông qua.

23. Chức năng Hội đồng Quản trị chức năng phi vụ và lập biên bản kiểm tra phi vụ của Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lý giải công bố vụ việc thông qua quy tắc hành vi công đồng.

24. Trường Ban kiểm soát đi hành vi hành công đồng bố cáo cụ thể và vị trí trường hợp Chức vụ giám đốc kiêm nhiệm làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bố cáo làm chứng. Trường hợp này, người có sự bố cáo nhất làm chứng cụ thể.

25. Chức năng các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều 1 Công ty và Quy tắc hành vi công đồng.

Điều 12. Quy định cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thẩm định và theo phương thức nội bộ thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:

a) Thông báo minh bạch, phi vụ lý giải thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Quy định, quy trình và biên bản họp của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ nội trú chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền nhận làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giới hạn làm việc.

3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, đi hành vi và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triu tập hành vi hành vi công đồng

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng Quản trị triu tập hành vi hành vi công đồng trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triu tập hành vi hành vi công đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường thì Hội đồng của Ban kiểm soát  
nhưng Hội đồng quản trị không thể hiện, thì Trưởng hội đồng công ty có quy định  
khác.

2. Trưởng hội đồng Ban kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng theo quy định  
thì Ban kiểm soát phải báo cáo thì mới phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Hội đồng theo quy định thì khoản  
chi phí này sẽ do Công ty hoàn trả.

## CHƯƠNG IV - CỤC H P BAN KI M SOÁT

Đi u 14. C u c h p c a Ban ki m soát

1. Ban ki m soát ph i h p ít nh t hai (02) l n trong m t n m, s l ng thành viên tham d h p ít nh t là hai ph n ba (2/3) s thành viên Ban ki m soát.
2. Ban ki m soát có quy n yêu c u thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và i di n t ch c ki m toán c ch p thu n tham d và tr l i các v n c n c làm rõ.

Đi u 15. Biên b n h p Ban ki m soát

Biên b n h p Ban ki m soát c l p chi ti t và rõ ràng. Ng i ghi biên b n và các thành viên Ban ki m soát tham d h p ph i ký tên vào biên b n c u c h p. Các biên b n h p c a Ban ki m soát ph i c l u gi nh m xác nh trách nhi m c a t ng thành viên Ban ki m soát.

## CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tối thiểu hàng công đồng thành niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trình Hội đồng công đồng qua tối thiểu hàng công đồng thành niên.
2. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tờ kê các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mức phần trăm (50%) trở lên với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát nội vụ Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sơ bộ về hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các công đồng.
8. Xu hướng và kiến nghị Hội đồng công đồng phê duyệt danh sách các kế toán viên chấp thuận các hồ sơ kế toán Báo cáo tài chính của Công ty; các kế toán viên chấp thuận các hồ sơ kế toán tra các hoạt động của Công ty khi xét thực hiện.

Điều 17. Tín dụng và quy định khác

Tín dụng, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát thực hiện tín dụng, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Hội đồng công đồng. Hội đồng công đồng quy định mức tín dụng, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.



2. Thành viên Ban kiểm soát thực thanh toán chi phí n, , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban Kiểm soát ã c i h i ng c ông ch p thu n, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.

3. Tỉ n l ng và chi phí ho t ng c a Ban kiểm soát c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, quy nh khác c a pháp lu t có liên quan và ph i c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty.

Đ i u 18. Công khai các l i ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát c a Công ty ph i kê khai cho Công ty v các l i ích liên quan c a mình, bao g m:

a) Tên, mã s doanh nghi p, a ch tr s chính, ngành, ngh kinh doanh c a doanh nghi p mà h làm ch ho c s h u ph n v n góp ho c c ph n; t l và th i i m làm ch , s h u ph n v n góp ho c c ph n ó;

b) Tên, mã s doanh nghi p, a ch tr s chính, ngành, ngh kinh doanh c a doanh nghi p mà nh ng ng i có liên quan c a h làm ch , cùng s h u ho c s h u riêng ph n v n góp ho c c ph n trên 10% v n i u l .

2. Vi c kê khai theo quy nh t i kho n l i u này ph i c th c hi n trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày phát sinh l i ích liên quan; vi c s a i, b sung ph i c thông báo v i Công ty trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày có s a i, b sung t ng ng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và nh ng ng i có liên quan c a các thành viên Ban kiểm soát ch c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình ph c v l i ích c a Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có ngh a v thông báo b ng v n b n cho H i ng qu n tr , Ban kiểm soát v các giao d ch gi a Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty n m quy n kiểm soát trên n m m i ph n tr m (50%) tr lên v n i u l v i thành viên Ban kiểm soát ho c v i nh ng ng i có liên quan c a thành viên Ban kiểm soát theo quy nh c a pháp lu t. i v i các giao d ch nêu trên do i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ch p thu n, Công ty ph i th c hi n công b thông tin v các ngh quy t này theo quy nh c a pháp lu t ch ng khoán v công b thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và nh ng ng i có liên quan c a các thành viên này không c s d ng ho c t i l cho ng i khác các thông tin n i b th c hi n các giao d ch có liên quan.

## CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau, không có sự liên hệ, cùng tác động trong công việc chung nhằm bảo vệ lợi ích tốt nhất của công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người chịu trách nhiệm chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là nhân viên thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là nhân viên thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## CH ̣ NG VII - I U KHO N THI HÀNH

i u 22. Hi u l c thi hành

Quy ch ̣ h o t ̣ n g c a Ban ki m soát Công ty c ̣ p h n C p thoát n ̣ c Lâm ̣ ng bao  
g m 7 ch ̣ ng, 22 i u và có hi u l c thi hành k ̣ t ngày ... tháng ... n m 2021.

TM. BAN KI M SOÁT

TR ̣ NG BAN

(Ký, ghi rõ h ̣ tên và óng d ̣ u)

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẬP THOÁT NƯỚC LÂM NG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QH-QT

Tp. Hà Nội, ngày ... tháng 4 năm 2021

### QUY ĐỊNH

Ban hành Quy định Hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh  
Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng

### HỘI NGỘ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẬP THOÁT NƯỚC LÂM NG

- Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản trị Công ty áp dụng trong Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng;
- Căn cứ Nghị quyết nội dung ... ngày 28 tháng 4 năm 2021.
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số ..... ngày .....

### QUY ĐỊNH

Điều 1. Ban hành “Quy định Hồ sơ đăng ký Hộ kinh doanh quản trị Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng” bao gồm 23 điều trong 07 Chương.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Thủ ký công ty, Trưởng các phòng chuyên môn, nhân viên thu ngân và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

Nhận: /

- Điều 3;
- VT.

TM. HỘI  
ĐỒNG  
QUẢN  
TRỊ  
CH  
TẬP THỂ

QUY CH H O T NG C A H I NG QU N TR  
CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG

- C n c Lu t Ch ng khoán ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- C n c Lu t Doanh nghi p ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- C n c Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s iêu c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng B Tài chính h ng đ n m t s i u v qu n tr Công ty áp đ ng i v i Công ty i chứng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c i u l Công ty C ph n C p thoát n c Lâm ng;
- C n c Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021;
- C n c Ngh quy t H i ng qu n tr s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021 v i v i c ban hành Quy ch h o t ng c a H i ng qu n tr .

## M C L C

CH  NG I. QUY  NH CHUNG.....	4
i u 1. Ph m vi i u ch nh và i t  ng áp d  ng.....	4
i u 2. Nguyên t c ho t  ng c a H i  ng qu n tr .....	4
CH  NG II. THÀNH VIÊN H I  NG QU N TR .....	4
i u 3. Quy n và ngh a v  c a thành viên H i  ng qu n tr .....	4
i u 4. Quy n  c cung c p thông tin c a thành viên H i  ng qu n tr .....	5
i u 5. S l  ng, nhi m k , và c c u thành viên H i  ng qu n tr .....	5
i u 6. Tiêu chu n và i u ki n thành viên H i  ng qu n tr .....	5
i u 7. Ch t ch H i  ng qu n tr .....	5
i u 8. Mi n nhi m, b  i nhi m, thay th  và b  sung thành viên H i  ng qu n tr .....	6
i u 9. Cách th c b u, mi n nhi m, b  i nhi m thành viên H i  ng qu n tr .....	7
i u 10. Thông báo v  b u, mi n nhi m, b  i nhi m thành viên H i  ng qu n tr .....	8
CH  NG III. H I  NG QU N TR	
i u 11. Quy n và ngh a v  c a H i  ng qu n tr .....	10
i u 12. Nhi m v  và quy n h n c a H i  ng qu n tr trong vi c phê duy t, ký k t h p  ng giao d ch.....	11
i u 13. Trách nhi m c a H i  ng qu n tr trong vi c tri u t p h p  i h i  ng c  ông b t th  ng.....	12
i u 14. Các ti u ban giúp vi c H i  ng qu n tr .....	13
CH  NG IV. CU C H P H I  NG QU N TR .....	14
i u 15. Cu c h p H i  ng qu n tr .....	14
i u 16. Biên b nh p H i  ng qu n tr .....	16
CH  NG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC L I ÍCH .....	18
i u 17. Trình báo cáo h  ng n m.....	18
i u 18. Thù lao, th  ng và l i ích khác c a thành viên H i  ng qu n tr .....	18
i u 19. Công khai các l i ích liên quan .....	19
CH  NG VI. M I QUAN H C A H I  NG QU N TR .....	20
i u 20. M i quan h gi a các thành viên H i  ng qu n tr .....	20
i u 21. M i quan h v i ban i u hành .....	20
i u 22. M i quan h v i Ban Ki m soát .....	20
CH  NG VII. I U KHO N THI HÀNH.....	21
i u 23. H i u l c thi hành.....	21

## CH ỨNG I. QUY ỚNG CH ỨNG

Ớng 1. Ph ả m ả v ớng ớng ch ớng nh ả và ớng ớng ớng ớng

1. Ph ả m ả v ớng ớng ch ớng nh ả: Quy ớng ch ớng h ớng t ớng c ả H ớng ớng qu ản tr ị quy ớng nh ả c ả c ả u ớng t ớng ch ớng nh ả s ớng, nguyên ớng t ớng ch ớng t ớng, quy ớng nh ả, ngh ớng ả v ớng c ả H ớng ớng qu ản tr ị và c ả c ả thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị nh ả m ớng h ớng t ớng theo quy ớng nh ả t ớng Lu ớng t ớng Doanh ớng nghi ớng p, ớng ớng 1 Công ty và c ả c ả quy ớng nh ả kh ớng c ả ả pháp lu ớng t ớng c ả liên qu ớng.

2. Ớng ớng ớng ớng ớng: Quy ớng ch ớng này c ả ớng ớng ớng ớng cho H ớng ớng qu ản tr ị, c ả c ả thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị và nh ớng ớng ớng ớng liên qu ớng c ả c ả p ớng trong quy ớng ch ớng này.

Ớng 2. Nguyên ớng t ớng ch ớng t ớng c ả H ớng ớng qu ản tr ị

1. H ớng ớng qu ản tr ị làm v ớng c ả theo nguyên ớng t ớng c ả t ớng p ớng th ớng. C ả c ả thành v ớng viên c ả H ớng ớng qu ản tr ị ch ớng u ớng trách nh ớng m ớng cá nh ớng ả v ớng ph ớng nh ớng v ớng c ả c ả mình và cùng ch ớng u ớng trách nh ớng m ớng t ớng c ả ớng h ớng ớng c ả ớng, t ớng c ả pháp lu ớng t ớng v ớng c ả c ả ngh ớng quy ớng t, quy ớng t ớng nh ả c ả H ớng ớng qu ản tr ị ớng v ớng ớng ớng phát t ớng r ớng c ả Công ty.

2. H ớng ớng qu ản tr ị giao trách nh ớng m ớng cho T ớng Giám ớng c ả t ớng ch ớng c ả ớng u ớng hành th ớng c ả h ớng nh ớng c ả c ả ngh ớng quy ớng t, quy ớng t ớng nh ả c ả H ớng ớng qu ản tr ị.

## CH ỨNG II. THÀNH V ỚNG VI ỚNG H ỚNG ỚNG QU ẢN TR Ị

Ớng 3. Quy ớng nh ả và ngh ớng ả v ớng c ả thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị

1. Thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị c ả ớng ớng c ả c ả quy ớng nh ả và trách nh ớng m ớng theo quy ớng nh ả c ả Lu ớng t ớng Doanh ớng nghi ớng p, Lu ớng t ớng Ch ớng ớng kho ớng ả, pháp lu ớng t ớng liên qu ớng ả và ớng ớng 1 Công ty, trong ớng ớng c ả c ả cung ớng c ả p ớng c ả c ả thông t ớng tin, tài li ớng u ớng v ớng tình hình tài chính, h ớng t ớng ớng kinh doanh c ả Công ty và c ả c ả nh ớng v ớng trong Công ty.

2. Thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị c ả ngh ớng ả v ớng theo quy ớng nh ả c ả Lu ớng t ớng Doanh ớng nghi ớng p, ớng ớng 1 Công ty và c ả c ả ngh ớng ả v ớng sau:

a) Th ớng c ả h ớng nh ớng c ả c ả nh ớng m ớng v ớng c ả mình m ớng t ớng cách trung th ớng c, c ả n ớng tr ớng v ớng l ớng ớng ích cao nh ớng t ớng c ả c ả ớng ớng và c ả Công ty;

b) Tham ớng d ớng ớng c ả c ả cu ớng ch ớng p ớng c ả H ớng ớng qu ản tr ị và c ả ớng ý k ớng nh ớng v ớng c ả v ớng nh ớng c ả ớng ớng ra th ớng ớng lu ớng;

c) Báo cáo k ớng p ớng th ớng ớng, ớng ớng v ớng H ớng ớng qu ản tr ị c ả c ả kho ớng nh ớng lao nh ớng nh ớng c ả t ớng c ả c ả Công ty con, Công ty liên k ớng t ớng và c ả c ả t ớng ch ớng c ả kh ớng c ả;

d) Báo cáo H ớng ớng qu ản tr ị t ớng ớng c ả h ớng p ớng g ớng nh ớng t ớng c ả giao d ớng ch ớng gi ớng ả Công ty, Công ty con, Công ty kh ớng c ả do Công ty nh ớng m ớng quy ớng nh ớng k ớng m ớng soát trên 50% tr ớng lên v ớng nh ớng ớng 1 v ớng v ớng thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị và nh ớng ớng ớng ớng c ả liên qu ớng c ả c ả thành v ớng viên ớng; giao d ớng ch ớng gi ớng ả Công ty v ớng Công ty trong ớng ớng thành v ớng viên H ớng ớng qu ản tr ị là thành v ớng viên sáng l ớng p ớng h ớng c ả là ng ớng ớng qu ản l ớng lý doanh ớng nghi ớng p trong th ớng ớng gian 03 nh ớng m ớng g ớng nh ớng t ớng t ớng c ả th ớng ớng ớng m ớng giao d ớng ch ớng;

) Th ớng c ả h ớng nh ớng công b ớng thông t ớng tin khi th ớng c ả h ớng nh ớng giao d ớng ch ớng c ả phi ớng u ớng c ả Công ty theo quy ớng nh ả c ả pháp lu ớng t.

Điều 4. Quy định về cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.
2. Người quản lý doanh nghiệp có quyền yêu cầu cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định như sau:
  - Thành viên Hội đồng Quản trị phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên Hội đồng Quản trị công ty.
  - Xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị sẽ ưu tiên giải quyết trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị về nội dung yêu cầu cung cấp thông tin.
  - Nội dung trên Hội đồng Quản trị thông qua thì người quản lý có yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và các điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể bầu lại nếu nhiệm kỳ không hết hạn.
3. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc nhiệm kỳ thì các thành viên có nhiệm kỳ là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Các điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:  
Các điều kiện Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không liên quan. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh liên quan hành chính của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không thuộc diện bị cấm của Công ty, trừ trường hợp Điều 1 Công ty có quy định khác;
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều 1 Công ty.

Điều 7. Chức vụ Hội đồng quản trị

1. Chức vụ Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chức vụ Hội đồng quản trị Công ty không kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chức vụ Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:



- a) Lập kế hoạch trình, kế hoạch hồ sơ đăng ký và quản lý;
- b) Chuẩn bị kế hoạch trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp đăng ký và quản lý;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quy định của Hội đồng quản lý;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản lý;

g) Chủ tọa cuộc họp hội đồng;

e) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý có nhiệm vụ cho các thành viên, Hội đồng quản lý phải bổ sung thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận nhiệm vụ cho các thành viên.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bổ nhiệm cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý chết, mất tích, bị tạm giam, vắng mặt hành hình phạt tù, vắng mặt hành biện pháp xử lý hành chính tức là sa thải nghỉ hưu, cấp dưỡng, cấp dưỡng, trên khi nghỉ việc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm nhiệm vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bổ nhiệm thay thế trong số các thành viên giám đốc Chủ tịch Hội đồng quản lý theo nguyên tắc các thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quy định mới của Hội đồng quản lý.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản lý quy định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ thực hiện triệu tập họp hội đồng, Hội đồng quản lý; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản lý trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản lý trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản lý Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ công đồng và báo cáo quy định, lợi ích hợp pháp của công đồng; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện hành chính;

g) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

Điều 8. Nhiệm vụ, bổ nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong trường hợp sau đây:

a) Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có nội dung và cách nộp thuế;

c) Trường hợp khác quy định của Điều 1 Công ty.

2. Điều kiện đăng ký thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hồ sơ đăng ký và điều kiện trong 06 tháng liên tiếp, trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định của Điều 1 Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, điều kiện đăng ký quy định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định khoản 1 và khoản 2 điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp điều kiện đăng ký bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba số vốn quy định của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp điều kiện đăng ký trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trường hợp quy định của Điều 1 và Điều 2 khoản này, điều kiện đăng ký bổ sung thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm, bãi nhiệm tích cực ngừng hoạt động.

Điều 9. Cách thức bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Công hoc nhóm công suất 10% tổng số vốn đăng ký có quy định của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 1 Công ty. Việc đăng ký vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các công hoc thông lệ thành nhóm đăng ký vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc bổ sung nhóm cho các công hoc dự bị trước khi khai mạc điều kiện đăng ký. Công hoc nhóm công suất 10% nên điều kiện 20% tổng số vốn có quy định của quy định của công hoc (01) ng viên; t 20% nên điều kiện 30% công hoc tiếp theo hai (02) ng viên; t 30% nên điều kiện 40% công hoc tiếp theo ba (03) ng viên; t 40% nên điều kiện 50% công hoc tiếp theo bốn (04) ng viên; t 50% nên điều kiện 60% công hoc tiếp theo năm (05) ng viên; t 60% nên điều kiện 70% công hoc tiếp theo sáu (06) ng viên; t 70% nên điều kiện 80% công hoc tiếp theo bảy (07) ng viên; và t 80% nên điều kiện 90% công hoc tiếp theo tám (08) ng viên.

b) Các công hoc thành viên Hội đồng quản trị, công hoc nhóm công hoc quy định của khoản này của quy định của công hoc theo quy định của điều kiện đăng ký làm thành viên Hội đồng quản trị

2. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị thông qua công hoc và công hoc vốn không số lượng cần thiết theo quy định của khoản 5 điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị nên miễn nhiệm gì thì bổ sung công hoc viên hoc công hoc theo quy định của Điều 1 Công ty, Quy định của Điều 1 Công ty và Quy định của công hoc

thành viên góp vốn. Vì thành viên góp vốn không phải là chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV theo quy định của pháp luật.

3. Vì chủ sở hữu thành viên góp vốn phải chịu trách nhiệm theo pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, theo đó có thể có nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân cho Công ty TNHH MTV. Vì vậy, thành viên góp vốn phải chịu trách nhiệm đóng thuế thu nhập cá nhân cho Công ty TNHH MTV. Ngoài ra, thành viên góp vốn cũng phải chịu trách nhiệm đóng thuế thu nhập cá nhân cho Công ty TNHH MTV. Vì vậy, thành viên góp vốn phải chịu trách nhiệm đóng thuế thu nhập cá nhân cho Công ty TNHH MTV.

4. Vì mục đích, bản chất thành viên góp vốn do thành viên góp vốn (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Thủ tục quy định thông qua theo pháp luật về chủ sở hữu Công ty TNHH MTV.

5. Nếu thành viên góp vốn không phải là thành viên góp vốn thì vì chủ sở hữu thành viên góp vốn có thể chủ sở hữu theo pháp luật về chủ sở hữu như quy định tại khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc chủ sở hữu theo pháp luật về chủ sở hữu (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Thủ tục quy định thông qua theo pháp luật về chủ sở hữu Công ty TNHH MTV.

Điều 10. Thông báo về bản chất, mục đích, bản chất thành viên góp vốn

1. Trước khi xác định thành viên góp vốn, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các thành viên góp vốn từ ngày 10 ngày trước ngày khai mạc hội đồng thành viên trên trang thông tin internet của Công ty. Công ty có thể tìm hiểu về các thành viên này trước khi bỏ phiếu, thành viên góp vốn phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết chịu trách nhiệm về mặt pháp lý, trung thực, công bằng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu chủ sở hữu làm thành viên góp vốn. Thông tin liên quan đến thành viên góp vốn công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm các chức danh thành viên góp vốn của Công ty khác);

) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều 10 Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà thành viên đang nắm giữ chức vụ thành viên góp vốn, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của thành viên góp vốn (nếu có).

2. Việc thông báo và kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định của công bố thông tin.

## CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của Công ty, thực hiện các quy định và nghĩa vụ thu nhập của Hội đồng.

2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Hội đồng quy định. Chức năng, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiểm soát lợi nhuận và tài sản công ty quy định chào bán cổ phiếu;

c) Quyết định bán cổ phiếu của bán trong phạm vi số cổ phiếu quy định chào bán cổ phiếu; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phiếu và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phê duyệt và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giới thiệu phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trên sổ ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thu nhập quy định của Hội đồng theo quy định tại Điều khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tuyển dụng, thôi việc và lợi ích khác của nhân viên quản lý; cử người đi đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Công ty khác, quyết định miễn thôi việc và quy định khác của nhân viên quản lý;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duy trì hệ thống, nội dung tài liệu pháp lý và hệ thống, tri thức pháp lý và hệ thống hồ sơ lý lịch nhân viên và hệ thống thông tin quy định;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm mã số kiểm toán lên Hội đồng;

- o) K i n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) K i n ngh vi c t ch c l i, gi i th Công ty; yêu c u phá s n Công ty;
- q) Quy t nh ban hành Quy ch ho t ng H i ng qu n tr, Quy ch n i b v qu n tr Công ty sau khi c i h i ng c ông thông qua; Quy ch v công b thông tin c a Công ty;
- r) Yêu c u T ng Giám c, Phó T ng Giám c, ng i qu n lý khác trong Công ty cung c p thông tin, tài li u v tình hình tài chính, ho t ng kinh doanh c a Công ty và c a n v trong Công ty.
- s) Ng i qu n lý c yêu c u ph i cung c p k p th i, y và chính xác thông tin, tài li u theo yêu c u c a thành viên H i ng qu n tr . Trình t , th t c yêu c u và cung c p thông tin c quy nh c th t i Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr .
- t) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l Công ty, quy ch qu n tr n i b công ty.

3. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr theo quy nh t i i u 280 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

4. H i ng qu n tr thông qua ngh quy t, quy t nh b ng bi u quy t t i cu c h p, l y ý k i n b ng v n b n ho c hình th c khác do i u l Công ty quy nh. M i thành viên H i ng qu n tr có m t phi u bi u quy t.

5. Tr ng h p ngh quy t, quy t nh do H i ng qu n tr thông qua trái v i quy nh c a pháp lu t, ngh quy t i h i ng c ông, i u l Công ty gây thi t h i cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua ngh quy t, quy t nh ó ph i cùng liên i ch u trách nhi m cá nhân v ngh quy t, quy t nh ó và ph i n bù thi t h i cho Công ty; thành viên ph n i thông qua ngh quy t, quy t nh nói trên c mi n tr trách nhi m. Tr ng h p này, c ông c a Công ty có quy n yêu c u Tòa án ình ch th c hi n ho c h y b ngh quy t, quy t nh nói trên.

i u 12. Nhi m v và quy nh n c a H i ng qu n tr trong vi c phê duy t, ký k t h p ng giao d ch

1. H i ng qu n tr ch p thu n các h p ng, giao d ch có giá tr nh h n 35% ho c giao d ch d n n t ng giá tr giao d ch phát sinh trong vòng 12 tháng k t ngày th c hi n giao d ch u tiên có giá tr nh h n 35% t ng giá tr tài s n ghi trên báo cáo tài chính g n nh t ho c m t t l , giá tr khác nh h n theo quy nh t i i u l Công ty gi a Công ty v i m t trong các i t ng sau:

- Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng Giám c, ng i qu n lý khác và ng i có liên quan c a các i t ng này;
- C ông, ng i i di n y quy n c a c ông s h u trên 10% t ng v n c p h n ph thông c a Công ty và nh ng ng i có liên quan c a h ;
- Doanh nghi p có liên quan n các i t ng quy nh t i kho n 2 i u 164 Lu t Doanh nghi p.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và công suất 51% tổng số vốn có quyền biểu quyết trên hocng có liên quan của công ty.

3. Nghị định của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức có liên quan liên quan đến hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo danh sách hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin

1. Hội đồng quản trị phải triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của công ty hoặc nhóm công ty quyết định khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu lập thành văn bản và triển khai thực hiện ký các công đồng có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

2. Triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin

Trường hợp Hội đồng quản trị Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của điều lệ Công ty hoặc nhu cầu yêu cầu quy định của pháp luật và điều lệ này;

3. Nghị triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin chi tiết các công việc sau đây:

- Chuẩn bị danh sách công ty mời tham gia và biểu quyết/buộc tức của họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin. Danh sách công ty có quyền dự họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin phải không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin. Hội đồng quản trị Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách công ty có quyền tham dự họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin 20 ngày trước ngày họp ký cùng;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho họp;

- d) Đồng ý quy định hình thức công việc theo nội dung đề kiến nghị;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp hội đồng;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp hội đồng cho tất cả các công ty thành viên;
- g) Các công việc khác theo yêu cầu.

Điều 14. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn thu nhập, trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, kế toán, kỹ thuật, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng Quản trị không được hành nghề kinh doanh trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.
2. Việc thực thi quy định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiêu chuẩn thu nhập Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định của Công ty, Quy chế nội bộ và Quản trị Công ty.



## CHƯƠNG IV. CỤM CHẾ PHẠM QUẢN TRỊ

Điều 15. Cụm chế Phạm quản trị

1. Chế độ Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc Hội đồng quản trị.

Cụm chế này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc 1 phiếu bầu cao nhất ưu tiên và chi trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên 01 người trong số những người ưu tiên phạm quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất một lần quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chế độ Hội đồng quản trị ưu tiên phạm quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có nghị quyết của Ban kiểm soát;

b) Có nghị quyết của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có nghị quyết của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Nghị quy định tại khoản 3 điều này phải công bố thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản cần thảo luận và quyết định thu thập quy định của Hội đồng quản trị.

5. Chế độ Hội đồng quản trị ưu tiên phạm quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quy định tại khoản 3 điều này. Trường hợp không ưu tiên phạm quản trị theo nghị quyết thì Chế độ Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra vì Công ty; người nghị quyết quy định thay thế Chế độ Hội đồng quản trị ưu tiên phạm quản trị.

6. Chế độ Hội đồng quản trị hoặc người ưu tiên phạm quản trị phải gửi thông báo miệng hoặc văn bản là 05 ngày làm việc trước ngày họp của Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo miệng phải xác nhận thời gian và địa điểm họp, chương trình, các văn bản thảo luận và quyết định. Thông báo miệng phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu bầu quy định của thành viên.

Thông báo miệng phạm quản trị có thể gửi bằng giấy, điện thoại, fax, phương tiện internet hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bổ sung các cách liên lạc tại thành viên Hội đồng quản trị cũng ký tại Công ty.

7. Chế độ Hội đồng quản trị hoặc người ưu tiên phạm quản trị phải gửi thông báo miệng và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát nếu vì các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề nghị các cụm chế phạm quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được bầu quyết.

8. Cụm chế phạm quản trị chỉ tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên đồng ý. Trường hợp cuộc họp chỉ ưu tiên phạm quản trị theo quy định tại khoản này không

thành viên đăng ký theo quy định thì các trụ sở chính và chi nhánh phải có mặt tại địa chỉ đăng ký trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày đăng ký thành lập. Trường hợp này, các thành viên phải có mặt tại địa chỉ đăng ký của Công ty quy định trong hồ sơ này. Trường hợp này, các thành viên phải có mặt tại địa chỉ đăng ký của Công ty quy định trong hồ sơ này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ủy quyền cho người khác đăng ký và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức ủy quyền, bằng phương tiện điện tử hoặc hình thức khác;
- Giữ phương tiện biểu quyết của cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử;
- Giữ phương tiện biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp giữ phương tiện biểu quyết của cuộc họp thông qua thư, phương tiện biểu quyết phải niêm phong bì dán kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phương tiện biểu quyết chậm trễ sẽ không được tính vào tổng số phiếu.

11. Biểu quyết

- Trường hợp quy định tại khoản 11 điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền theo quy định tại khoản 8 điều này trực tiếp có mặt và cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phương tiện biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị không có biểu quyết và các hợp đồng, các giao dịch hoặc xử lý mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không tính vào tổng số thành viên tại thời điểm có mặt có thể thực hiện cuộc họp Hội đồng quản trị và việc biểu quyết mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- Theo quy định tại điều 11 điều 15 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan tới lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tịch là quy định chung, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố;
- Thành viên Hội đồng quản trị đăng ký lợi ích của quy định tại điều 6 và điều 42 Điều lệ Công ty coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;
- Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp đăng ký lợi ích của mình trong hợp đồng giao dịch đã ký kết hoặc đăng ký ký kết với Công ty và bất bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị và vì các lý do khác của hợp đồng giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không bất bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch ký kết với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tới cuộc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị.

tính chất sau khi thành viên này bị từ chối thì mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên có quyền quy định khác đối với và bị quy định của các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu các thành viên đồng thuận; trừ trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức ủy quyền bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức in khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên đồng thuận hoặc không đồng ý quy định họp và cách thức đồng thuận; họ, tên các thành viên không đồng thuận và lý do;

đ) Văn bản thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên đồng thuận theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Văn bản được thông qua và tài liệu biểu quyết thông qua tại cuộc họp;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định khác tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản hoặc ký biên bản không đồng ý với các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại các mục a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Ban Giám đốc và Ban Giám đốc ngoài có hình thức pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản họp Ban Giám đốc và Ban Giám đốc ngoài thì nội dung trong biên bản họp Ban Giám đốc áp dụng.

## CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kế toán tài chính, Hội đồng quản trị trình Hội đồng báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kế toán kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các mục a, b và c khoản 1 điều này phải gửi Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng thường niên nếu Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải gửi Hội đồng quản trị chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng thường niên. Công sở hoặc phòng của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quy định minh bạch cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quy định thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kế toán và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thi t hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được ghi nhận thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được vì lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tổ chức của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm thù lao dựa trên kết quả công việc theo thỏa thuận, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc thực hiện

tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của hội đồng. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và nội bộ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trên hợp nội bộ Công ty không có quy định khác biệt, vì công khai lợi ích và nghĩa vụ liên quan của Công ty theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, số chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sự hợp tác hoặc góp vốn; tài sản và thị giá của các hợp tác hoặc góp vốn;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, số chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có liên quan của họ cùng sự hợp tác hoặc sự riêng biệt của họ góp vốn hoặc trên 10% vốn nội bộ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải công bố với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sự sửa đổi, bổ sung thực tế.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc đại diện hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty phải ghi rõ trình bày chi tiết, nội dung của công việc ở trước Hội đồng quản trị và chỉ thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có thể họ thu được sẽ thuộc về Công ty.

## CH NG VI. M I QUAN H C A H I NG QU N TR

i u 20. M i quan h gi a các thành viên H i ng qu n tr

1. Quan h gi a các thành viên H i ng qu n tr là quan h ph i h p, các thành viên H i ng qu n tr có trách nhi m thông tin cho nhau v v n có liên quan trong quá trình x lý công vi c c phân công.

2. Trong quá trình x lý công vi c, thành viên H i ng qu n tr c phân công ch u trách nhi m chính ph i ch ng ph i h p x lý, n u có v n liên quan n l nh v c do thành viên H i ng qu n tr khác ph trách. Trong tr ng h p gi a các thành viên H i ng qu n tr còn có ý ki n khác nhau thì thành viên ch u trách nhi m chính báo cáo Ch t ch H i ng qu n tr xem xét quy t nh theo th m quy n ho c t ch c h p ho c l y ý ki n c a các thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty và Quy ch này.

3. Trong tr ng h p có s phân công l i gi a các thành viên H i ng qu n tr thì các thành viên H i ng qu n tr ph i bàn giao công vi c, h s , tài li u liên quan. Vi c bàn giao này ph i c l p thành v n b n và báo cáo Ch t ch H i ng qu n tr v vi c bàn giao ó.

i u 21. M i quan h v i ban i u hành

V i vai trò qu n tr , H i ng qu n tr ban hành các ngh quy t T ng Giám c và b máy i u hành th c hi n. ng th i, H i ng qu n tr ki m tra, giám sát th c hi n các ngh quy t.

i u 22. M i quan h v i Ban Ki m soát

1. M i quan h gi a H i ng qu n tr và Ban Ki m soát là quan h ph i h p. Quan h làm vi c gi a H i ng qu n tr v i Ban Ki m soát theo nguyên t c bình ng và c l p, ng th i ph i h p ch t ch , h tr l n nhau trong quá trình th c thi nhi m v .

2. Khi ti p nh n các biên b n ki m tra ho c báo cáo t ng h p c a Ban Ki m soát, H i ng qu n tr có trách nhi m nghiê n c u và ch o các b ph n có liên quan xây đ ng k ho ch và th c hi n ch n ch nh k p th i.

CH NG VII. I U KHO N THI HÀNH

i u 23. Hi u l c thi hành

Quy ch h o t ng c a H i ng qu n tr Công ty c ph n C p thoát n c Lâm ng  
bao g m 7 ch ng, 23 i u và có hi u l c thi hành k t ngày ... tháng ... n m 2021.

TM. H I NG QU N TR  
CH T CH

(Ký, ghi rõ h tên và óng d u)





CÔNG TY C PH N C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM  
C P THOÁT N C LÂM NG c l p – T do – H nh phúc

D T H O

QUY CH N IB V QU N TR CÔNG TY  
CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG

C n c :

- C n c Lu t Ch ng khoán s 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- C n c Lu t Doanh nghi p s 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- C n c Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng B Tài chính h ng d n m t s i u v qu n tr Công ty áp d ng i v i Công ty i chứng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c i u l T ch c và Ho t ng c a Công ty C ph n C p Thoát N c Lâm ng;
- C n c Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021

H i ng qu n tr ban hành Quy ch n i b v qu n tr Công ty Công ty c ph n C p Thoát N c Lâm ng.



M U L C

CH ƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi áp dụng và tính áp dụng	5
Điều 2. Ghi thích thu nhập và chi phí	6
CH ƯƠNG 2 – NỘI DUNG CÔNG	7
I. QUY ĐỊNH NỘI DUNG CÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BAN	
HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TỐI CỰC NỘI DUNG CÔNG	7
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của hội đồng	7
Mục 2. Quy trình, thẩm quyền và biểu quyết hội đồng	7
Điều 3. Thẩm quyền tối ưu hội đồng	7
Điều 4. Nhân sự hội đồng	8
Điều 5. Lập Danh sách công có quy định hợp và thông báo về việc chốt danh sách công có quyền tham dự hội đồng	10
Điều 6. Thông báo tối ưu hội đồng	10
Điều 7. Chương trình, nội dung hội đồng	10
Điều 8. Cách thức ký, ý quyền tham dự hội đồng	11
Điều 9. Các điều kiện hành hợp hội đồng	13
Điều 10. Hình thức thông qua quyết định hội đồng	13
Điều 11. Các nội dung công thông qua tối ưu hội đồng	13
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tối ưu	14
Điều 13. Cách thức biểu quyết	15
Điều 14. Cách thức biểu quyết	16
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	17
Điều 16. Điều kiện nghị quyết công thông qua	17
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	18
Điều 18. Cách thức phân quyết nhấc hội đồng	18
Điều 19. Lập Biên bản họp hội đồng	18
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp hội đồng	19
II. QUY ĐỊNH NỘI DUNG CÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BAN	
HÌNH THỨC LỜI Ý KIẾN BAN NGƯỜI	19
Điều 21. Trình bày lời ý kiến công bố công nhân	19
Điều 22. Trình bày không lời ý kiến công bố công nhân	20
Điều 23. Trình bày, thẩm định hợp hội đồng thông qua Nghị quyết ban công nhân hình thức lời ý kiến công bố công nhân	20
III. QUY ĐỊNH NỘI DUNG CÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BAN	
HÌNH THỨC HƯỚNG TRỰC TUYẾN	22



i u 24. Thông báo tri u t p h p i h i ng c ông tr c tuy n-----	22
i u 25. Cách th c ng ký tham d i h i ng c ông tr c tuy n-----	22
i u 26. Cung c p thông tin ng nh p và th c hi n b phi u i n t -----	22
i u 27. Vi c y quy n cho ng i i di n d h p i h i ng c ông tr c tuy n -----	23
i u 28. i u ki n ti n hành-----	23
i u 29. Th o lu n t i i h i ng C ông tr c tuy n -----	23
i u 30. Hình th c thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ông tr c tuy n -----	23
i u 31. Cách th c b phi u tr c tuy n-----	24
i u 32. Cách th c ki m phi u tr c tuy n-----	24
i u 33. Thông báo k t qu ki m phi u -----	24
i u 34. L p biên b nh p i h i ng c ông-----	25
i u 35. Công b Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông-----	25
<b>IV. QUY NH IV I I H I NG C ÔNG THÔNG QUANGH QUY T B NG</b>	
<b>  HÌNH TH C H INGH TR C TI P K TH P V I TR C TUY N -----</b>	<b>25</b>
i u 36. Thông báo tri u t p h p i h i ng c ông-----	25
i u 37. Cách th c ng ký tham d i h i ng c ông-----	25
i u 38. Vi c y quy n cho ng i i di n d h p i h i ng c ông-----	25
i u 39. i u ki n ti n hành-----	25
i u 40. Hình th c thông qua ngh quy t c a i h i ng c ông-----	25
i u 41. Cách th c b phi u -----	25
i u 42. Cách th c ki m phi u -----	25
i u 43. Thông báo k t qu ki m phi u -----	25
i u 44. L p biên b nh p i h i ng c ông-----	25
i u 45. Công b Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông-----	25
<b>M c 1. Quy nh chung-----</b>	<b>26</b>
i u 46. Vai trò, Quy n và ngh a v c a H QT-----	26
i u 47. Quy n và ngh a v , trách nhi m c a thành viên H QT-----	26
<b>M c 2 – Quy nh v c , ng c , B u, Mi n nhi m và Bã i nhi m thành viên H QT-----</b>	<b>27</b>
i u 48. S l ng, nhi m k và c c u thành viên H i ng qu n tr H QT-----	27
i u 49. Tiêu chu n và i u ki n Thành viên H QT-----	27
i u 50. c , ng c thành viên H i ng qu n tr -----	28
i u 51. Cách th c b u thành viên H QT -----	28
i u 52. Các tr ng h p mi n nhi m, bã i nhi m, thay th và b sung thành viên H i ng qu n tr	28
i u 53. Thông báo v b u, mi n nhi m, bã i nhi m thành viên H i ng qu n tr -----	29
i u 54. Cách th c gi i thi u ng viên thành viên H i ng qu n tr -----	29
i u 55. B u, bã i nhi m, mi n nhi m Ch t ch H i ng qu n tr -----	30



Mục 3 – Thủ tục, trình tự và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	30
Điều 56. Thủ tục, trình tự và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	30
Mục 4 – Quy định về trình tự và thẩm quyền của Hội đồng quản trị -----	31
Điều 57. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo tháng/quý/năm -----	31
Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm Hội đồng quản trị bất thường -----	31
Điều 59. Thông báo miễn nhiệm Hội đồng quản trị và quy định miễn nhiệm Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát -----	31
Điều 60. Điều kiện miễn nhiệm Hội đồng quản trị -----	32
Điều 61. Cách thức biểu quyết -----	32
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị -----	33
Điều 63. Việc quy định cho người khác đại diện của thành viên Hội đồng quản trị -----	34
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	34
Điều 65. Trường hợp chốt và/hoặc ký kết biên bản họp Hội đồng quản trị -----	34
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	34
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị -----	36
Điều 67. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị -----	36
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc quản trị Công ty -----	36
Điều 68. Tiêu chuẩn của Giám đốc quản trị Công ty -----	36
Điều 69. Việc bổ nhiệm Giám đốc quản trị Công ty -----	36
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Giám đốc quản trị Công ty -----	36
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc quản trị Công ty -----	36
Điều 72. Quy định và Nghĩa vụ của Giám đốc quản trị Công ty -----	36
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----	38
Mục 1. Quy định chung -----	38
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát ---	38
Mục 2. Quy định về Nhiệm vụ, số lượng, thành phần, chức vụ thành viên Ban kiểm soát -----	38
Điều 74. Số lượng, nhiệm vụ, thành phần và chức vụ thành viên Ban kiểm soát -----	38
Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát -----	39
Điều 76. Chức vụ, ngành nghề của thành viên Ban kiểm soát -----	39
Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát -----	40
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	40
Điều 79. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát -----	40
Điều 80. Tình trạng và quy định khác của thành viên Ban kiểm soát -----	40
CHƯƠNG 5 – TNG GIÁM ĐỐC -----	42
Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc -----	42
Điều 82. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc -----	42



1 u 83. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Giám đốc-----	42
1 u 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Hội đồng Giám đốc-----	43
1 u 86. Tiêu chuẩn và lợi ích khác của Hội đồng Giám đốc-----	43
<b>CHƯƠNG 6 – CÁC HỘI ĐỒNG KHÁC</b> -----	<b>44</b>
<b>Mục 1 – Quy định về hình thức hợp đồng giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng Giám đốc</b>	<b>44</b>
1 u 87. Thủ tục, trình tự lập, thông báo miễn nhiệm, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng QT, Ban kiểm soát và Hội đồng Giám đốc-----	44
1 u 88. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng QT cho Ban kiểm soát-----	44
1 u 89. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng QT cho Hội đồng Giám đốc-----	44
1 u 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Hội đồng Giám đốc nghị trình tự họp Hội đồng QT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng QT-----	44
1 u 91. Báo cáo của Hội đồng Giám đốc với Hội đồng QT về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao-----	45
1 u 92. Kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề quy định khác của Hội đồng QT với Hội đồng Giám đốc-----	46
1 u 93. Các vấn đề Hội đồng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng QT, BKS-----	46
1 u 94. Hình thức hợp đồng kiểm soát, nội dung, giám sát giữa các thành viên Hội đồng QT, các kiểm soát viên và Hội đồng Giám đốc theo các nhiệm vụ chức năng của các thành viên nêu trên-----	46
<b>Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm nội vụ hoạt động khen thưởng và kỷ luật với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng Giám đốc và các nghiệp vụ hành doanh nghiệp khác</b> -----	<b>49</b>
1 u 95. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng QT, Kiểm soát viên, Hội đồng Giám đốc và nghiệp vụ hành khác-----	49
1 u 96. Khen thưởng-----	49
1 u 97. Kỷ luật-----	49
<b>CHƯƠNG 7 - SÁI QUY ĐỊNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> -----	<b>51</b>
1 u 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định và quy định Công ty-----	51
<b>CHƯƠNG 8 - NGÀY HIGHLIGHT</b> -----	<b>51</b>
1 u 99. Ngày highlight-----	51

**CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG**

**1 u 1. Phạm vi nội dung và nội dung áp dụng**

1. Phạm vi nội dung: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng công, Hội đồng quản trị, Hội đồng Giám đốc; trình tự, thủ tục chấp hành Hội đồng công; chức năng, bổn phận, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban



kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ khác của pháp luật.

2. Nội dung áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và nhân viên liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và nhân viên điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Công Thoát Nước Lâm Đồng.
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị
4. Công nhân: là tất cả
5. BKS: là Ban kiểm soát
6. VSD: là Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
7. Điều lệ: là Công đồng, nghị định (nghị quyết công ty quy định)
8. Nghĩa vụ pháp lý của Công ty: là nghĩa vụ có trách nhiệm và quy định theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



## CHƯƠNG 2 – NỘI DUNG CÔNG ĐỒNG

### I. QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CÔNG ĐỒNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BAN QUẢN LÝ CÔNG ĐỒNG

#### Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của hội đồng công đồng

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của hội đồng công đồng quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 13, Điều 14 Điều lệ Công ty.

#### Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục và biểu quyết tại hội đồng công đồng

##### Điều 3. Thủ tục quy định tại hội đồng công đồng

(Căn cứ quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty)

1. Thủ tục quy định tại hội đồng công đồng thường niên: Hội đồng công đồng họp thường niên ít nhất một lần và trong tháng chẵn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp hội đồng công đồng thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thủ tục quy định tại hội đồng công đồng bất thường:

a. Hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng công đồng trong tháng chẵn (60) ngày kể từ ngày trở thành Hội đồng hoặc Kiểm soát viên còn liên tục quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty hoặc nhân sự yêu cầu quyết định tạm thời và tạm thời khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty;

Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập họp thành viên công đồng Hội đồng quản trị không còn áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện tiếp tục họp hội đồng công đồng gần nhất hoặc triệu tập họp hội đồng công đồng bổ sung hoặc thay thế thành viên công đồng Hội đồng quản trị trong tháng chẵn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên công đồng Hội đồng quản trị có liên quan;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp hội đồng công đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty thì trong tháng chẵn (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị họp hội đồng công đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp hội đồng công đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty thì công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Hội đồng Công ty triệu tập họp hội đồng công đồng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng triệu tập họp hội đồng công đồng có thẩm quyền quan sát kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của hội đồng công đồng. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp hội đồng công đồng của Công ty hoàn toàn do chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham dự họp hội đồng công đồng, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

d. Thủ tục tiếp tục họp hội đồng công đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.



Điều 4. Nhân sự điều hành công

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty)

1. Chức danh và thành viên Chức danh:

- a. Chức danh Điều hành quy định làm chức danh hoặc quy định cho thành viên Điều hành quy định khác làm chức danh điều hành điều hành công do Điều hành quy định trực tiếp. Trường hợp Chức danh vắng mặt hoặc tạm thời thì các thành viên Điều hành quy định còn lại bổ sung trong số làm chức danh theo nguyên tắc如上. Trường hợp không bổ sung điều hành làm chức danh, Trường Ban kiểm soát điều hành điều hành công bổ chức danh chức danh trong số ứng cử và ứng cử có ưu tiên bổ chức danh làm chức danh chức danh;
- b. Trường hợp quy định tại khoản này, ứng cử ký tên trực tiếp điều hành công điều hành điều hành công bổ chức danh chức danh và ứng cử có số ưu tiên bổ chức danh làm chức danh chức danh;
- c. Chức danh có quy định các biện pháp cần thiết điều hành khi cần chức danh một cách hợp lý, có trách nhiệm, ứng theo chương trình đã thông qua và phản ánh các mong muốn của các ứng cử.
- d. Chức danh chức danh điều hành công có quy định sau đây:
  - Yêu cầu ứng cử điều hành chức danh kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - Yêu cầu quan có thẩm quyền duy trì trật tự chức danh; trực tiếp ứng cử không tuân thủ quy định điều hành chức danh, gây rủi ro trật tự, ứng cử cần tiến hành bình thường của chức danh hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh rủi ro chức danh điều hành công.
- e. Chức danh có quy định hoãn chức danh điều hành công đã có số ứng cử ký danh phiếu điều hành không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày chức danh danh khai mạc và chức danh hoãn chức danh hoặc thay đổi ứng cử trong trường hợp sau đây:
  - Ứng cử không có chứng cứ chứng minh cho ứng cử điều hành;
  - Phản ứng tin tức ứng cử không bổ ứng cử điều hành tham gia, thảo luận và bổ ứng cử;
  - Có ứng cử danh chức danh, gây rủi ro trật tự, có nguy cơ làm cho chức danh không tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Mục tiêu quy định và nghĩa vụ khác của Chức danh theo quy định của luật hiện hành.
- g. Thành viên Chức danh có từ 03 đến 05 ứng cử, bao gồm 01 Chức danh, 01 thành viên BKS và các thành viên của HĐQT.
- h. Nhiệm vụ của thành viên Chức danh:
  - Điều hành các hoạt động của điều hành công Công ty theo chương trình đề nghị của HĐQT đã điều hành công thông qua;
  - Hướng dẫn các ứng cử và điều hành thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình bày thảo luận, kết luận nháp và cần thiết điều hành bổ ứng cử;





- Trích kinh nghiệm do kinh nghiệm;
  - Ghi quy tắc các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình kinh nghiệm.
- i. Nguyên tắc làm việc của Ban Quản Trị: Ban Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quy trình theo pháp luật.
2. Nhiệm vụ của Ban Quản Trị:
- a. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản Trị là làm theo quy định của pháp luật;
- b. Nhiệm vụ của Ban Quản Trị:
- Ghi chép ý kiến, trung thực nội dung kinh nghiệm;
  - Tiếp nhận và xử lý khiếu nại phát sinh các công việc/ khiếu nại;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết kinh nghiệm công việc;
  - Hỗ trợ Ban Quản Trị công bố thông tin liên quan đến công việc kinh nghiệm công việc và thông báo các Công việc theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Quản Trị.
3. Ban Kiểm Toán:
- a. Kinh nghiệm công việc bổ sung thêm vào ban kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- b. Nhiệm vụ của Ban Kiểm Toán:
- Phân tích nguyên nhân, thời gian, hình thức các biện pháp quy định.
  - Kiểm tra và ghi nhận khiếu nại quy định, lập biên bản kiểm toán, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Ban Quản Trị phê duyệt kết quả khiếu nại quy định.
  - Nhanh chóng thông báo kết quả khiếu nại quy định cho khách hàng.
  - Xem xét và báo cáo kinh nghiệm trong hợp đồng vi phạm thời gian khiếu nại quy định hoặc nhân viên kết quả khiếu nại quy định.
4. Ban Kiểm Tra các công việc/ khiếu nại:
- a. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Tra là làm trong Ban Kiểm Tra các công việc/ khiếu nại phục vụ công việc. Ban Kiểm Tra các công việc/ khiếu nại của kinh nghiệm 05 ngày, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban Kiểm Tra các công việc/ khiếu nại:
- Kiểm tra các công việc và tình hình công việc, đi đến công việc.
  - Trưởng Ban Kiểm Tra các công việc/ khiếu nại báo cáo về kinh nghiệm công việc tình hình công việc. Nhân viên có sự lắng nghe công việc và đi đến các quy định có quy định hình phạt đi đến trên 50% tổng số khiếu nại quy định thì công việc kinh nghiệm công việc Công ty sẽ thực hiện.
  - Tham gia kiểm toán các nội dung khác trừ khi thành lập Ban Kiểm Toán.



Điều 5. Lập Danh sách công có quy định hợp và thông báo về việc chốt danh sách công có quy định tham dự họp hội đồng

(Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty; Quy chế thực hiện quy định của Tổng Công ty Lâm Đồng và Bộ trình ngân khoản Việt Nam)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách công có quy định tham dự họp hội đồng tối thiểu 20 ngày trước ngày họp ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách công và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quy định của Tổng Công ty Lâm Đồng và Bộ trình ngân khoản Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập hội đồng

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp hội đồng phải gửi thông báo mời họp nội bộ công trong danh sách công có quy định hợp chuẩn nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nội bộ Công ty không quy định thời hạn dài hạn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc các công, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác liên quan đến việc họp.
2. Thông báo mời họp gửi bằng phương thức báo mạng hoặc địa chỉ liên lạc các công và đăng trên trang thông tin nội bộ của Công ty; trường hợp Công ty xét thấy cần thì thông báo hàng ngày của trung tâm hoặc áp dụng theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. Thông báo mời họp phải kèm theo các tài liệu sau đây:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và đề nghị quy định về nội dung họp;
  - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu.
4. Trường hợp Công ty có trang thông tin nội bộ, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin nội bộ của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nội dung, cách thức tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung họp hội đồng

(Căn cứ quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp hội đồng triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp hội đồng phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách công mời người liên quan tham gia và biểu quyết/bầu cử cử họp hội đồng. Danh sách công có quy định họp hội đồng lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp hội đồng. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách công có quy định tham dự họp hội đồng tối thiểu 20 ngày trước ngày họp ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho họp;



- d. Duyệt quy định nội dung theo nội dung đề nghị của chủ tịch;
- e. Xác nhận thời gian và thẩm định chi phí;
- f. Thông báo và gửi thông báo hợp lệ nội dung công bố cho tất cả các công ty cổ quyền định hợp;
- g. Các công việc khác phục vụ nội dung.

3. Thông báo mời họp nội dung công bố gửi cho tất cả các công ty thành viên theo danh sách liên lạc các công ty, đăng tải công bố trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán niêm yết của Công ty niêm yết hoặc ký giao dịch. Nội dung họp nội dung công bố phải gửi thông báo mời họp nội dung công bố trong Danh sách công ty cổ quyền định hợp chủ nhật 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo công bố chuyển thẩm định hợp lệ). Chương trình họp nội dung công bố, các tài liệu liên quan đến các vấn đề cần quyết định nội dung công bố và đăng tải trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm thông báo họp nội dung công bố, thông báo mời họp phải nêu rõ nội dung toàn bộ tài liệu họp các công ty cổ quyền, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - c. Phiếu biểu quyết/tờ biểu quyết;
  - d. Duyệt quy định nội dung văn bản trong chương trình họp.
4. Công bố nhóm công bố theo quy định khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty cổ quyền kiểm soát văn bản vào chương trình họp nội dung công bố. Kiểm soát văn bản và phiếu công bố Công ty chủ nhật 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiểm soát ghi rõ tên công bố, số lượng người công bố, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nội dung công bố là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính nội dung công bố là tổ chức; số lượng và người công bố có thẩm quyền, và văn bản kiểm soát vào chương trình họp.
5. Nội dung họp nội dung công bố có quy định chi tiết kiểm soát quy định khoản 4 Điều lệ này như sau:
- a. Kiểm soát công bố không ứng quy định khoản 4 Điều lệ này;
  - b. Vào thời điểm kiểm soát, công bố nhóm công bố không nộp thuế 5% chênh lệch thông tin theo quy định khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
  - c. Văn bản kiểm soát không thu chi phí thẩm định quy định của nội dung công bố;
  - d. Các trường họp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Nội dung họp nội dung công bố phải chấp thuận và thẩm định quy định khoản 4 Điều lệ này vào đề nghị chương trình và nội dung cuộc họp, trường họp quy định khoản 5 Điều lệ này; kiểm soát chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nội dung công bố chấp thuận.

Điều 8. Cách thức ký, yêu cầu tham dự nội dung công bố

(Căn cứ quy định Điều 144 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ Công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 19 Điều lệ Công ty)



1. Cách thức đăng ký tham dự hội nghị công tác ngày khai mạc cuộc họp hội nghị công tác:
  - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp hội nghị công tác qui định rõ tại Thông báo họp hội nghị công tác, bao gồm liên hệ Công ty hoặc Giám đốc ký tham dự hội nghị ( kèm kèm Thông báo họp hội nghị công tác gửi cho công tác) và Công ty.
  - b. Công chức hình thức đăng ký tham dự họp hội nghị công tác theo cách thức ghi trong thông báo, bao gồm:
    - Tham dự và biểu quyết/biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
    - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết/biểu quyết tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 điều này; (Trường hợp có nhu cầu tham dự người khác thì phải xác nhận chức vụ công chức và số phiếu biểu quyết/biểu quyết của người ủy quyền).
    - Tham dự và biểu quyết/biểu quyết thông qua hình thức tuyển, biểu quyết internet hoặc hình thức internet khác;
    - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu biểu quyết cuộc họp thông qua gửi thư, fax, điện tử;
    - Các hình thức đăng ký tham dự họp hội nghị công tác khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
    - Công ty phải công bố trong văn bản áp dụng các công nghệ thông tin hiện tại công tác có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp hội nghị công tác trực tiếp, bao gồm hình thức công tác biểu quyết thông qua họp hội nghị công tác tuyển, biểu quyết internet hoặc hình thức internet khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều 1 Công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự hội nghị
  - a. Công chức, người ủy quyền theo quy định của công tác hiện tại ủy quyền theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty;
  - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức ủy quyền để họp hội nghị công tác theo quy định tại Điều 15 khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên công chức ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức ủy quyền, số lượng công chức ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên ủy quyền.
 

Người ủy quyền để họp hội nghị công tác phải lập văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền thì người tham dự phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban biểu quyết công tác, người ủy quyền theo quy định của công tác là tổ chức (nếu có chức danh công chức tại Công ty).
  - c. Phiếu biểu quyết/Phiếu biểu quyết của người ủy quyền để họp trong phạm vi ủy quyền văn bản có hiệu lực khi ký và đặt trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
    - Người ủy quyền ủy quyền, biểu quyết nhân viên dân sự hoặc bộ phận nhân viên dân sự;
    - Người ủy quyền ủy quyền về việc chỉ định ủy quyền;
    - Người ủy quyền ủy quyền về việc chỉ định ủy quyền.



- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên trực tiếp khai mạc cuộc họp hội đồng công sở trực tiếp khi cuộc họp trực tiếp.
3. Cách thức đăng ký tham dự hội đồng và Kiểm tra tài liệu vào ngày tổ chức hội đồng
- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký công sở và phải thực hiện việc đăng ký cho nhân viên các công sở có quy định họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
- a. Khi tiến hành đăng ký công sở, Công ty cấp cho từng công sở để đi theo quy định có quy định về quy định về quy định/phiên bản quy định/phiên bản, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên các công sở, họ và tên đi theo quy định và số phiên bản quy định/phiên bản các công sở. Hội đồng công sở toàn thể và biên bản quy định theo quy định trong nội dung chương trình. Việc biên bản quy định tiến hành biên bản quy định tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kiểm tra kiểm tra phi nhân viên Công sở/Ban kiểm tra phi nhân viên công sở ngay trước khi bắt đầu cuộc họp. Hội đồng nhân viên chịu trách nhiệm kiểm tra phi nhân viên hoặc giám sát kiểm tra phi nhân viên theo quy định của Công sở. Thành viên của ban kiểm tra phi nhân viên do hội đồng công sở quy định theo quy định của Công sở cấp;
  - b. Công sở, nhân viên đi theo quy định các công sở là tổ chức công sở cấp quy định nhân viên sau khi cuộc họp đã khai mạc có quy định đăng ký ngay và sau đó có quy định tham gia và biên bản quy định/bản tài liệu hội đồng ngay sau khi đăng ký. Công sở không có trách nhiệm đăng ký hội đồng cho công sở nhân viên đăng ký và hiện tại các nhân viên nội dung đã biên bản quy định/bản tài liệu công sở không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp hội đồng

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp hội đồng tiến hành khi có số công sở đi nhân viên đi nhân viên trên 50% tổng số phần có quy định biên bản quy định.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai các công sở trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ nhất. Cuộc họp hội đồng lần thứ hai tiến hành khi có số công sở đi nhân viên đạt 33% tổng số phần có quy định biên bản quy định quy định trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải các công sở trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày diễn ra họp lần thứ hai. Cuộc họp hội đồng lần thứ ba tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiên bản quy định các công sở đi nhân viên.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết hội đồng

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 21 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng công sở thông qua nghị quyết theo quy định quy định về hình thức biên bản quy định tài liệu cuộc họp, lý do nhân viên nhân viên và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung thông qua tại hội đồng

(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 14 Điều lệ Công ty)



1. Thông qua hình thức phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và công đồng Công ty;
3. Phê duyệt danh sách Công ty kế toán chấp thuận; quy định Công ty kế toán chấp thuận thực hiện kiểm tra hồ sơ của Công ty, bãi miễn kế toán viên chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hàng năm của kế toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị và kiểm soát của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát và kiểm soát kinh doanh của Công ty, kiểm soát của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
8. Báo cáo đánh giá kiểm soát của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mục tiêu và nhiệm vụ chính của công ty;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quy định ngân sách hoạt động cơ bản, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Phê duyệt danh sách Công ty kế toán chấp thuận; quy định Công ty kế toán chấp thuận thực hiện kiểm tra hồ sơ của Công ty khi xét thấy cần thiết;
14. Bổ sung và sửa đổi nội dung Công ty;
15. Loại bỏ và số lượng phần mềm phát hành và việc chuyển nhượng phần mềm của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
16. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
17. Tổ chức và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thanh lý;
18. Quy định về việc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trên ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
19. Quy định mua lại trên 10% tổng số phần trăm bán của công ty;
20. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch và những quy định về khoản lãi 167 Luật Doanh nghiệp về giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
21. Chấp thuận các giao dịch quy định về khoản 4 điều 293 Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
22. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ và quy định Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
23. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và nội dung Công ty.

Điều 12. Biện pháp quy định thông qua các vấn đề nội bộ

(Các quy định về Quy chế làm việc; Quy chế báo cáo và kiểm soát)

#### 1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong quá trình và nội dung hợp tác phải phù hợp với nội dung công ty và biện pháp quy định công khai.



- b. Thẻ biếu quy t, Phiếu biếu quy t và Phiếu báo Công ty in, đóng dấu treo và ghi trên thẻ biếu quy t (kèm theo tài liệu tham khảo). Thẻ biếu quy t, Phiếu biếu quy t và Phiếu báo. Trên Thẻ biếu quy t, Phiếu biếu quy t và Phiếu báo có ghi rõ mã số, họ tên, số phận và nội quy nội bộ quy tắc biếu quy t.

## 2. Quy định tính hợp lệ của phiếu biếu quy t và phiếu báo

### a. Phiếu biếu quy t

- Ø Phiếu biếu quy t hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, họ tên của vị tay cầm biếu quy t và ghi rõ họ tên cho Ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ.

Trên phiếu biếu quy t, nội dung biếu quy t là hợp lệ khi biếu đúng địa chỉ (01) trong ba (03) ô vuông biếu quy t.

- Ø Phiếu biếu quy t không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biếu quy t hợp lệ

### b. Phiếu báo

- Ø Phiếu báo hợp lệ: là phiếu báo theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu báo; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của biếu quy t và ghi rõ họ tên cho Ban kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ.

- Ø Phiếu báo không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu báo hợp lệ
- Số người mà biếu báo vượt quá số người cần báo;
- Phiếu có tên số biếu báo cho các người cần báo hoặc đi đến nơi nhận số biếu báo phép báo;
- Các quy định khác theo Quy chế báo biếu quy t công nghệ và nội quy Công ty quy định.

## Điều 13. Cách thức báo biếu quy t

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc nội bộ công nghệ)

### 1. Nguyên tắc chung

- Nội dung công thức luận và biếu quy t theo đúng văn bản trong nội dung chương trình. Việc biếu quy t cần tiến hành bằng cách gửi, báo biếu trực tiếp, báo biếu gián tiếp hoặc hình thức khác.
- Nội dung báo biếu quy t: Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến mặt văn bản của biếu quy t tiến hành bằng cách gửi báo biếu quy t hoặc in các phương án lên trên Phiếu biếu quy t.

### 2. Các hình thức báo biếu quy t



- a. Biện pháp quy định biện pháp quy định: Khi biện pháp quy định hình thức gì cao thì biện pháp quy định, mặt khác các biện pháp quy định phải có giá cao hơn và phía ngoài Chi tiết. Trường hợp biện pháp quy định không gì thì biện pháp quy định trong các biện pháp quy định Tấn thành, Không tấn thành hoặc Không ý kiến các mặt vẫn thì cần xem xét biện pháp quy định tấn thành và ngược lại. Trường hợp biện pháp quy định cao thì biện pháp quy định như hình thức (01) lần khi biện pháp quy định Tấn thành, Không tấn thành hoặc Không ý kiến các mặt vẫn thì cần xem xét biện pháp quy định không hình thức. Theo hình thức biện pháp quy định biện pháp quy định, Thành viên Ban kiểm tra thực hiện biện pháp/Ban kiểm tra phải đánh dấu mã số biện pháp và số phiếu biện pháp quy định theo các tài liệu Công Tấn thành, Không tấn thành, Không ý kiến và Không hình thức.
- b. Biện pháp quy định phiếu biện pháp quy định: Khi biện pháp quy định hình thức đi vào Phiếu biện pháp quy định, đi vào vị trí nội dung, đi vào chi tiết trong các phần án “Tấn thành”, “Không tấn thành”, “Không có ý kiến” cần in sẵn trong Phiếu biện pháp quy định biện pháp đánh dấu “X” hoặc “P” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất nội dung cần biện pháp quy định các chi tiết, đi vào ghi Phiếu biện pháp quy định và thùng phiếu kín để niêm phong tài liệu đi theo hàng đơn của Ban kiểm tra. Phiếu biện pháp quy định phải có chữ ký và ghi rõ họ tên các chi tiết.

#### Điều 14. Cách thức bầu phiếu bầu

(Các quy định nội bộ Quy chế bầu cử đi kèm quy định)

##### 1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên ban kiểm tra không có tên trong danh sách cử, không đi vào Hội đồng và Ban kiểm tra.

##### 2. Các hình thức bầu phiếu bầu

###### a. Bầu theo phương thức bầu cử phiếu

- Theo đó mỗi chi tiết có các phiếu bầu quy định theo quy định và vị trí các phần số, đi kèm đi kèm nhân viên thành viên bầu;
- Chi tiết tham dự có quy định nội dung phiếu bầu quy định các mặt cho mặt họp mặt số thành viên;
- Trường hợp phát sinh thêm thành viên trong ngày đi ra đi, chi tiết có thể liên hệ với Ban kiểm tra xin cấp lại phiếu bầu mới và phân phối phiếu bầu (trừ trường hợp bầu vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự, chi tiết liên hệ với Ban kiểm tra để cấp lại phiếu bầu mới và phân phối phiếu bầu;
- Cách ghi phiếu bầu: Mỗi chi tiết phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu như sau:
  - + Chi tiết bầu số thành viên đi kèm số thành viên cần bầu;
  - + Nếu bầu toàn bộ số phiếu cho mặt họp mặt số thành viên, chi tiết đánh dấu vào ô “Bầu cử phiếu” của các thành viên theo quy định;





- + Nếu buổi họp không đủ thành viên, thì buổi họp sẽ hoãn lại vào ô “S. Buổi họp” của các thành viên tiếp theo.

Lưu ý: Trong trường hợp phải hoãn buổi họp, thì phải ghi rõ vào ô “B. Buổi họp” và ghi số lần hoãn ô “S. Buổi họp” thì kết quả theo số lần hoãn buổi họp ô “S. Buổi họp”.

- Nguyên tắc trưng cầu:

- + Người trưng cầu xác định theo số buổi họp tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ thành viên có số buổi họp cao nhất cho đến khi đủ thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) thành viên trở lên thì cùng số buổi họp nhau cho thành viên cùng thì số tiến hành bầu lại trong số các thành viên có số buổi họp bằng nhau.
- + Nếu kết quả bầu lần đầu tiên không đủ thành viên thì số tiến hành bầu cho đến khi đủ số lần thành viên cần bầu.

b. Bầu theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

(Theo quy định tại Quy chế làm việc nội bộ Công ty)

Cách thức kiểm phiếu tiến hành bằng cách tách phiếu bỏ phiếu quy tắc tán thành, không tán thành; không có ý kiến.

Trong trường hợp cần thiết và nếu công ty có yêu cầu, Công ty phải chi trả chi phí kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện nghị quyết thông qua

(Theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Nghị quyết nội dung sau đây thông qua nếu được sự đồng ý của ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết từ các thành viên công ty:
  - a. Loại bỏ ngành và các ngành sản xuất;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cấu trúc quản lý Công ty;
  - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e. Thay đổi, giải thể Công ty;
  - f. Gia hạn hoặc ngừng Công ty; Các Nghị quyết thông qua khi được sự đồng ý của ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết từ các thành viên công ty đầu tư tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.



2. Các Nghị quyết nội dung công việc thông qua bằng 100% tổng số thành viên có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày, thông qua trực tiếp và thông qua nghị quyết ở vị phạm quy của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc nội dung công việc)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tịch HĐQT kiểm soát ngay về nội dung. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tịch/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bắt đầu họp.

Điều 18. Cách thức phân tích quyết định nội dung công việc

(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Công việc biểu quyết không thông qua nghị quyết vì một số thành viên Công ty hoặc thay mặt quyền, nghĩa vụ các công việc quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ các công việc, số lượng phần trăm số cổ phần, giá mua bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải ghi rõ Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nội dung công việc thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu các công việc quy định tại khoản 1 của Điều lệ này với giá trị ngang hoặc giá trị tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận về giá thì các bên có thể yêu cầu một thẩm định giá bên ngoài. Công ty ghi chi phí ít nhất 03 thẩm định giá công việc mua lại và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp nội dung công việc hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lý do yêu cầu nội dung công việc, công việc, nhóm công việc quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết nội dung công việc trong các trường hợp sau đây:
  - a. Trình bày, thông qua trực tiếp và ra quyết định nội dung công việc vì phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;
  - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp nội dung công việc

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch họp nội dung công việc phải ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dữ liệu hình thức khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - c. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - d. Thời gian và địa điểm họp nội dung công việc;
  - e. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - f. Hội đồng, tên chủ tọa và thành viên;
  - g. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp nội dung công việc và những vấn đề trong chương trình họp;



- h. Số công và tên sản phẩm bị quy tắc các công dụng, phôi danh sách ký công, địa điểm công dụng và sản phẩm bị quy tắc;
  - i. Tên sản phẩm bị quy tắc và tên quy tắc, trong đó ghi rõ phạm vi bị quy tắc, không phạm vi, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tài liệu trên tên sản phẩm bị quy tắc các công dụng;
  - j. Tên hợp sản phẩm bị quy tắc công nhân (nếu có);
  - k. Các văn bản thông qua và tài liệu bị quy tắc thông qua công nhân;
  - l. Họ, tên và chức vụ của chủ và thủ ký. Trưởng phòng chủ, thủ ký thực hiện biên bản thì biên bản này có hiệu lực của các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến đúng theo quy định của nội quy này. Biên bản họp ghi rõ vị trí chủ, thủ ký thực hiện biên bản.
2. Biên bản họp phải ghi công việc đã xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ và thủ ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản họp báo công việc và tên công nhân ngoài nước có hiệu lực pháp lý như nhau. Trưởng phòng có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản báo công việc và báo công nhân ngoài nước thì nội dung trong biên bản báo công việc áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp phải ghi công

(Các quy định từ Điều 24 của Công ty)

Nghị quyết, Biên bản họp phải ghi công, phôi danh sách công nhân ký duyệt, văn bản quy định tham dự họp, tất cả các tài liệu kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải gửi tới tất cả thành viên của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp phải ghi công và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## II. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BÊN HÌNH THỨC LƯU Ý KINH DOANH VÀ NÊN

Điều 21. Trưởng phòng lưu ý kiến công việc và nên

(Các quy định từ Điều 21 của Công ty)

Các nội dung sau đây có thể thông qua bên hình thức lưu ý kiến công việc và nên:

- a. Sản phẩm, bổ sung các nội dung của Điều Công ty;
- b. Hình thức phát triển Công ty;
- c. Lợi ích và tên sản phẩm của công nhân;
- d. Bộ, nhiệm vụ, bổ nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản công nhân ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;



- i. Thay đổi cấu trúc quản lý Công ty;
- j. phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ và quy trình Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không có lý do chính đáng

Hội đồng không có lý do chính đáng trong những trường hợp có ý kiến sau: Có thiếu gian và thiếu kinh tế chi nhiệm vụ quy định cụ thể

Điều 23. Trình tự, thủ tục phê duyệt thông qua Nghị quyết bằng hình thức có lý do chính đáng

(Căn cứ quy định tại Điều 17; Điều 21, 23 Điều lệ Công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về nội dung danh sách công có quyền tham dự họp Hội đồng công ty ít nhất 20 ngày trước ngày họp ký cụ thể cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu, đề nghị quy định Hội đồng, các tài liệu ghi trình đề nghị quy định và ghi nội dung công có quyền biểu quyết chính thức ít nhất 10 ngày trước thời gian họp Hội đồng. Yêu cầu và cách thức ghi phiếu lý do và tài liệu kèm theo các chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lý do
  - a. Phiếu lý do phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - Mục đích lý do;
    - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân nếu ông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính nếu ông là tổ chức; số lượng thành viên và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cá nhân;
    - Vấn đề lý do thông qua quyết định;
    - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến nếu việc này liên quan đến lý do;
    - Phương án bầu (nếu có);
    - Thời gian họp Hội đồng Công ty phiếu lý do này sẽ có mặt;
    - Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - b. Công có thể ghi phiếu lý do này trực tiếp lên Công ty bằng hình thức ghi tay, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
    - Trường hợp ghi tay, phiếu lý do này sẽ có mặt ký của cá nhân ông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của ông là tổ chức. Phiếu lý do này ghi vào Công ty phải niêm phong bì dán kín và không ai có quyền mở khi kiểm phiếu;



- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, nội dung của văn bản nội bộ của Công ty phải được gửi kèm theo bản gốc để tránh nhầm lẫn;
- Các nội dung của văn bản nội bộ của Công ty sau khi đã được xác nhận nội dung của nội dung văn bản nội bộ của Công ty phải được gửi kèm theo bản gốc để tránh nhầm lẫn. Nội dung của văn bản nội bộ của Công ty không được coi là nội dung của văn bản nội bộ của Công ty nếu không có chữ ký và đóng dấu của người gửi.

#### 4. Kiểm soát và lập Biên bản kiểm soát nội bộ

Hội đồng quản trị kiểm soát nội bộ và lập biên bản kiểm soát nội bộ định kỳ của Ban kiểm soát hoặc các công ty không nắm giữ cổ phần của Công ty. Biên bản kiểm soát nội bộ phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lý giải thông qua nghị quyết;
- Số công việc nội bộ quy định/bộ phận tham gia biên bản quy định/bộ phận, trong đó phân biệt số nội bộ quy định/bộ phận chấp hành và số nội bộ quy định/bộ phận không chấp hành và phân công trách nhiệm cho nội bộ quy định/bộ phận, kèm theo phôi danh sách công ty tham gia biên bản quy định/bộ phận;
- Tình hình thực hiện, không thực hiện và không có ý kiến về nội bộ quy định/bộ phận, tình hình thực hiện của nội bộ quy định/bộ phận (nếu có);
- Vấn đề cần thông qua và nội bộ quy định/bộ phận thông qua từng nội dung;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm soát nội bộ và người giám sát kiểm soát nội bộ. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm soát nội bộ và người giám sát kiểm soát nội bộ phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm soát nội bộ; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy định/bộ phận thông qua do kiểm soát nội bộ không trung thực, không chính xác.

#### 5. Nghị quyết và Biên bản kiểm soát nội bộ

- a. Biên bản kiểm soát nội bộ và nghị quyết phải được gửi kèm theo các công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm soát nội bộ. Việc gửi biên bản kiểm soát nội bộ và nghị quyết có thể thay thế bằng việc gửi tin nhắn trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm soát nội bộ.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lý giải nội dung bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp hội đồng.

#### 6. Lưu tài liệu:

Nội dung của văn bản nội bộ, biên bản kiểm soát nội bộ, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo nội dung của văn bản nội bộ của Công ty.

#### 7. Yêu cầu hủy bỏ Quy định/bộ phận hội đồng thông qua hình thức lý giải nội bộ bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm soát nội bộ của hội đồng, công ty hoặc nhóm công ty quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc nội dung nghị quyết của hội đồng trong các trường hợp sau đây:



- a. Trình tự, thủ tục triu t p h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông vi ph m nghiêm tr ng quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty, tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 20 i u l Công ty.
- b. N i dung ngh quy t vi ph m pháp lu t ho c i u l Công ty.

### III. QUY NH I V I I H I NG C ÔNG THÔNG QUA NGH QUY T B NG HÌNH TH C H INGH TR C TUY N

i u 24. Thông báo triu t p h p i h i ng c ông tr c tuy n

Th c hi n theo quy nh t i i u 6 Quy ch này.

L u ý: Phi u bi u quy t/ b u c không c n g i kèm thông báo m i h p.

i u 25. Cách th c ng ký tham d i h i ng c ông tr c tuy n

Cách th c ng ký tham d i h i ng c ông tr c tuy n tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c ông c qui nh rõ t i Thông báo h p i h i ng c ông, bao g m:

1. i u ki n tham gia:

- Có tên trong danh sách c ông (DSC ) có quy n d h p i h i ng c c l p theo thông báo th c hi n quy n c a Công ty.
- i di n y quy n i u ki n tham d theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.

2. Yêu c u k thu t:

i bi u c n có thi t b i n t k t n i internet (ví d : máy tính, máy tính b ng, i n tho i di ng, thi t b i n t khác có k t n i internet...).

3. Cách th c ghi nh n i bi u tham d i h i ng c ông tr c tuy n:

i bi u c h th ng b phi u i n t ghi nh n là tham d i h i ng c ông tr c tuy n khi i bi u ó th c hi n truy c p vào h th ng b ng các thông tin truy c p ã c cung c p theo quy nh t i i u 26 Quy ch này và ã th c hi n b phi u i n t v i b t k v n nào c a n i dung Ch ng trình cu c h p i h i ng c ông tr c tuy n.

i u 26. Cung c p thông tin ng nh p và th c hi n b phi u i n t

1. Thông tin ng d n truy c p vào h th ng b phi u i n t , tên ng nh p, m t kh u truy c p và các y u t nh danh khác (n u có) nh m tham d i h i ng c ông tr c tuy n s c cung c p trong thông báo m i h p (ho c hình th c thông báo thông tin ng nh p do H i ng qu n tr quy nh). i bi u ph i có trách nhi m b o m t tên ng nh p, m t kh u và các y u t nh danh khác c c p m b o r ng ch có i bi u m i có quy n th c hi n vi c b phi u trên h th ng b phi u i n t và ch u hoàn toàn trách nhi m i v i các thông tin ã ng ký này.
2. Khi i bi u có yêu c u cung c p l i thông tin ng nh p, Ban t ch c i h i có th thông báo thông qua các hình th c: tr c ti p ho c email/ i n tho i. Hình th c cung c p thông tin ng nh p qua email ho c i n tho i ch c th c hi n d a trên thông tin c ông t danh sách c ông có quy n b phi u do Trung tâm l u ký ch ng khoán Vi t Nam l p theo thông báo th c hi n quy n c a Công ty.
3. i bi u s d ng tên ng nh p, m t kh u truy c p ho c các y u t nh danh khác (n u có) truy c p vào h th ng b phi u i n t và th c hi n b phi u i n t Theo n i dung c a Ch ng trình cu c h p i h i ng c ông tr c tuy n.



Điều 27. Việc quy định cho người đi để hỗ trợ việc thi công dự án

1. Công thức hiện quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thi công dự án:

Các công nhân tuân thủ cùng cấp ý các thông tin thi công hiện quy định dự án, các bất cập cùng cấp thông tin của bên nhận quy định: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là các cấp tên công nhân, mặt khu vực cấp và các yếu tố danh khác (nếu có) về vị trí bên nhận quy định.

Hình thức của quy định dự án: việc quy định có hình thức pháp lý khi tham gia các điều kiện sau:

- Khi công nhân ý các thông tin theo mẫu quy định dự án và hoàn thành thi công hiện quy định dự án.
- Giấy quy định in ra theo mẫu quy định dự án có chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là thành viên) của bên quy định và bên nhận quy định.
- Công ty nhận Giấy quy định bản chính ghi vào sổ lúc thi công khai mạc chính thức.

Hy vọng quy định về việc công nhân quy định dự án: công nhân bản chính thức ngành quy định dự án cho Công ty trước lúc thi công khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận về chi phí quy định có hình thức tính theo thời gian Công ty nhận về bản chính thức ngành quy định dự án.

Hy vọng quy định về hình thức của người đi để quy định hành vi phi pháp quy định về các vấn đề nào cần dùng Chương trình xử lý vi phạm việc thi công dự án.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Thi công theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Tholun tại việc thi công dự án

a. Nguyên tắc:

- Việc tholun chỉ thực hiện trong thời gian quy định và thu cấp mọi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình thi công dự án;
- Có sự tham gia của tholun;
- Sự đồng ý ký nhận nội dung tholun theo hình thức quy định theo quy định làm việc của công nhân;
- Ban Thi công sẽ xử lý các nội dung tholun của công nhân theo thẩm quyền ký và chuyển lên cho Chủ tịch.

b. Ghi chú ý kiến của các công nhân:

- Trên các nội dung tholun của công nhân, Chủ tịch hoặc thành viên do Chủ tịch chỉ định sẽ ghi chú ý kiến của công nhân;
- Trường hợp do ghi nhận về thời gian thực, các câu hỏi của công nhân sẽ được giải đáp tại thời điểm thi công Công ty tiếp theo.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của việc thi công dự án

việc thi công thông qua Nghị quyết thu cấp thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết.



Điều 31. Cách thức biểu quyết

a. Cách thức biểu quyết:

- Biểu quyết làm tại trong các phiên họp biểu quyết tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến vì miễn cưỡng của biểu quyết thì ghi ý kiến cá nhân vào phiếu biểu quyết.
- Sau đó, biểu quyết tiến hành xác nhận biểu quyết bằng cách ghi nháp phiếu biểu quyết.

b. Cách thức biểu quyết:

- Biểu quyết theo phương thức biểu quyết: Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (biểu quyết bằng thẻ hoặc bằng phiếu). Theo đó, biểu quyết thực hiện bằng cách đánh dấu vào ô “Biểu quyết” hoặc ghi rõ số phiếu biểu quyết vào ô “Số phiếu biểu quyết” của các thành viên ghi trên Phiếu biểu quyết cá nhân để tiến hành ghi nháp phiếu biểu quyết. Sau đó, biểu quyết tiến hành xác nhận biểu quyết bằng cách ghi nháp phiếu biểu quyết.
- Biểu quyết theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định của biểu quyết nêu tại Khoản 1 của Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện biểu quyết:

- Trường hợp biểu quyết không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, biểu quyết theo nội dung chương trình thì ghi ý kiến các vấn đề của biểu quyết, biểu quyết xem như biểu quyết không tiến hành biểu quyết biểu quyết, biểu quyết vẫn có.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình thì ghi ý kiến, biểu quyết có thể biểu quyết, biểu quyết bổ sung. Nếu biểu quyết không thực hiện biểu quyết, biểu quyết vì những vấn đề phát sinh thì xem như biểu quyết không tiến hành biểu quyết biểu quyết, biểu quyết vẫn phát sinh.
- Biểu quyết có thể thay đổi quyết định biểu quyết, biểu quyết (nếu không thể hủy quyết định biểu quyết, biểu quyết); bao gồm các quyết định biểu quyết, biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình thì ghi ý kiến. Hội đồng quản trị ghi nhận kết quả biểu quyết biểu quyết, biểu quyết cùng tiến hành tiến hành tiến hành biểu quyết cá nhân quyết định quyết định trong quy chế làm việc của Hội đồng.
- Trong trường hợp, biểu quyết thực hiện bằng phiếu: Phiếu biểu quyết không phải là phiếu có tính số phiếu biểu quyết cho các thành viên khác (lưu ý những nội dung phiếu biểu quyết cá nhân biểu quyết cá nhân tính tiến hành kiểm phiếu biểu quyết).
- Thời gian biểu quyết cá nhân quyết định trong quy chế làm việc của Hội đồng. Biểu quyết có thể truy cập bằng cách ghi nháp phiếu biểu quyết và thực hiện phiếu biểu quyết 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bỏ phiếu biểu quyết hoặc lý do khác nằm ngoài thẩm quyền kiểm soát của Công ty. Kết thúc tiến hành biểu quyết, hội đồng không ghi nhận thêm kết quả biểu quyết biểu quyết cá nhân.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu

Khi biểu quyết thực hiện biểu quyết/biểu quyết, số phiếu biểu quyết, phiếu biểu quyết cá nhân ghi nhận trên hội đồng theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu





Các biên bản kiểm tra, ghi nhận quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm tra, thanh tra, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nội dung chương trình kiểm tra. Kiểm tra của Chủ tịch Hội đồng quản trị công bố ngay trước khi bắt đầu họp.

Điều 34. Lập biên bản họp Hội đồng

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Mọi thành viên ghi trong biên bản Hội đồng trực tiếp là thành viên Hội đồng có mặt tại khi họp. Mọi thành viên phải ghi rõ họ tên trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Hội đồng quy định tại Quy chế làm việc của Công ty và Hội đồng.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

#### IV. QUY ĐỊNH VỀ HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BÊN HỒI ĐỒNG TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TIẾP

Điều 36. Thông báo trực tiếp họp Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc quy định địa điểm họp Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.



## CHƯƠNG 3 – HIGHLIGHT QUẢN TRỊ

### Mục 1. Quy định chung

#### Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị quyết 155/2020/N-CP)

Hội đồng Quản trị phải tuân thủ ý trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng Quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước công đồng và hội đồng cổ đông của Công ty;
2. Giữ bình ổn giá trị tài sản công đồng và tôn trọng lợi ích của người có quyền liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hội đồng cổ đông của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin internet của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn niêm yết và quy định hoạt động của Công ty áp dụng tại Công ty từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và làm dãn các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ quản trị Công ty và trình Hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
7. Bổ nhiệm Ngõu trưởng trách nhiệm quản trị Công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn và quản trị Công ty và các kiến thức cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
10. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, quy định quản trị nội bộ Công ty

#### Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị quyết 155/2020/N-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có ý các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, quy định quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:



- a. Thể hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cần trung vì lợi ích cao nhất của công ty và của Công ty;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề của nhà đầu tư;
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ về Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tất cả chi phí gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên với người là thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thể hiện công bố thông tin khi thể hiện giao dịch cá nhân của Công ty theo quy định của pháp luật.  
Thành viên Hội đồng quản trị công bố công khai báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

Mục 2 – Quy định về chức năng, nhiệm vụ, Quyền, Nghĩa vụ và Nghĩa vụ thành viên HĐQT  
 Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cấu trúc thành viên Hội đồng quản trị HĐQT  
 (Căn cứ quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên công ty của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc thực hiện nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cấu trúc thành viên HĐQT như sau:
  - a. Cấu trúc Hội đồng quản trị của Công ty phải bao gồm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không liên quan. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh liên quan của Công ty mà bao gồm công ty của Hội đồng quản trị.
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tồn tại cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị mất khả năng hành nghề, mất năng lực hành vi dân sự, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là công dân của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



2. Chức danh Hội đồng quản trị không có kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 Công ty khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác chúng ta cũng có thể là thành viên Hội đồng quản trị của 05 Công ty khác.

Điều 50. Cách thức bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị quyết 155/2020/N-CP; Khoản 1,2,3 Điều 24 Điều lệ Công ty)

1. Công đồng nhóm công suất 10% tổng số phần trăm thông tin lên có quy định về thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các công đồng nhóm có phần trăm thông tin có quy định như sau: quy định về các thành viên Hội đồng quản trị. Công đồng nhóm công suất 10% nên có 20% tổng số phần trăm có quy định về thành viên; quy định về 20% nên có 30% công đồng nhóm hai (02) thành viên; quy định về 30% nên có 40% công đồng nhóm ba (03) thành viên; quy định về 40% nên có 50% công đồng nhóm bốn (04) thành viên; quy định về 50% nên có 60% công đồng nhóm năm (05) thành viên; quy định về 60% nên có 70% công đồng nhóm sáu (06) thành viên; quy định về 70% nên có 80% công đồng nhóm bảy (07) thành viên; và quy định về 80% nên có 90% công đồng nhóm tám (08) thành viên.
2. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị thông qua và được bổ nhiệm không phải là số lẻ, Hội đồng quản trị nên bổ nhiệm thêm thành viên hoặc chức danh theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm thêm thành viên phải công bố rõ ràng trước khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cách thức bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu cử phi tập trung, theo nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch và đúng pháp luật. Hội đồng quản trị và công đồng có quy định về hình thức bỏ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị và công đồng có quy định về hình thức bỏ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bất luận thành viên có số phiếu bầu cao nhất cho nên khi số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 thành viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên của Hội đồng quản trị thì số phiếu bầu của họ sẽ được tính bằng tổng số phiếu bầu của họ theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Điều lệ Công ty.
2. Nếu số thành viên nhậm chức của Hội đồng quản trị không đủ thì việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu cử phi tập trung hoặc thực hiện theo phương thức bỏ phiếu (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường hợp bổ nhiệm thông qua theo phương thức bỏ phiếu thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)



1. Điều kiện công dân nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có năng lực và cách phẩm;
  - c. Trường hợp khác quy định tại Điều Công ty.
2. Điều kiện công dân nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tiếp, trường hợp bất khả kháng;
  - b. Trường hợp khác quy định tại Điều Công ty.
3. Khi xét thực tiễn, điều kiện công quy định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; nhiệm, dân nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải ưu tiên phải điều kiện công bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bổ sung quá một phần ba (1/3) số vốn quy định tại Điều Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải ưu tiên phải điều kiện công trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bổ sung quá một phần ba;
  - b. Số lượng thành viên cấp Hội đồng quản trị giảm xuống, không bổ sung một theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
  - c. Trường hợp quy định tại mục a và mục b khoản này, điều kiện công bổ thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị dân nhiệm, dân nhiệm tức phẩm.

Điều 53. Thông báo bổ, dân nhiệm, dân nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quy định bổ, dân nhiệm, dân nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các quan hệ quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức ghi nhận ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp xác định các ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tại thời điểm 10 ngày trước ngày khai mạc họp phải điều kiện công trên trang thông tin internet của Công ty công có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trung và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu bổ làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Công ty.



Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà các thành viên đang nắm giữ cổ phần và thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty Cổ phần Công Thoát Nước Lâm Đồng (nếu có).

Điều 55. Bộ, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Chi tiết quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chủ trì, điều hành, chỉ đạo, tổ chức, điều phối, điều hành và làm chủ các cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ trì các cuộc họp Hội đồng;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có một trong các hành vi sau đây: bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Chi tiết quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty)

1. Công ty có quy định thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định theo quy định pháp luật hàng năm.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được tính thành mức riêng trong báo cáo tài chính.



cáo tài chính hàng năm của Công ty và phi báo cáo tài chính công ty cụ thể hàng năm.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ hành động thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc các đơn vị công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể trực tiếp thêm thù lao đãi ngộ mặt khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí lãi, n, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và nội lệ Công ty.

#### Mục 4 – Quy định về trình tự và thẩm định chấp hành Hội đồng quản trị

Điều 57. Sự kiện cụ thể phải thực hiện theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 nội lệ Công ty)

1. Chức năng Hội đồng quản trị được thực hiện trước tiên của Hội đồng quản trị trong tháng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc từ phiếu bầu cao nhất trực tiếp và chủ trì. Trường hợp có nhiều thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số những người trong số những người chấp hành Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất một quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 nội lệ Công ty)

1. Chức năng Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có nghị quyết của Ban kiểm soát hoặc thành viên chấp hành Hội đồng quản trị;
  - b. Có nghị quyết của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c. Có nghị quyết của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; nghị quyết này không phải là của thành viên chấp hành, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thực hiện của Hội đồng quản trị.
2. Chức năng Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong tháng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết tại khoản 3 điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nghị quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra về nội lệ Công ty; người nghị quyết thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quy định họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 nội lệ Công ty)



1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện pháp luật của Hội đồng quản trị phải gửi thông báo miệng hoặc văn bản là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo miệng phải xác nhận thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo miệng phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phụ lục quy tắc của thành viên.

Thông báo miệng của Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện internet hoặc phương thức khác do Hội đồng Công ty quy định và bổ sung các cách liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện pháp luật phải thông báo miệng và các tài liệu kèm theo cho các thành viên Ban Kiểm soát nội bộ và các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 60. Điều kiện thành lập Hội đồng quản trị

(Theo quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 Điều lệ Công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp chỉ tiến hành theo quy định tại khoản này không đủ thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải hoãn lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần tiếp theo. Trường hợp này, cuộc họp chỉ tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

(Theo Điều 29 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hệ thống trực tuyến, bằng phương tiện điện tử khác;
- Gửi phụ lục quy tắc cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử;
- Gửi phụ lục quy tắc bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp gửi phụ lục quy tắc cuộc họp thông qua thư, phụ lục quy tắc phải niêm phong bì dán kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phụ lục quy tắc được niêm phong kín để tránh bị thay đổi.

3. Biểu quyết

- Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phụ lục quy tắc;
- Thành viên Hội đồng quản trị không biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không tính vào tổng số thành viên tối thiểu có mặt có thể thành lập cuộc họp Hội đồng quản trị về những quy tắc nhưng mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- Theo quy định tại khoản 11 Điều 29 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó





không tự nguyện tự bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của mình là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ đến công bố;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hàng loạt mất quyền biểu quyết nhậm chức và miễn nhiệm khoản 6 điều 42 của Luật Công ty Cổ phần coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;
  - e. Kiểm soát viên có quyền dự họp Hội đồng quản trị, có quyền thoả luận nhưng không biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hàng loạt mất quyền hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đăng ký kết với Công ty và bất bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này từ lúc họp ưu tiên của Hội đồng thoả luận vì ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không bất bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan từ lúc họp ưu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này bất bản thân mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc họp nêu trên.
  5. Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các văn bản thu xếp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 điều 26 của Luật Công ty.  
Nghị quyết theo hình thức lựa chọn bằng văn bản được thông qua trên cơ sở lựa chọn tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua từ lúc họp.
  6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức họp trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý họp trực tuyến khác nhau với điều kiện là mọi thành viên tham gia họp có thể:
    - a. Nghe tiếng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
    - b. Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thoả luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” từ lúc họp. Mọi cuộc họp được thực hiện theo quy định này là họp mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là họp có mặt Chủ tịch cuộc họp.  
Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được thực hiện và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp như những phương pháp khác trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
  7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch và người ghi biên bản.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 29 của Luật Công ty)



Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu các thành viên đồng thuận; trừ trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Hội đồng quản trị cùng thu về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 63. Việc quy định cho người khác đồng hành thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 29 Điều lệ Công ty)

Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên ủy quyền cho người khác đồng hành và bị ủy quyền nếu các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải có ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức in ấn khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên đồng hành hoặc người ủy quyền đồng hành và cách thức đồng hành; họ, tên các thành viên không đồng hành và lý do;
- e. Vấn đề thảo luận và bị ủy quyền tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên đồng hành theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả bị ủy quyền trong đó ghi rõ nghị quyết thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã thông qua và tất cả bị ủy quyền thông qua từng nội dung;
- i. Họ, tên, chữ ký, chức vụ và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có áp dụng.

Chủ tịch, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 65. Trường hợp chấp thuận và/hoặc thẩm ký, thẩm ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Trường hợp chấp thuận, người ghi biên bản thẩm ký biên bản họp như người trực tiếp thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h của Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị



Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

**Mục 5 - Các tiêu chuẩn thu nhập****Điều 67. Các tiêu chuẩn thu nhập**

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn thu nhập trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, marketing, kế toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quy định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không được hành nghề kiêm nhiệm trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng quản trị. Họ tên của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.
2. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn thu nhập Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và quy định Công ty.

**Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty****Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty**

(Căn cứ Khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty)

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kế toán kế hoạch thu nhập ngân sách nhà nước các báo cáo tài chính của Công ty

**Điều 69. Về bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

(Căn cứ Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Trưởng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần ngừng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

Sau khi có quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 72. Quy định và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

(Căn cứ Khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty)

Người phụ trách quản trị Công ty có quy định và nghĩa vụ sau:

- a. Tổ chức Hội đồng quản trị trong việc tổ chức chấp hành pháp luật theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cộng đồng;



- b. Chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ đạo công tác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, báo cáo biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là cầu nối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội bộ Công ty;
- j. Các quy định và khác theo quy định của pháp luật và nội bộ Công ty.



## CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

## Mục 1. Quy định chung

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị quyết 155/2020/N-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và các quy định nội bộ trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định, nghĩa vụ sau:
  - a. Yêu cầu, kiểm tra, giám sát và phê duyệt danh sách thành viên kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quy định thành viên kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán khi xét thấy cần thiết.
  - b. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc giám sát của mình.
  - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
  - d. Mời hoặc thuê chuyên gia tư vấn về Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và công ty.
  - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả.
  - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Hội đồng quản trị thông qua. Ban kiểm soát có quyền tham gia xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
  - g. Báo cáo tình hình giám sát theo quy định tại Điều 290 Nghị quyết 155/2020/N-CP.

## Mục 2. Quy định về Nhiệm vụ, quyền, thành phần, chức năng của thành viên Ban kiểm soát

Điều 74. Số lượng, nhiệm vụ, thành phần và chức năng của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ... người.
2. Nhiệm vụ của Kiểm toán viên không quá 05 năm và có thể tái bổ nhiệm nhưng không liên tục.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân của Công ty.
4. Trường hợp Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm toán viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc dân chủ. Quyền và nghĩa vụ của Trường hợp Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có ít nhất 03 Kiểm toán viên trong đó có ít nhất 01 người là Việt Nam.



Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định của pháp luật khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa bầu thì Kiểm soát viên cũ hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc diện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Chưa có omissions trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - c. Không phải là người có quan hệ gần gũi với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
  - d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của Công ty;
  - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liên tiếp trước.
  - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của Luật doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 76. Cấu trúc thành viên Ban kiểm soát

((Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị quyết số 155/2020/N-CP; Điều 36 Điều lệ Công ty)

1. Việc cấu trúc thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Điều lệ Công ty. Công đồng giám đốc phải có quy định về quy định có quy định về quy định của từng người liên quan đến các Kiểm soát viên. Công đồng nhóm công đồng giám đốc từ 10% đến 30% số thành viên có quy định về quy định về (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến 40% số thành viên có hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến 50% số thành viên có ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến 60% số thành viên có bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên số thành viên (05) kiểm soát viên.
2. Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua cấu trúc không số lượng cần thiết, Ban kiểm soát được bổ sung thêm thành viên hoặc thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát được bổ sung thêm thành viên







1. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty quy định trách nhiệm, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát có thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn công lập và vận hành quản lý. Trách nhiệm thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Điều lệ Công ty chấp thuận, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
3. Trách nhiệm và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải công khai thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.



## CHƯƠNG 5 – TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quy định, nghĩa vụ giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kinh doanh phương án đầu tư, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f. Quyết định tuyển dụng và lợi ích khác về việc sử dụng lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
  - g. Tuyển dụng lao động;
  - h. Kinh doanh phương án đầu tư cho các dự án trong kinh doanh;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không có quan hệ gia đình gần gũi với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đi làm phần vốn của nhà nước, người đi làm phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty.

Điều 83. Thành viên của Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên Hội đồng Quản trị xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 34 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.



Hội đồng quản trị có thẩm quyền nhiệm vụ Giám đốc khi vắng thành viên Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quy định các điều khoản của hợp đồng lao động quy định tại Điều 26 và Điều 34 của Luật Công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc

Sau khi có quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tính lợi ích khác của Giám đốc

(Các khoản 2, Khoản 3 của Điều 33 của Luật Công ty)

1. Giám đốc kiểm soát và thực hiện. Tính lợi ích và thực hiện của Giám đốc do Hội đồng quản trị quy định.
2. Tính lợi ích của người hành nghề tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo với Hội đồng quản trị cụ thể hàng năm.



## CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phê duyệt thông tin và báo cáo, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 87. Thông tin, trình tự tiếp nhận, thông báo miệng, ghi biên bản, thông báo kết quả phê duyệt HQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thông tin, trình tự tiếp nhận, thông báo miệng, ghi biên bản, thông báo kết quả phê duyệt HQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo thông tin, trình tự phê duyệt HQT quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 88. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HQT cho Ban kiểm soát  
(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Nghị quyết/Quyết định, biên bản họp HQT sau khi được ban hành phải gửi kèm cho các Kiểm soát viên cùng thẩm định và theo phương thức nội bộ với thành viên HQT.

Điều 89. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/Quyết định HQT (về các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải gửi kèm cho Tổng Giám đốc cùng thẩm định và theo phương thức nội bộ với thành viên HQT.

Điều 90. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc nghi ngờ phê duyệt HQT và những vấn đề xin ý kiến HQT

(Căn cứ quy định thẩm định tại Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 39 Điều lệ Công ty)

### 1. Các trường hợp nghi ngờ phê duyệt HQT

a. Ban kiểm soát có thể nghi ngờ phê duyệt HQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của các đồng/nhóm công đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
- Khi xét thấy quy định các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có ghi chép không chính xác;
- ...

b. Tổng Giám đốc có thể nghi ngờ phê duyệt HQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quy định của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty không thực hiện;



- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy Công ty của nhân viên nội bộ hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác sau khi đã được thông báo bằng văn bản của Hội đồng Quản trị nhân viên có hành vi vi phạm chế độ lao động vi phạm hoặc cố ý phá hoại công ty;

- ...

2. Nhiệm vụ của nhân viên Hội đồng Quản trị:

- a. Kiểm tra và phê duyệt kế hoạch, quy định nội bộ của Công ty;
- b. Xây dựng hệ thống pháp nhân cao hơn và quản lý của Công ty;
- c. Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch Hội đồng Quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, thôi việc, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật người lao động và nhân viên nội bộ hành doanh nghiệp.
- d. Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch Hội đồng Quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên của Công ty về các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nhân viên thông lệ và chính sách quy định nội bộ Công ty, các quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- e. Xin ý kiến Hội đồng Quản trị về việc Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm báo cáo kiểm toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính phù hợp trình Hội đồng Quản trị thông qua;
- f. Kiểm tra và phê duyệt các hợp đồng kinh doanh;
- g. Xin ý kiến Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 91. Báo cáo của Tổng Giám đốc về Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao

(Căn cứ quy định tại Phần IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của Hội đồng Quản trị và hiệu quả công tác, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty của Hội đồng Quản trị và hiệu quả công tác thông qua;
2. Đánh giá hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về nhân sự nội bộ của Công ty, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ về môi trường, công nghệ, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung của Hội đồng Quản trị và hiệu quả công tác quy định khác;
6. Thực hiện báo cáo các văn bản khác theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.



điều 92. Khi làm việc thực hiện quy trình và các văn bản quy định khác của HĐQT và Hội đồng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của HĐQT và văn bản chỉ định nhiệm vụ và quy định của giao theo quy định tại điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm tra kiểm soát quá trình thực hiện quy trình và các văn bản quy định khác của HĐQT và Hội đồng Giám đốc.

điều 93. Các văn bản HĐQT và Hội đồng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 điều 291 Nghị quyết 155/2020/N-CP, điều 34, Khoản 3 điều 42, điều 44 Điều lệ Công ty)

1. Các văn bản HĐQT và Hội đồng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT

- a. Các nội dung theo điều 90 quy chế này;
- b. HĐQT và Hội đồng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ và chính trị, tổ chức và kinh doanh có liên quan của công ty theo quy định của pháp luật.
- c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải có ghi rõ ít nhất là bằng (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phê duyệt trong vòng bằng (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thu các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một phần hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty, nghị quyết của Hội đồng Giám đốc ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và các cá nhân có liên quan liên quan, giao dịch đó và gửi kèm theo danh sách hợp đồng hoặc nội dung chi tiết của giao dịch. HĐQT và Hội đồng Giám đốc quy định nội dung chấp thu hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác; thành viên HĐQT và Hội đồng Giám đốc có lợi ích liên quan các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quy định cụ thể.

3. Các văn bản HĐQT và Hội đồng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

- a. Báo cáo của HĐQT và Hội đồng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành gửi đến các Kiểm soát viên cùng thẩm định và theo phương pháp nội bộ của thành viên HĐQT.
- b. HĐQT và Hội đồng Giám đốc, nghị quyết của Hội đồng Giám đốc khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
- c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như sau:

điều 94. Phải lập hồ sơ kiểm soát, điều hành, giám sát gửi các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và HĐQT và Hội đồng Giám đốc theo các nhiệm vụ thực hiện của các thành viên nêu trên

1. Phải lập hồ sơ gửi BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phê duyệt, thẩm định và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Các thành viên sau:



- a. Thành viên xuyên thông báo với HĐQT và kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng;
  - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc kế toán có trách nhiệm tham dự và trình bày các vấn đề cần làm rõ;
  - c. Các cuộc kiểm tra nhân sự, xét xử của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trừu tượng) (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT có thêm các giúp việc HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trình Hội đồng. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì cần quy định rõ ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng giám đốc;
  - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - d. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ và chính trị, tài chính hoặc văn phòng người có liên quan của nó theo quy định pháp luật;
  - e. Việc các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày sau khi nhận được thông tin;
  - e. Các nội dung kiến nghị của HĐQT phải có giá trị ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT tổ chức họp với BKS để chỉ định các quy định và nghĩa vụ của mình.
2. Phạm vi hoạt động của BKS và Tổng Giám đốc:
- BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc kế toán có trách nhiệm) tham dự và trình bày các vấn đề cần làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
  - b. Các cuộc kiểm tra nhân sự, xét xử của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trừu tượng) (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc có thêm các giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trình Hội đồng. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì cần quy định rõ ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng giám đốc;
  - c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tổ chức tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc chi nhánh;







Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm và việc khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các nhà quản lý hành doanh nghiệp khác

Điều 95. Quy định về việc đánh giá hàng năm của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và nhà quản lý hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hàng năm cho tất cả các vị trí là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và nhà quản lý hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hàng năm phải hài hòa giữa lợi ích của nhà quản lý hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cộng đồng. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá của HĐQT cân nhắc đến trung và quy định nội bộ của công ty. Trong đó, các chỉ số phi tài chính có thể bao gồm: quy trình làm việc của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, năng suất và chất lượng, v.v....
3. Hàng năm, công nhân viên chức phân công và các tiêu chuẩn đánh giá sẽ được thiết lập/các kết quả thực hiện, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hàng năm thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hàng năm của các Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức độc lập và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hàng năm của nhà quản lý hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hàng năm của nhà quản lý hành này.

Điều 96. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hàng năm theo Điều 95 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng khen, bằng khen thưởng (phát hành bằng khen theo trình tự cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phê duyệt hoặc trình HĐQT phê duyệt, trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
3. Chế độ khen thưởng đối với vị trí là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Đối với vị trí là nhà quản lý hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được công nhân viên chức kinh doanh thực hiện hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ xuất HĐQT phê duyệt, trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 97. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, nhà quản lý hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu vị trí trung thực, siêng năng, công nhân viên chức phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.



3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người đại diện hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại tài chính của Công ty, công nghệ khác bị cấm thì theo quy định của pháp luật.



## CHIỀU 7 - SÁI QUY ĐỊNH VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY

Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Quy định và quy định Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải có sự đồng ý của Hội đồng Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty khác với quy định trong quy định này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy định này thì những quy định của pháp luật đó sẽ có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHIỀU 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 99. Ngày hiệu lực

1. Quy định này gồm 08 Chương, 99 Điều, có hiệu lực của Hội đồng Công ty Cổ phần Công Thoát Nước Lâm Đồng nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021 và cùng thời điểm có hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy định này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy định và quy định Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----



LIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI THIỆN CHÂM NG

..., ngày ... tháng ... năm 2021

## M C L C

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L .....	5
i u 1. Gi i thích thu t ng .....	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N, A I M KINH DOANH, TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY.....	6
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, a i m kinh doanh và th i h n ho t ng c a Công ty.....	6
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.....	6
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY.....	7
i u 4. M c tiêu ho t ng c a Công ty.....	7
i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty.....	8
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P.....	8
i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p .....	8
i u 7. Ch ng nh n c phi u .....	9
i u 8. Ch ng ch ch ng khoán khác .....	10
i u 9. Chuy n nh ng c ph n .....	10
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT .....	10
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát.....	10
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....	10
i u 11. Quy n c a c ông .....	10
i u 12. Ngh a v c a c ông .....	12
i u 13. i h i ng c ông.....	13
i u 14. Quy n và ngh a v c a i h i ng c ông .....	14
i u 15. y quy n tham d h p i h i ng c ông .....	15
i u 16. Thay i các quy n.....	16
i u 17. Tri u t p h p, ch ng trình h p và thông báo m i h p i h i ng c ông.....	17
i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông.....	18
i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i cu ch p i h i ng c ông.....	18
i u 20. i u ki n Ngh quy t c a i h i ng c ông c thông qua.....	20
i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	21
i u 22. Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông.....	23
i u 23. Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	24
VII. H I NG QU N TR .....	25

điều 24.  ng c ,  c thành viên H i  ng qu n tr .....	25
điều 25. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i  ng qu n tr .....	26
điều 26. Quy n h n và ngh a v c a H i  ng qu n tr .....	26
điều 27. Thù lao, th  ng và l i ích khác c a thành viên H i  ng qu n tr .....	27
điều 28. Ch t ch H i  ng qu n tr .....	28
điều 29. Cu c h p c a H i  ng qu n tr .....	29
điều 30. Các ti u ban thu c H i  ng qu n tr .....	32
điều 31. Ng i ph trách qu n tr Công ty.....	32
<b>VIII.  T NG GIÁM  C VÀ NG  I I U HÀNH KHÁC .....</b>	<b>33</b>
điều 32. T ch c b máy qu n lý.....	33
điều 33. Ng i i u hành Doanh nghi p.....	33
điều 34. B nhi m, mi n nhi m, quy n và ngh a v c a T ng Giám  c .....	33
điều 35. Th ký Công ty.....	34
<b>IX. BAN KI M SOÁT.....</b>	<b>34</b>
điều 36.  ng c ,  c thành viên Ban ki m soát (Ki m soát viên) .....	34
điều 37. Thành ph n Ban Ki m soát.....	35
điều 38. Tr  ng Ban ki m soát.....	35
điều 39. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát.....	36
điều 40. Cu c h p c a Ban ki m soát.....	37
điều 41. Ti n l  ng, thù lao, th  ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát.....	37
<b>X.  TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I  NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM  C VÀ NG  I I U HÀNH KHÁC.....</b>	<b>37</b>
điều 42. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	37
điều 43. Trách nhi m v thi th i và b i th  ng .....	39
<b>XI. QUY N TRAC US SÁCH VÀ H S CÔNG TY .....</b>	<b>39</b>
điều 44. Quy n tra c u s sách và h s .....	39
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG  OÀN .....</b>	<b>40</b>
điều 45. Công nhân viên và công  oàn .....	40
<b>XIII.  PHÂN PH I L I NHU N.....</b>	<b>40</b>
điều 46. Phân ph i l i nhu n.....	40
<b>XIV.  TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CH  K TOÁN.....</b>	<b>41</b>
điều 47. Tài kho n ngân hàng.....	41
điều 48. N m tài chính .....	41
điều 49. Ch  k toán.....	41

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TH  NG NIÊN VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B  THÔNG TIN .....	41
i u 50. Báo cáo tài chính n m, bán niên và quý .....	41
i u 51. Báo cáo th  ng niên .....	42
XVI.    KI M TOÁN CÔNG TY.....	42
i u 52. Ki m toán.....	42
XVII.    D U C A DOANH NGHI P.....	42
i u 53. D u c a doanh nghi p.....	42
XVIII.    GI I TH  CÔNG TY .....	42
i u 54. Gi i th  Công ty.....	42
i u 55. Thanh lý .....	43
XIX.    GI I QUY T TRANH CH P N I B .....	43
i u 56. Gi i quy t tranh ch p n i b .....	43
XX. B  SUNG VÀ S A    I I U L .....	44
i u 57.    i u l Công ty.....	44
XXI.    NGÀY HI U L C.....	44
i u 58. Ngày hi u l c .....	44

## PH N M U

i u l này c thông qua theo Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty c ph n C p thoát n c Lâm ng s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021

### I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u l.Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:

- a) LAWACO là Công ty C ph n C p thoát n c Lâm ng (“Công ty”);
- b) V n i u l là t ng m nh giá c ph n ã bán ho c c ng ký mua khi thành l p Công ty c ph n và theo quy nh t i i u 6 i u l này;
- c) Lu t Doanh nghi p là Lu t Doanh nghi p s 59/2020/QH14 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- d) Lu t Ch ng khoán là Lu t Ch ng khoán s 54/2019/QH14 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- e) Vi t Nam là n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam;
- f) Ngày thành l p là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và các gi y t có giá tr t ng ng) l n u;
- g) Ng i i u hành doanh nghi p T ng Giám c, Phó T ng Giám c, K toán tr ng và ng i i u hành khác do H i ng qu n tr b nhi m;
- h) Ng i qu n lý doanh nghi p là ng i qu n lý Công ty, bao g m Ch t ch H i ng qu n tr, thành viên H i ng qu n tr, T ng Giám c và cá nhân gi ch c danh qu n lý khác do i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr b nhi m;
- i) Ng i có liên quan là cá nhân, t ch c c quy nh t i kho n 46 i u 4 Lu t Ch ng khoán;
- j) C ông là cá nhân, t ch c s h u ít nh t m t c ph n c a Công ty c ph n;
- k) C ông sáng l p là c ông s h u ít nh t m t c ph n ph thông và ký tên trong danh sách c ông sáng l p Công ty c ph n;
- l) Th i h n ho t ng là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua;
- m) S giao d ch ch ng khoán là S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các Công ty con.

2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i, b, sung ho c v n b n thay th .

3. Các tiêu (M c, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.



II. TÊN, HÌNH THỨC, TRÚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐI ĐI N, AI M KINH DOANH, TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, a i m kinh doanh và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty vi t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG
- Tên Công ty vi t b ng ti ng n c ngoài: LAM DONG WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty vi t t t: LAWACO

2. Công ty là Công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam

3. Tr s ng ký c a Công ty:

- a ch tr s chính: s 50 Hùng v ng, Ph ng 9, thành ph à L t, t nh Lâm ng
- i n tho i: (0263) 3834304 – (0263) 3822240
- Fax: (02633) 824050
- E-mail: ctycapnuocldg@vnn.vn
- Website: [www.lawaco.com](http://www.lawaco.com)

4. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

5. Th i h n ho t ng c a Công ty là vô th i h n.

i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty

Công ty có (02) ng i i di n theo pháp lu t, là: Ch t ch H i ng qu n tr và T ng Giám c.

Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty là cá nhân i di n cho Công ty th c hi n các quy n và ngh a v phát sinh t giao d ch c a Công ty, i di n cho Công ty v i t cách nguyên n, b n, ng i có quy n l i, ngh a v liên quan tr c Tr ng tài, Tòa án. Trách nhi m c a ng i i di n theo pháp lu t th c hi n theo i u 13 c a Lu t Doanh nghi p và các quy n, ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ph i c trú Vi t Nam; và ph i y quy n b ng v n b n cho ng i khác th c hi n quy n và ngh a v c a ng i i di n theo pháp lu t t i Công ty khi xu t c nh kh i Vi t Nam.

Tr ng h p h th n y quy n mà ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ch a tr l i Vi t Nam và không có y quy n khác thì ng i c y quy n v n ti p t c th c hi n các quy n và ngh a v c a ng i i theo pháp lu t c a Công ty trong ph m vi ã c

Quy định cho nhân viên đi làm theo pháp luật của Công ty là làm việc, hoặc cho nhân viên HQT quy định khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt vì tuổi Nam quá 30 ngày mà không quy định cho nhân viên khác thực hiện các quy định và nhiệm vụ của nhân viên đi làm theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ quy định khác thay thế.

Quy định và nghĩa vụ của nhân viên đi làm theo pháp luật:

Nhiệm vụ đi làm chính là Chức vụ Hិ ớng quản trị có các quy định và nghĩa vụ sau:

- Lập kế hoạch trình, kế hoạch hoạt động của Hិ ớng quản trị;
- Chuẩn bị kế hoạch trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triểu tập và chốt lại cuộc họp Hិ ớng quản trị;
- Thực hiện việc thông qua nghị quyết của Hិ ớng quản trị;
- Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết của Hិ ớng quản trị;
- Chốt lại cuộc họp, ghi nhận công việc, cuộc họp Hិ ớng quản trị;
- Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quy định tiền lương và quy định khác về vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty.

Nhiệm vụ đi làm thứ hai là Tổng Giám đốc có các quy định và nghĩa vụ sau:

- Quy định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quy định của Hិ ớng quản trị
- Thực hiện các nghị quyết của Hិ ớng quản trị
- Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phê duyệt dự án của Công ty
- Kiểm nghiệm phê duyệt các dự án, quy định quản lý nhân sự của Công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hិ ớng quản trị
- Quy định tiền lương và quy định khác về việc nghỉ ngơi trong Công ty kể cả nghỉ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc
- Tuyển dụng lao động
- Kiểm nghiệm phê duyệt các tài liệu về xử lý nợ trong kinh doanh
- Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hិ ớng quản trị.

### III. M ỚC TIÊU, PH ỚM VI KINH DOANH VÀ HO ỚT ỚNG C ỚA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nhiên liệu
4322	Lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa, lắp đặt và vận hành hệ thống điều hòa không khí

7110	<p>Ho t ng ki n trúc và t v n k thu t có liên quan</p> <p>Chi ti t: T v n thi t k công trình xây d ng dân d ng, công trình c p thoát n c, giám sát thi công công trình xây d ng. Giám sát công trình dân d ng, công nghi p, c p thoát n c, th y l i. L p d án u t xây d ng công trình, th m tra d án u t , ánh giá tác ng môi tr ng. Thi t k d toán công trình xây d ng dân d ng, công nghi p, c p thoát n c, th y l i.</p>
3700	Thoát n c và x lý n c th i
1104	<p>S n xu t u ng không c n, n c khoáng</p> <p>Chi ti t: S n xu t n c u ng óng chai.</p>
4663	<p>Bán buôn v t li u, thi t b l p t khác trong xây d ng</p> <p>Chi ti t: Bán buôn kính ph ng, ng kim và khóa, ng n i, kh p n i, chi ti t l p ghép khác, bình un n c, thi t b v sinh nh : b n t m, ch u r a, b xí, s v sinh khác, thi t b l p t v sinh nh : ng, ng d n, kh p n i, vòi, cút ch T, ng cao su; d ng c c m tay: búa, c a, tua vít, d ng c m tay khác.</p>
4752	<p>Bán l ng kim, s n, kính và thi t b l p t khác trong xây d ng trong các c a hàng chuyên doanh</p> <p>Chi ti t: Kinh doanh các lo i v t t , thi t b c p thoát n c.</p>

2. M c tiêu ho t ng c a [Công ty](#) là xây d ng và gi v ng th ng hi u, ng th i m r ng và phát tri n ng b các l nh v c ho t ng khác mà LAWACO ang có u th , t o n n t ng phát tri n m t cách n nh, lâu dài và v ng ch c, t i a hóa l i nhu n, m b o quy n l i h p pháp cho các c ông, làm tròn ngh a v i v i Nhà n c.

i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a [Công ty](#)

[Công ty](#) c phép ti n hành ho t ng kinh doanh theo [các](#) ngành ngh [quy nh t i i u l này](#) ã [ng ký, thông báo thay i n i dung ng ký v i c quan ng ký kinh doanh và ã](#) công b trên C ng thông tin ng ký doanh nghi p qu c gia.

#### IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là 788.0000.000.000 VND ng (b ng ch : B y tr m tám m i tám t ng)

Tổng số vốn của [Công ty](#) chia thành 78.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

[2. Công ty](#) có thể thay đổi vốn khi cần thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.](#) Các cổ phần của [Công ty](#) vào ngày thông qua điều này là cổ phần phổ thông. Các quy định và nghĩa vụ của công nhân viên công ty như tại điều [12](#), điều [13](#) điều này.

[4. Công ty](#) có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5. Công ty](#) sẽ chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công ty Lâm nghiệp nên không có công suất sản xuất.

Cổ phần phổ thông phải ưu tiên chào bán cho các công nhân viên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông của họ trong [Công ty](#), trừ trường hợp Hội đồng quản trị khác, số cổ phần công nhân viên không ký mua hết do Hội đồng quản trị của [Công ty](#) quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho công nhân viên khác với điều kiện không thu lợi nhuận so với những điều kiện chào bán cho các công nhân viên trừ trường hợp [trừ trường hợp ưu đãi](#) công nhân viên có chấp thuận khác hoặc pháp luật về kế toán có quy định khác.

[6. Công ty](#) có thể mua cổ phần do chính [Công ty](#) đã phát hành theo những cách thức quy định trong điều này và pháp luật hiện hành.

[7. Công ty](#) có thể phát hành các loại kế toán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chế độ nhân viên

[1.](#) Công nhân của [Công ty](#) sẽ chấp hành chế độ tiền lương và các phúc lợi khác.

[2.](#) Chế độ là loại kế toán xác định quy định và lợi ích pháp lý của người sử dụng theo quy định tại khoản 1 điều [121](#) Luật Doanh nghiệp.

[3.](#) Trong thời hạn [\[15 ngày\]](#) kể từ ngày nộp hồ sơ chuyển quyền số cổ phần theo quy định của [Công ty](#) hoặc trong thời hạn [\[02 tháng\]](#) kể từ ngày thanh toán tiền mua cổ phần theo quy định tại pháp luật áp dụng phát hành cổ phần của [Công ty](#) (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sử dụng số cổ phần chấp hành chế độ nhân viên. Người sử dụng số cổ phần không phải trả cho [Công ty](#) chi phí in chế độ nhân viên.

[4.](#) Trường hợp chế độ nhân viên bị hủy bỏ hoặc thay đổi hình thức khác thì công nhân của Công ty phải chấp hành theo quy định của công nhân viên khác. Công nhân viên phải chấp hành các quy định sau đây:

a) Thông tin về cơ cấu vốn, hình thức tổ chức và hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc lập phiếu mời.

Điều 8. Chế độ kế toán khác

Chế độ kế toán khác của Công ty được phát hành có chi tiết và đi kèm theo pháp luật và được áp dụng tại Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần do chuyển nhượng từ khi đi vào hiệu lực này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục đăng ký chứng khoán.

2. Cổ phần mua bằng thanh toán không được chuyển nhượng và hình thức các quy định liên quan như quy định về cổ tức, quy định về phiếu phát hành tiền gửi và cổ phần ngừng vận hành, quy định mua cổ phiếu mời chào bán và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

## V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KẾ TOÁN

Điều 10. Cấu trúc, quản trị và kế toán

Cấu trúc, quản trị và kế toán của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng.
2. Hội đồng quản trị, Ban kế toán.
3. Tổng Giám đốc.

## VI. CÔNG VÀ HỒI NG CÔNG

Điều 11. Quy định về công

1. Công phải thông qua các quy định sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định về quy trình tiếp nhận thông qua nguyên tắc đi kèm theo quy định hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mọi chi phí thông tin có liên quan đến việc

b) Nhận cổ phiếu theo quy định của hội đồng;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới phát hành với số lượng cổ phần thông qua đăng ký công trong Công ty;

d) Tất cả chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách công có quy định về quy tắc yêu cầu sử dụng thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép Điều lệ Công ty, biên bản họp hội đồng và Nghị quyết hội đồng;

g) Khi Công ty ghi i th h o c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i t l s h u c ph n t i Công ty;

h) Yêu c u Công ty mua l i c ph n trong các tr ng h p quy nh t i i u 132 Lu t Doanh nghi p;

i) c i x bình ng. M i c ph n c a cùng m t lo i u t o cho c ông s h u các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau. Tr ng h p Công ty có các lo i c ph n u ãi, các quy n và ngh a v g n li n v i các lo i c ph n u ãi phi c i h i ng c ông thông qua và công b y cho c ông;

j) c t i p c n y thông tin nh k và thông tin b t th ng do Công ty công b theo quy nh c a pháp lu t;

k) c b o v các quy n, l i ích h p pháp c a mình; ngh ình ch , h y b ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông. H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;

l) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

2. C ông ho c nhóm c ông s h u t 05% t ng s c ph n ph thông tr lên có các quy n sau:

a) Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c t r i t p h p i h i ng c ông theo các quy nh t i kho n 3 i u 115 và i u 140 Lu t Doanh nghi p;

b) Xem xét, tra c u, trích l c s biên b n và ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính bán niên và h ng n m, báo cáo c a Ban ki m soát, h p ng, giao d ch ph i thông qua H i ng qu n tr và tài li u khác, tr tài li u liên quan n bí m t th ng m i, bí m t kinh doanh c a Công ty;

c) Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i b ng v n b n và ph i bao g m các n i dung sau ây: h , tên, a ch liên l c, qu c t ch, s gi y t pháp lý c a cá nhân i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s gi y t pháp lý c a t ch c, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;

d) Ki n ngh v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và c g i n Công ty ch m nh t là 03 ngày làm vi c tr c ngày khai m c, Ki n ngh ph i ghi rõ tên c ông, s l ng t ng lo i c ph n c a c ông, v n ki n ngh a vào ch ng trình h p;

e) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

3. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng i vào H i ng qu n tr , Ban ki m soát. Vi c c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát th c hi n nh sau:

a) Các c ông ph thông h p thành nhóm c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát ph i thông báo v vi c h p nhóm cho các c ông d h p b i t tr c khi khai m c i h i ng c ông;

b) Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, công ho c nhóm công quy nh t i kho n này c quy n c m t ho c m t s ng i theo quy t nh c a i h i ng c ông làm ng c viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr , Ban ki m soát và các c ông khác c .

đ u 12. Ngh a v c a c ông

C ông ph thông có các ngh a v sau:

1. Thanh toán và úng th i h n s c ph n cam k t mua.

2. Không c rút v n ã góp b ng c ph n ph thông ra kh i Công ty đ i m i hình th c, tr tr ng h p c Công ty ho c ng i khác mua l i c ph n. Tr ng h p có c ông rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì c ông ó và ng i có l i ích liên quan trong Công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút và các thi t h i x y ra.

3. Tuân th i u l Công ty và Quy ch qu n lý n i b c a Công ty.

4. Ch p hành Ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr .

5. B o m t các thông tin c Công ty cung c p theo quy nh t i i u l Công ty và pháp lu t; ch s đ ng thông tin c cung c p th c hi n và b o v quy n và l i ích h p pháp c a mình; nghiêm c m phát tán ho c sao, g i thông tin c Công ty cung c p cho t ch c, cá nhân khác.

6. Tham đ cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t/b u c thông qua các hình th c sau:

- a) Tham đ và bi u quy t/b u c tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho cá nhân, t ch c khác tham đ và bi u quy t/b u c t i cu c h p;
- c) Tham đ và bi u quy t/b u c thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t/b u c n cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

7. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh Công ty đ i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:

- a) Vi ph m pháp lu t;
- b) Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c các r i ro tài chính i v i Công ty.

8. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

i u 13. i h i ng c ông

1. i h i ng c ông g m t t c c ông có quy n bi u quy t, là c quan quy t nh cao nh t c a Công ty. i h i ng c ông h p th ng niên m i n m m t l n và trong th i h n b n (04) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Tr tr ngh p i u l Công ty có quy nh khác, H i ng qu n tr quy t nh gia h n h p i h i ng c ông th ng niên trong tr ng h p c n thi t, nh ng không quá 06 tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Ngoài cu c h p th ng niên, i h i ng c ông có th h p b t th ng. a i m h p i h i ng c ông c xác nh là n i ch t a tham d h p và ph i trên lãnh th Vi t Nam.

2. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ông th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty, c bi t thông qua báo cáo tài chính n m c ki m toán. Tr ng h p Báo cáo ki m toán báo cáo tài chính n m c a Công ty có các kho n ngo i tr tr ng y u, y ki n ki m toán trái ng c ho c t ch i, Công ty ph i m i i di n t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty đ h p i h i ng c ông th ng niên và i di n t ch c ki m toán c ch p thu n nêu trên có trách nhi m tham d h p i h i ng c ông th ng niên c a Công ty.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

- a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
- b) S l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t;
- c) Theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 c a Lu t Doanh nghi p; yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông ph i c th hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n và t p h p ch ký c a các c ông có liên quan;
- d) Theo yêu c u c a Ban ki m soát;
- e) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

a) H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n [60 ngày] k t ngày s thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban Ki m soát còn l i nh quy nh t i i m b kho n 3 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m c và i m d kho n 3 i u này.

b) Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m a kho n 4 i u này thì trong th i h n 30 ngày ti p theo, Ban ki m soát thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 3 i u 140 Lu t Doanh nghi p;

c) Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m b kho n 4 i u này thì c ông ho c nhóm c ông quy nh t i i m c kho n 3 i u



này có quy định yêu cầu tiền Công ty trừ thuế phải chịu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

(Trong trường hợp này, công đoàn nhóm công nhân phải chịu chi phí có thể phát sinh liên quan đến việc ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục thuế, tài sản hành pháp và ra quyết định chi phí công. Thuế chi phí cho việc thuế và tài sản hành pháp phải chịu công Công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đoàn chi tiêu khi tham gia chấp hành công, kể cả chi phí và lợi.)

d) Thuế trả chính phải chịu theo quy định ở điểm 5 của Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quy định và nghĩa vụ của chính phải chịu theo quy định ở điểm 14.

1. Chính phải chịu theo quy định ở điểm 14 sau:

a) Thông qua nh h ng phát triển c a Công ty;

b) Quy t nh lo ại ph ần và t ng s c ph ần c á t ng lo ại c quy đ ịnh ch ào bán;  
quy t nh m ức t h ng n m c á t ng lo ại ph ần;

c) B u m i n n h i m, b ã n h i m th à n h à n g o n t r, th à n h à n g B an k i m s o á t;

d) Quy t nh u t h o c bán s ài s ản có giá tr ít 35% t ng giá tr t ài s ản tr ên c gh i tr ong b áo c áo t ài ch ính g o n t r C ông ty;

e) Quy t nh s á i, b s ung i u l C ông ty;

f) Thông qua b áo c áo t ài ch ính h ng n m;

g) Quy t nh m ua l i trên 10% t ng s c ph ần ã bán c a m ì o i;

h) X em x ét, x l ý v i ph m c a th à n h à n g H i ng q u n t r, th à n h à n g B an k i m s o á t g ây th i t h i ch o C ông ty và c ông C ông ty;

i) Quy t nh t h c l i, g i í t h C ông ty;

j) Quy t nh ng ân s ách h o c t ng m c th ù l ao, th ng và l i í ch kh ác ch o H i ng q u n t r, B an k i m s o á t;

k) Ph ê duy t S a i, b s ung Q u y ch q u n t r n i b; Q u y ch h o t ng H i ng q u n t r, B an k i m s o á t;

l) Ph ê duy t d anh s ách C ông ty k i m toán c h p thu n; quy t nh C ông ty k i m toán c h p thu n th c h i n k i m tra h o t ng c a C ông ty, b ã m i n k i m toán viên c h p thu n k hi x ét th y c n th i t;

m) Q u y và ng h ĩa v ụ kh ác theo quy đ ịnh ph áp lu ật.

2. Ch ính ph ải ch ịu theo quy đ ịnh ở điểm 14 sau:

a) K h o ch kinh doanh h ng n m c a C ông ty;

b) B áo c áo t ài ch ính h ng n m ã c k i m toán;

c) B áo c áo c a H i ng q u n t r v q u n t r và k t q u h o t ng c a H i ng q u n t r và t ng th à n h à n g H i ng q u n t r;

d) B áo c áo c a B an k i m s o á t v k t q u kinh doanh c a C ông ty, k t q u h o t ng c a H i ng q u n t r, T ng Giám đ o ng;

e) B áo c áo t án h g iá k t q u h o t ng c a B an k i m s o á t và th à n h à n g B an k i m s o á t;

- f) Mức tiêu chí miễn phí hoạt động;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bộ, miền, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quy định ngân sách hoạt động mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán chấp thuận; quy định Công ty kiểm toán chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thực hiện thi;
- k) Bổ sung và sửa đổi Công ty;
- l) Loại phần và số lượng phần miễn phí phát hành miễn phí và việc chuyển nhượng phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm ưu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển đổi thành lý;
- o) Quy định học bán sản phẩm có giá trị 35% giá trị tài sản trên lên ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quy định mua lại trên 10% tổng số phần đã bán của công ty;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với nhà cung cấp quy định khoản 1 167 Luật Doanh nghiệp về giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định khoản 4 điều 293 Nghị quy định số 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chuyển đổi;
- s) Phê duyệt Quy định về quản trị Công ty, Quy định hoạt động Hội đồng quản trị, Quy định hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

3. Tất cả các quy định và các văn bản đã đưa vào chương trình họp phải công bố ra thông tin và bị quy định chi tiết như sau.

điều 15. Quy định tham dự họp của Hội đồng

1. Công đồng, người đi đến theo quy định của công là tất cả các thành viên có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tất cả các khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tất cả các đi đến dự họp của Hội đồng theo quy định khoản 1 điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên công đồng ủy quyền, tên cá nhân, tất cả các ủy quyền, số lượng phần ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên ủy quyền.

Người ủy quyền dự họp của Hội đồng phải lập văn bản ủy quyền khi ký dự họp. Trường hợp ủy quyền liên quan đến tham dự họp phải đi theo quy định trên đây.

thêm v n b n y quy n ban u c a c ông, ng i i đi n theo y quy n c a c ông là t ch c (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

3. Phi u bi u quy t/Phi u b u c c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi x y ra m t trong các tr ng h p sau:

a) Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b) Ng i y quy n ã h y b vi c ch nh y quy n;

c) Ng i y quy n ã h y b th m quy n c a ng i th c hi n vi c y quy n.

i u kho n này không áp đ ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 16. Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông i đi n t 65% t ngs phi u bi u quy t tr lên c a t t c c ông đ h p thông qua. Ngh quy t i h i ng c ông v n i dung làm thay i b t l i quy n và ngh a v c a c ông s h u c ph n u ãi ch c thông qua n u c s c ông u ãi cùng lo i đ h p s h u t 75% t ngs c ph n u ãi lo i ó tr lên tán thành ho c c các c ông u ãi cùng lo i s h u t 75% t ngs c ph n u ãi lo i ó tr lên tán thành trong tr ng h p thông qua ngh quy t đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

2. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u 02 c ông (ho c i đi n theo y quy n c a h ) và n m gi t i thi u 1/3 giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ãi phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong th i h n 30 ngày ti p theo và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n theo y quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ãi nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 19, 20 và 21 i u l này.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p h p, ch ng tr ình h p và thông báo [m i h p](#) i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông [th ng niên và b t th ng. H i ng qu n tr tri u t p h p](#) i h i ng c ông [b t th ng](#) theo các tr ng h p quy nh t i kho n [3](#) i u [14](#) i u l này.

2. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i th c hi n các công vi c sau ây:

a) Chu n b danh sách c ông i u ki n tham gia và bi u quy t/[b u c](#) t i [c u c h p](#) i h i ng c ông. Danh sách c ông có quy n đ h p i h i ng c ông c l p không [quá](#) 10 ngày tr c ngày g i thông báo m i h p i h i ng c ông. [Công ty ph i công b thông tin v vi c l p danh sách c ông có quy n tham đ h p i h i ng c ông t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng;](#)

b) Chu n b ch ng tr ình, n i dung i h i;

c) Chu n b tài li u cho i h i;

d) Đ th o ngh quy t i h i ng c ông theo n i dung đ ki n c a cu c h p;

e) Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

f) Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n đ h p;

g) Các công vi c khác ph c v i h i.

3. Thông báo [m i h p](#) i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông b ng ph ng th c [b o m n c a ch liên l c c a c ông](#), ng th i công b trên trang thông tin i n t c a [Công ty](#) và y ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao đ ch ch ng khoán [n i c phi u c a Công ty niêm y t ho c ng ký giao đ ch](#). Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i g i thông báo m i h p n t t c các c ông trong Danh sách c ông có quy n đ h p ch m nh t [21](#) ngày tr c ngày khai m c cu c h p (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l ). Ch ng tr ình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a [Công ty](#). Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ ng đ n n toàn b tài li u h p các c ông có th t i p c n, bao g m:

[a\)](#) Ch ng tr ình h p, các tài li u s đ ng trong cu c h p;

[b\)](#) Danh sách và thông tin chi ti t c a các ng viên trong tr ng h p b u thành viên H i ng qu n tr , [thành viên Ban ki m](#) soát;

[c\)](#) Phi u bi u quy t/[b u c](#) ;

[d\)](#) Đ th o ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng tr ình h p.

4. C ông ho c nhóm c ông theo quy nh t i kho n [2](#) i u [12](#) i u l này có quy n ki n ngh v n a vào ch ng tr ình h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và ph i c g i n [Công ty ch m](#) nh t 03 ngày làm vi c tr c ngày

khai m c cu c h p. Ki n ngh ph i ghi rõ tên c ông, s l ng t ng lo i c ph n c a c ông. a ch liên l c, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c; s l ng và lo i c ph n c ông ó n m gi , và v n ki n ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

a) Ki n ngh c g i n không úng quy nh t i kho n 4 i u này;

b) Vào th i i m ki n ngh , c ông ho c nhóm c ông không n m gi t 5% c ph n ph thông tr lên theo quy nh t i kho n 2 i u 12 i u l này;

c) V n ki n ngh không thu c ph m vi th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông;

d) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này vào đ ki n ch ng trình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 5 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông đ h p i đi n trên 50% t ng s phi u bi u quy t.

2. Tr ng h p cu c h p l n th nh t không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 1 i u này thì thông báo m i h p l n th hai c g i trong th i h n 30 ngày, k t ngày đ nh h p l n th nh t. Cu c h p i h i ng c ông l n th hai c t i n hành khi có s c ông đ h p i đi n t 33% t ng s phi u bi u quy t tr lên.

3. Tr ng h p cu c h p l n th hai không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 2 i u này thì thông báo m i h p l n th ba ph i c g i trong th i h n 20 ngày k t ngày đ nh h p l n th hai. Cu c h p i h i ng c ông l n th ba c t i n hành không ph thu c vào t ng s phi u bi u quy t c a các c ông đ h p.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông

1. Tr c khi khai m c cu c h p, Công ty ph i t i n hành th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t theo trình t sau:



a) B trích ng i t i a i m h p i h i ng c ông;

b) B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;

c) T o i u k i n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d ) i h i. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

5. Ng i tri u t p h p ho c ch t a cu c h p i h i ng c ông có quy n sau ây:

a) Yêu c u t t c ng i d h p ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh h p pháp, h p lý khác;

b) Yêu c u c quan có th m quy n duy trì tr t t cu c h p; tr c xu t nh ng ng i không tuân th quy n i u hành c a ch t a, c ý gây r i tr t t , ng n c n t i n tr i n bình th ng c a cu c h p ho c không tuân th các yêu c u v ki m tra an ninh ra kh i cu c h p i h i ng c ông.

6. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i ng c ông ã có s ng i ng ký d h p t i a không quá 03 ngày làm vi c k t ngày cu c h p d nh khai m c và ch c hoãn cu c h p ho c thay i a i m h p trong tr ng h p sau ây:

a) a i m h p không có ch ng i thu n t i n cho t t c ng i d h p;

b) Ph ng ti n thông tin t i a i m h p không b o m cho c ông d h p tham gia, th o lu n và bi u quy t;

c) Có ng i d h p c n tr , gây r i tr t t , có nguy c làm cho cu c h p không c t i n hành m t cách công b ng và h p pháp.

7. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng h p i h i ng c ông trái v i quy nh t i kho n 6 i u này, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc; t t c ngh quy t c thông qua t i cu c h p ó u có hi u l c thi hành.

8. Tr ng h p Công ty áp d ng công ngh hi n i t ch c i h i ng c ông thông qua h p tr c tuy n, Công ty có trách nhi m m b o c ông tham d , bi u quy t b ng hình th c b phi u i n t ho c hình th c i n t khác theo quy nh t i i u 144 Lu t Doanh nghi p và kho n 3 i u 273 Ngh nh s 155/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 20. i u k i n Ngh quy t c a i h i ng c ông c thông qua

1. Ngh quy t v n i dung sau ây c thông qua n u c s c ông i d i n t 65% t ng s phi u bi u quy t tr lên c a t t c c ông d h p tán thành, tr tr ng h p quy nh t i các kho n 3, 4 và 6 i u 148 Lu t Doanh nghi p.

- a) Loại phi nhân vật ngân sách phi nhân vật loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cấu trúc quản lý Công ty;
- d) Dán nút hoc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Công ty quy định khác giá trị khác;
- e) Tổ chức, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi chức số công nhân trên 50% tổng số phi nhân vật quy định của tổ chức công nhân sản xuất, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biên tập biên thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định của pháp luật, theo mô hình công có tổng số phi nhân vật quy định trong nội quy của phi nhân vật sản xuất nhân viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và công có quy định nội dung nội dung phi nhân vật của mình cho nội dung nội dung công nhân. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phi nhân vật tính theo xu hướng, bất luận công nhân có số phi nhân vật cao nhất cho nên khi số thành viên quy định tại Điều 148 Công ty. Trường hợp có từ 02 công nhân trở lên cùng số phi nhân vật nhau cho thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lựa chọn trong số các công nhân có số phi nhân vật ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Điều 148 Công ty.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số công nhân của công nhân thành viên HĐQT/BKS của công nhân thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể thực hiện theo quy định của pháp luật nhân quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật biên tập biên thành viên (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Việc biên tập biên thành viên thông qua theo quy định của pháp luật biên tập biên thành viên theo Khoản 2 Điều 21 Điều 148 Công ty.

3. Các Nghị quyết của Hội đồng công nhân được thông qua bằng 100% tổng số phi nhân vật quy định biên tập biên thành viên là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình thảo luận và thông qua nghị quyết có vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 148 Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý giải kiến nghị công nhân bằng văn bản thông qua Nghị quyết của Hội đồng công nhân

Thẩm quyền và thủ tục lý giải kiến nghị công nhân bằng văn bản thông qua Nghị quyết của Hội đồng công nhân thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quy định lý giải kiến nghị công nhân bằng văn bản thông qua nghị quyết của Hội đồng công nhân v các vấn đề sau:
  - a) Sa i, b sung các nội dung của Điều 148 Công ty;



- b) Phê duyệt/sa i, bổ sung Quy ch n i b v qu n tr Công ty; Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr; Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát;
- c) nh h ng phát tri n Công ty;
- d) Lo ic ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i;
- e) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
- f) D án u t ho c bán s tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính h ng n m
- h) T ch c l i, gi i th Công ty.
- i) Thay i ngành, ngh và l nh v c kinh doanh;
- j) Thay ic c ut ch c qu n lý Công ty;
- k) Các v n khác khi xét th y c n thi t vì l ích c a Công ty.

2. H i ng qu n tr phi i chu n b phi u l y ý ki n, d th o ngh quy t i h i ng c ông, các tài li u gi i trình d th o ngh quy t và g i n t t c c ông có quy n bi u quy t ch m nh t 10 ngày tr c th i h n ph i g i l i phi u l y ý ki Yêu c u và cách th c g i phi u l y ý ki n và tài li u kèm theo c th c hi n theo quy nh t i kho n 3 i u 18 i u l này.

3. Phi u l y ý ki n phi i có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) M c ích l y ý ki n;
- c) H , tên, a ch liên l c, qu c t ch, s gi y t pháp lý c a cá nhân i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s gi y t pháp lý c a t ch c, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c ho c h , tên, a ch liên l c, qu c t ch, s gi y t pháp lý c a cá nhân i v i i đi n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông;
- d) V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;
- e) Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;
- f) Th i h n ph i g i v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;
- g) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr.

4. C ông có th g i phi u l y ý ki n ã tr l i n Công ty b ng hình th c g i th , fax ho c th i n t theo quy nh sau ây:

a) Tr ng h p g i th , phi u l y ý ki n ã c tr l i phi i có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i đi n theo y quy n ho c ng i i đi n theo pháp lu t c a c ông là t ch c. Phi u l y ý ki n g i v Công ty phi i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u;

b) Tr ng h p g i fax ho c th i n t , phi u l y ý ki n g i v Công ty phi i c gi bí m t n th i i m ki m phi u;

c) Các phi u l y ý ki n g i v Công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m trong tr ng h p g i th và b ti t l trong tr ng h p g i fax, th

in t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t.

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua ngh quy t;
- c) S c ông v i t ng s phi u bi u quy t/b u c ã tham gia bi u quy t/b u c, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t/b u c h p l và s bi u quy t/b u c không h p l và ph ng th c g i phi u bi u quy t/b u c, kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t/b u c;
- d) T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n , t ng s phi u b u c t ng ng viên (n u có);
- e) V n ã c thông qua và t l bi u quy t thông qua t ng ng;
- f) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u và ngh quy t ph i c g i n các c ông trong th i h n 15 ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u. Vi c g i biên b n ki m phi u và ngh quy t có th thay th b ng vi c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công ty trong th i h n 24 gi , k t th i i m k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Ngh quy t c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n n u c s c ông s h u trên 50% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông có quy n bi u quy t tán thành và có giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông ph i c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi đ i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t, có th l p thêm b ng ti ng n c ngoài và có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) Th i gian và a i m h p i h i ng c ông;
- c) Ch ng trình h p và n i dung cu c h p;

- d) H , tên ch t a và th ký;
- e) Tóm t t di n bi n cu c h p và các ý ki n phát bi u t i cu c h p i h i ng c ông v t ng v n trong ch ng tr ình h p;
- f) S c ông và t ng s phi u bi u quy t c a các c ông đ h p, ph l c danh sách ng ký c ông, i di n c ông đ h p v i s c ph n và s phi u b u t ng ng;
- g) T ng s phi u bi u quy t i v i t ng v n bi u quy t, trong ó ghi rõ ph ng th c bi u quy t, t ng s phi u h p l , không h p l , tán thành, không tán thành và không có ý ki n; t l t ng ng trên t ng s phi u bi u quy t c a c ông đ h p;
- h) T ng h p s phi u b u c t ng ng viên (n u có):
  - i) Các v n ã c thông qua và t l phi u bi u quy t thông qua t ng ng;
  - j) H , tên và ch ký c a ch t a và th ký. Tr ng h p ch t a, th ký t ch i ký biên b n h p thì biên b n này có hi u l c n u c t t c thành viên khác c a H i ng qu n tr tham đ h p ký và có y n i dung theo quy nh t i kho n này. Biên b n h p ghi rõ vi c ch t a, th ký t ch i ký biên b n h p.

2. Biên b n h p i h i ng c ông phi c l p xong và thông qua tr c khi k t thúc cu c h p. Ch t a và th ký cu c h p ho c ng i khác ký tên trong biên b n h p phi liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n.

3. Biên b n c l p b ng ti ng Vi t và ti ng n c ngoài u có hi u l c pháp lý nh nhau. Tr ng h p có s khác nhau v n i dung gi a biên b n b ng ti ng Vi t và b ng ti ng n c ngoài thì n i dung trong biên b n b ng ti ng Vi t c áp đ ng.

4. Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông, ph l c danh sách c ông ng ký đ h p, v n b n y quy n tham đ h p, t t c các tài li u ình kèm Biên b n (n u có) và tài li u có liên quan kèm theo thông báo m i h p phi l u gi t i tr s chính c a Công ty.

Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông và tài li u kèm theo trong biên b n, ngh quy t phi c công b thông tin theo quy nh pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán.

i u 23. Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông

Trong th i h n 90 ngày k t ngày nh n c ngh quy t ho c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 Lu t Doanh nghi p có quy n yêu c u Tòa án ho c Tr ng tài xem xét, h y b ngh quy t ho c m t ph n n i dung ngh quy t i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Tr ình t , th t c tri u t p h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông vi ph m nghiêm tr ng quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty, tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 21 i u l này.

2. N i dung ngh quy t vi ph m pháp lu t ho c i u l này.

## VII. H I NG QU N TR

i u 24. ng c , c thành viên H i ng qu n tr

1. Tr ng h p ã xác nh c ng c viên H i ng qu n tr, Công ty ph i công b thông tin liên quan n các ng c viên t i thi u 10 ngày tr c ngày khai m c h p i h i ng c ông trên trang thông tin i n t c a Công ty c ông có th tìm hi u v các ng c viên này tr c khi b phi u. ng c viên H i ng qu n tr ph i có cam k t b ng v n b n v tính trung th c, chính xác c a các thông tin cá nhân c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c, c n tr ng và vì l i ích cao nh t c a Công ty n u c b u làm thành viên H i ng qu n tr . Thông tin liên quan n ng c viên H i ng qu n tr c công b bao g m:

- H tên, ngày, tháng, n m sinh;
- Trình chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các ch c danh qu n lý khác (bao g m c ch c danh H i ng qu n tr c a Công ty khác);
- L i ích có liên quan t i Công ty và các bên có liên quan c a Công ty;
- Các thông tin khác (n u có) theo quy nh t i i u l Công ty;

Công ty ph i có trách nhi m công b thông tin v các Công ty mà ng c viên ang n m gi ch c v thành viên H i ng qu n tr , các ch c danh qu n lý khác và các l i ích có liên quan t i Công ty c a ng c viên H i ng qu n tr (n u có).

2. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng c viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty. Các c ông n m gi c ph n ph thông có quy n g p s quy n bi u quy t c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 10% n d i 20% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 20% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n 80% c c t i a b y (07) ng viên; và t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.

3. Tr ng h p s l ng ng c viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t theo quy nh t i kho n 5 i u 115 Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l Công ty. Quy ch n i b v qu n tr Công ty và Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr. Vi c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t.

4. Thành viên H i ng qu n tr ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 1, kho n 2 i u 155 Lu t doanh nghi p và i u l này.

i u 25. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm bổ nhiệm không hạn chế. Trên hợp phần của thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên có tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bổ nhiệm thay thế và tiếp quản công việc.
3. Chức vụ thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
C chức vụ Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không liên hệ hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh liên hệ hành của Công ty đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tiếp cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị hạn chế công miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại i u 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhận thiếp phải là công nhân của Công ty.

i u 26. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quy định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của Công ty, tr các quy định và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của hiện công nhân.
2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ Công ty và hiện công nhân quy định. Ch, Hội đồng quản trị có những quy định và nghĩa vụ sau:
  - a) Quy định nh chỉ định, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh h năm của Công ty;
  - b) K nh lo i c ph n và t ng s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i;
  - c) Q y t nh bán c ph n ch a bán trong ph m v i s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i; quy định huy ng thêm v n theo hình th c khác;
  - d) Q y t nh giá bán c ph n và trái phi u c a Công ty;
  - e) Q y t nh mua l i c ph n theo quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u 133 Lu t Doanh nh i p;
  - f) Q y t nh ph ng án u t và đ án u t trong th m quy n và g i h n theo quy nh c a pháp lu t;
  - g) Q y t nh g i đ pháp phát tri n th tr ng, t i p th và c ông nh g h ;
  - h) T h ông qua h p ng mua, bán, vay, cho vay và h p ng, g i a o d ch khác có giá tr t [35%] t ng giá tr tài s n tr lên c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty, tr ng h p các h p ng, g i a o d ch thu c th m quy n quy t nh c a hi h i ng c ông

theo quy nh t i i m d kho n 2 i u 138, kho n 1 và kho n 3 i u 167 Lu t Doanh nghi p;

- i) B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng qu n tr ; b nhi m, mi n nhi m, ký k t h p ng, ch m d t h p ng i v i T ng Giám c và ng i qu n lý quan tr ng khác do i u l Công ty quy nh; quy t nh ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a nh ng ng i qu n lý ó; c ng i i di n theo y quy n tham gia H i ng thành viên ho c i h i ng c ông Công ty khác, quy t nh m c thù lao và quy n l i khác c a nh ng ng i ó;
- j) Giám sát, ch o T ng Giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty;
- k) Quy t nh c c ut ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty, quy t nh thành l p Công ty con, chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;
- l) Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri ut p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua ngh quy t;
- m) Trình báo cáo tài chính h ng n m ã c ki m toán lên i h i ng c ông;
- n) Ki n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th Công ty; yêu c u phá s n Công ty;
- p) Quy t nh ban hành Quy ch ho t ng H i ng qu n tr, Quy ch n i b v qu n tr Công ty sau khi c i h i ng c ông thông qua; quy t nh ban hành Quy ch ho t ng c a y ban ki m toán tr c thu c H i ng qu n tr (n u có), Quy ch v công b thông tin c a Công ty;
- q) Yêu c u T ng Giám c, Phó T ng Giám c, ng i qu n lý khác trong Công ty cung c p thông tin, tài li u v tình hình tài chính, ho t ng kinh doanh c a Công ty và c a n v trong Công ty.
- r) Ng i qu n lý c yêu c u ph i cung c p k p th i, y và chính xác thông tin, tài li u theo yêu c u c a thành viên H i ng qu n tr. Trình t , th t c yêu c u và cung c p thông tin c quy nh c th t i Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr.
- s) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l Công ty.

3. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr theo quy nh t i i u 280 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 27. Thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr

1. Công ty có quy n tr thù lao, th ng cho thành viên H i ng qu n tr theo k t qu và hi u qu kinh doanh.

2. Thành viên H i ng qu n tr c h ng thù lao công vi c và th ng. Thù lao công vi c c tính theo s ngày công c n thi t hoàn thành nhi m v c a thành viên H i ng qu n tr và m c thù lao m i ngày. H i ng qu n tr đ tính m c thù lao cho t ng

thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thù lao của Hội đồng quản trị do Hội đồng công quyết định theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được ghi nhận thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Hội đồng công quyết định theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được coi là hành động của thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm thù lao để đền bù công tác ngoài giờ theo thỏa thuận, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Hội đồng công, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng công. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và vi phạm Công ty.

Điều 28. Chức vụ Hội đồng quản trị

1. Chức vụ Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chức vụ Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chức vụ Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Thực hiện việc thông qua nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;
- e) Chức vụ chấp hành Hội đồng công;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chức vụ Hội đồng quản trị có một hoặc nhiều vị trí, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận được thông báo miễn nhiệm, bãi nhiệm.





Thông báo m i h p H i ñg qu n tr có th g i b ñg gi y m i, i n tho i, fax, ph ñg ti n i n t ho c ph ñg th c khác do i u l Công ty quy ñh và b o m n c a ch liên l c c a t ñg thành viên H i ñg qu n tr c ñg ký t i Công ty.

7. Ch t ch H i ñg qu n tr ho c ñg i tri u t p g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo ñ các thành viên Ban Ki m soát ñh i v i các thành viên H i ñg qu n tr.

Thành viên Ban Ki m soát có quy n d các cu c h p H i ñg qu n tr ; có quy n th o lu n ñh ñg không c bi u quy t.

8. Cu c h p H i ñg qu n tr c t i n hành khi có t 3/4 t ñg s thành viên tr lên d h p. Tr ñg h p cu c h p c tri u t p theo quy ñh t i kho n này không s thành viên d h p theo quy ñh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n [07 ñgày] k t ñgày d ñh h p l n th ñh t. Tr ñg h p này, cu c h p c t i n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ñg qu n tr d h p.

9. Thành viên H i ñg qu n tr c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p trong tr ñg h p sau ây:

- a) Tham d và bi u quy t tr c t i p t i cu c h p;
- b) y quy n cho ñg i khác ñ d h p và bi u quy t theo quy ñh t i kho n 11 i u này;
- c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ñg h tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t ñn cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

10. Tr ñg h p g i phi u bi u quy t ñn cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ñg trong phong bì dán kín và ph i c chuy n ñn Ch t ch H i ñg qu n tr ch m ñh t là 01 gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ñg ki n c a t t c ñh ñg ñg i d h p.

11. Bi u quy t

- a) Tr quy ñh t i i m b kho n 11 i u 30, m i thành viên H i ñg qu n tr ho c ñg i c y quy n theo quy ñh t i kho n 9 i u này tr c t i p có m t v i t cách cá ñh n t i cu c h p H i ñg qu n tr có m t (01) phi u bi u quy t;
- b) Thành viên H i ñg qu n tr không c bi u quy t v các h p ñg, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ñg i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. Thành viên H i ñg qu n tr không c tính vào t l thành viên t i thi u có m t có th t ch c cu c h p H i ñg qu n tr v ñh ñg quy t ñh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;
- c) Theo quy ñh t i i m d kho n 11 i u 30, khi có v n phát sinh t i cu c h p liên quan ñ l i ích ho c quy n bi u quy t c a thành viên H i ñg qu n tr mà thành viên ó không t ñguy n t b quy n bi u quy t, phán quy t c a ch t a là quy t ñh cu i cùng, tr tr ñg h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ñg qu n tr liên quan ch a c công b y ;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị hội đồng giám đốc công ty quy định tài chính và kiểm soát tài chính nội bộ của công ty này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;
- e) Kiểm soát viên có quy định của pháp luật về quản trị, có quyền thu nhập nhưng không bị quy định.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp của hội đồng giám đốc công ty giao dịch đã ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty và bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này từ lúc chấp thuận của Hội đồng quản trị về việc ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan từ lúc chấp thuận của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này bắt đầu công việc có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên cũng quy định cho người khác dự họp và bị quy định như các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị được thông qua như các thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quy định như sau cùng thu về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các văn bản thu nhập quy định của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức ủy quyền bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quy định bị quy định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua từ lúc chấp thuận.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý đồng ý và ai khác nhau vì điều kiện làm việc thành viên tham gia họp có thể:

- Nghệ thuật thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác mặt cách riêng. Việc thu nhập giữa các thành viên có thể thông tin khác hoặc kết thúc các phần của cuộc họp này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt từ lúc chấp thuận. Mọi cuộc họp được thực hiện theo quy định này là ai mà có đồng ý thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là ai mà có mặt Chủ tịch cuộc họp.

Các quy định được thông qua trong cuộc họp qua internet được thực hiện và tiến hành mặt cách họp trực tiếp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp như pháp luật quy định.

b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

17. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m g i biên b n h p H i ng qu n tr t i các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong cu c h p tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t ngày g i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và có th l p b ng ti ng Anh. Biên b n ph i có ch ký c a ch t a và ng i ghi biên b n.

#### i u 30. Các ti u ban thu c H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr có th thành l p ti u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m toán n i b , qu n lý r i ro. S l ng thành viên c a ti u ban do H i ng qu n tr quy t nh có t i thi u là 02 ng i bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên H i ng qu n tr không i u hành nên chỉ m a s trong ti u ban và m t trong s các thành viên này c b nhi m làm Tr ng ti u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr. Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr. Ngh quy t c a ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban.

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr, ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty.

#### i u 31. Ng i ph trách qu n tr Công ty

1. H i ng qu n tr c a Công ty ph i b nhi m ít nh t 01 ng i ph trách qu n tr Công ty h tr công tác qu n tr Công ty t i doanh nghi p. Ng i ph trách qu n tr Công ty có th kiêm nhi m làm Th ký Công ty theo quy nh t i kho n 5 i u 156 Lu t Doanh nghi p.

2. Ng i ph trách qu n tr Công ty không c ng th i làm vi c cho t ch c ki m toán c ch p thu n ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty.

3. Ng i ph trách qu n tr Công ty có quy n và ngh a v sau:

- c) T v n H i ng qu n tr trong vi c t ch ch p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;
- d) Chu n b các cu c h p H i ng qu n tr, Ban ki m soát và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát;
- e) T v n v th t c c a các cu c h p;
- f) Tham d các cu c h p;
- g) T v n th t c l p các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;
- h) Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên H i ng qu n tr và thành viên Ban ki m soát;

- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là ủy viên liên lạc với các bên có quyền liên quan;
- k) Bộ phận thông tin theo các quy định của pháp luật và nội lệ Công ty;
- l) Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nội lệ Công ty.

### VIII. T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo máy quản lý chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ ký Công ty. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Nghĩa vụ hành Doanh nghiệp

1. Theo nghĩa của Tổng Giám đốc và các thành phần thuộc Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện đúng nghĩa vụ hành khác với lợi ích và tiêu chuẩn phù hợp với các quy định quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Nghĩa vụ hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty thực hiện các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tài chính.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và thẩm định. Tính toán và thẩm định của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quy định.

4. Tính toán của nghĩa vụ hành chịu tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu thuế doanh nghiệp, chịu thuế hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo chính xác công tác hạch toán hàng năm.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quy định và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người chịu hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và thực hiện pháp luật về việc thực hiện quy định, nghĩa vụ giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm liên tục nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và nội lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quy định và nghĩa vụ sau:

- a) Quy định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thực hiện quy định của Hội đồng quản trị;
- b) Thực hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị;

- c) T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c a Công ty;
- d) Ki n ngh ph ng án c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty;
- e) B nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m các ch c danh qu n lý trong Công ty, tr các ch c danh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr ;
- f) Quy t nh ti n l ng và l i ích khác i v i ng i lao ng trong Công ty, k c ng i qu n lý thu c th m quy n b nhi m c a T ng Giám c;
- g) Tuy n d ng lao ng;
- h) Ki n ngh ph ng án tr c t c ho c x lý l trong kinh doanh;
- i) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .

5. H i ng qu n tr có th mi n nhi m T ng Giám c khi a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t đ h p tán thành và b nhi m T ng Giám c m i thay th .

#### i u 35. Th ký Công ty

Khi xét th y c n thi t, H i ng qu n tr quy t nh b nhi m m t (01) ho c nhi u ng i làm Th ký Công ty v i nhi m k theo quy t nh c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr có th bãi nhi m Th ký Công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. Th ký Công ty có quy n và ngh a v sau ây:

- a) H tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ; ghi chép các biên b nh p;
- b) H tr thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n quy n và ngh a v c giao;
- c) H tr H i ng qu n tr trong áp d ng và th c hi n nguyên t c qu n tr Công ty;
- d) H tr Công ty trong xây d ng quan h c ông và b o v quy n, l i ích h p pháp c a c ông; vi c tuân th ngh a v cung c p thông tin, công khai hóa thông tin và th t c hành chính
- e) Quy n và ngh a v khác theo quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b Công ty.

#### **IX. BAN KI M SOÁT**

##### i u 36. ng c , c thành viên Ban ki m soát (Ki m soát viên)

1. Vi c ng c , c thành viên Ban ki m soát c th c hi n t ng t quy nh t i kho n 1, i u 25 i u l này. C ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các Ki m soát viên. C ông ho c nhóm c ông n m gi t 10% n d i 30% s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) Ki m soát viên; t 30% n d i 40% c c t i a hai (02) Ki m soát viên; t 40% n d i 50% c c t i a ba (03) Ki m soát viên; t 50% n d i 60% c c t i a b n (04) Ki m soát viên t 60% tr lên c c n m (05) ng viên.

2. Tr ng h p s l ng các ng viên Ban ki m soát thông qua c và ng c không s l ng c n thi t, Ban ki m soát ng nhi m có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty và

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát ngừng nhiệm vụ thì u thêm nguyên phó trưởng công bố rõ ràng trước khi nghỉ việc công biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [03 người]. Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể chuyển vị nhiệm vụ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kế toán công lập thực hiện kế toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có nợ thuế và chi phí thu nợ;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiệm vụ, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; vì vậy, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đồng thuận. Ban kiểm soát phải có hạng mục thành viên trưởng Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kế toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quy định và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

[a] Tri u t p cu c h p Ban ki m soát; Phân công nhi m v cho t ng thành viên trong Ban ki m soát; các thành viên Ban ki m soát có trách nhi m báo cáo b ng v n b n các n i dung c phân công cho Tr ng Ban ki m soát

b) Yêu c u H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i i u hành khác cung c p các thông tin liên quan báo cáo Ban ki m soát;

c) L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr trình i h i ng c ông].

i u 39. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát

Ban ki m soát có các quy n, ngh a v theo quy nh t i i u 170 Lu t Doanh nghi p và các quy n, ngh a v sau:

1. Xu t, ki n ngh i h i ng c ông phê duy t danh sách t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính c a Công ty; quy t nh t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra ho t ng c a Công ty, bãi mi n ki m toán viên c ch p thu n khi xét th y c n thi t.

2. Ch u trách nhi m tr c c ông v ho t ng giám sát c a mình.

3. Giám sát tình hình tài chính c a Công ty, vi c tuân th pháp lu t trong ho t ng c a thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c, ng i qu n lý khác.

4. m b o ph i h p ho t ng v i H i ng qu n tr , T ng Giám c và c ông.

5. Tr ng h p phát hi n hành vi vi ph m pháp lu t ho c vi ph m i u l Công ty c a thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i i u hành khác c a doanh nghi p, Ban ki m soát ph i thông báo b ng v n b n cho H i ng qu n tr trong vòng 48 gi , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

6. Xây d ng Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát và trình i h i ng c ông thông qua.

7. Báo cáo t i i h i ng c ông theo quy nh t i i u 290 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31/12/2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

8. Có quy n ti p c n h s , tài li u c a Công ty l u gi t i tr s chính, chi nhánh và a i m khác; có quy n n a i m làm vi c c a ng i qu n lý và nhân viên c a Công ty trong gi làm vi c.

9. Có quy n yêu c u H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i qu n lý khác cung c p y , chính xác, k p th i thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty.

10. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 40. Cu c h p c a Ban ki m soát

1. Ban ki m soát ph i h p ít nh t 02 l n trong m t n m, s l ng thành viên tham d h p ít nh t là 2/3 s thành viên Ban ki m soát. Biên b n h p Ban ki m soát c l p chi ti t và rõ ràng. Ng i ghi biên b n và các thành viên Ban ki m soát tham d h p ph i ký tên vào biên b n cu c h p. Các biên b n h p c a Ban ki m soát ph i c l u gi nh m xác nh trách nhi m c a t ng thành viên Ban ki m soát.

2. Ban ki m soát có quy n yêu c u thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và i đi n t ch c ki m toán c ch p thu n tham d và tr l i các v n c n c làm rõ.

i u 41. Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát  
Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát c th c h i n theo quy nh sau ây:

1. Thành viên Ban ki m soát c tr ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác theo quy t nh c a i h i ng c ông. i h i ng c ông quy t nh t ng m c ti n l ng, thù lao, th ng, l i ích khác và ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát.

2. Thành viên Ban ki m soát c thanh toán chi phí n , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát ã c i h i ng c ông ch p thu n, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.

3. Ti n l ng và chi phí ho t ng c a Ban ki m soát c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, quy nh khác c a pháp lu t có liên quan và ph i c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty.

#### X. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

Thành viên H i ng qu n tr , Thành viên Ban ki m soát, T ng Giám c và ng i i u hành khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c, c n tr ng vì l i ích c a Công ty.

i u 42. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng Giám c và ng i qu n lý khác ph i công khai các l i ích có liên quan theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và các v n b n pháp lu t liên quan.



2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và nhà quản lý có liên quan của các thành viên này chịu trách nhiệm cung cấp thông tin có liên quan về mình phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên với lợi ích chính đáng có liên quan của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị nêu trên do Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy định này theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về giao dịch mang lợi ích cho thành viên có liên quan của thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và luật này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và nhà quản lý có liên quan của các Hội đồng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đại diện khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các Hội đồng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Về giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhà quản lý dung quan trọng của hợp đồng giao dịch có liên quan các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc người đại diện khác đã báo cáo Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua bằng sự phi vụ tán thành của nhà quản trị thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Về giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch đơn lẻ giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhà quản lý dung quan trọng của giao dịch này có liên quan các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đại diện khác đã công bố cho các Hội đồng và Hội đồng thông qua bằng sự phi vụ tán thành của các Hội đồng không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và các Hội đồng sở hữu từ 51% trở lên có quy định về quy định từ trên hoặc người có liên quan của Hội đồng đã công bố cho các Hội đồng và Hội đồng thông qua bằng sự phi vụ tán thành của các Hội đồng không có lợi ích liên quan.

điều 43. Trách nhiệm về thi t h i và b i th ãng

1. Thành viên H ãng qu n tr , [thành viên Ban ki m](#) soát, T ãng Giám c và ãng i ãng i u hành khác vì ph m ãng a v , trách nhiệm trung th c và c n tr ãng, không hoàn thành ãng a v c a mình ph i ch u trách nhiệm v ãng ãng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. [Công ty](#) b i th ãng cho ãng ãng ãng i ã, ãng ho c có th tr thành m t bên liên quan trong các v ãng i u n i, ki n, kh i t (bao g m các v ãng i c dân s , hành chính và không ph i là các v ãng i n do [Công ty](#) là ãng i kh i ki n) n u ãng i ó ãng ho c ãng là thành viên H ãng qu n tr , [thành viên Ban ki m](#) soát, T ãng Giám c, ãng i ãng i u hành khác, ãng viên ho c ãng i ãng ãng [Công ty](#) y quy n ãng ho c ãng [th c hi n nhi m v](#) theo y quy n c a [Công ty](#), hành ãng trung th c, c n tr ãng vì l i ích c a [Công ty](#) trên c s tuân th lu t pháp và không có b ãng ch ãng xác ãng ãng ãng i ó ãng vi ph m trách nhiệm c a mình.

3. Chi phí b i th ãng bao g m chi phí phán quy t, các kho n t i n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ([k c phí thuê lu t s](#)) ho c c coi là h p lý khi ãng i quy t ãng v ãng i c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép. [Công ty](#) có th mua b o hi m cho ãng ãng i này trãng ãng ãng trách nhiệm b i th ãng nêu trên.

## XI. QUY N TRA [C U S](#) SÁCH VÀ H S [CÔNG TY](#)

điều 44. Quy n tra [c u s](#) sách và h s

1. [Công ph thông có quy n tra c u s sách và h s](#), c th ãng ãng sau:

a) [Công ph thông](#) có quy n [xem xét, tra c u và trích l c thông tin v tên và a ch liên l c trong danh sách c ãng có quy n b i u quy t; yêu c u s a i thông tin không chính xác c a mình; xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l \[Công ty\]\(#\), biên b n h p i h i ãng c ãng và \[ngh quy t i h i ãng c ãng\]\(#\);](#)

b) [Công ho c nhóm c ãng s h u t 05% t ãng s c ph n ph thông tr lên có quy n xem xét, tra c u, trích l c s biên b n và ãng quy t, quy t ãng c a H ãng qu n tr , báo cáo tài chính ãng a n m và h ãng n m, báo cáo c a Ban ki m soát, h p ãng, giao đ ch ph i thông qua H ãng qu n tr và tài li u khác, tr tài li u liên quan ãng bí m t th ãng m i, bí m t kinh doanh c a \[Công ty\]\(#\).](#)

2. [Tr ãng h p](#) ãng i ãng ãng y quy n c a c ãng và ãng nhóm c ãng yêu c u tra c u s sách và h s ãng ph i kèm theo ãng y quy n c a c ãng và ãng nhóm c ãng mà ãng i ó ãng i ãng ho c b n sao công ch ãng c a ãng y quy n này.

3. Thành viên H ãng qu n tr , [thành viên Ban ki m](#) soát, T ãng Giám c và ãng i ãng i u hành khác có quy n tra [c u s](#) ãng ký c ãng c a [Công ty](#), danh sách c ãng, s sách và h s khác c a [Công ty](#) vì ãng ãng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i ãng i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.



5. Công ty Lu t [Doanh](#) nghi p, Lu t [Ch ng](#) khoán, H i ng qu n tr thông qua ngh quy t, [quy t nh](#) xác nh m t ngày c th ch t danh sách c ông. Công ty theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c [b ng ti n m t ho c](#) c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác.

6. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

#### XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CH K TOÁN

i u 47. Tài kho n ngân hàng

1. Công ty m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các [chi nhánh](#) ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.

2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.

3. Công ty ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n ti n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 48. N m tài chính

N m tài chính c a Công ty b t u t ngày [01 tháng 01 h ng n m](#) và k t thúc vào ngày 31 tháng 12 [h ng n m](#).

i u 49. Ch k toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là ch k toán doanh nghi p ho c ch k toán c thù c c quan có th m quy n ban hành, ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t và l u gi h s k toán theo quy nh pháp lu t v k toán và pháp lu t liên quan. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng n v ti n t trong k toán là ng Vi t Nam. Tr ng h p Công ty có các nghi p v kinh t phát sinh ch y u b ng m t lo i ngo i t thì c t ch n ngo i t ó làm n v ti n t trong k toán, ch u trách nhi m v l a ch n ó tr c pháp lu t và thông báo cho c quan qu n lý thu tr c ti p.

#### XV. [BÁO CÁO TÀI CHÍNH](#), BÁO CÁO TH NG NIÊN VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN

i u 50. Báo cáo tài chính n m, [bán niên](#) và quý

1. Công ty ph i l p [báo](#) cáo tài chính n m và báo cáo [tài chính n m](#) ph i c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t. Công ty công b [báo cáo tài chính n m ã c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.](#)

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm y các báo cáo, ph l c, thuy t minh theo quy nh pháp lu t v k toán doanh nghi p. Báo cáo tài chính năm ph i ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình ho t ng c a Công ty.

3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo tài chính bán niên ã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy nh pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.

đ i u 51. Báo cáo th ng niên

Công ty ph i l p và công b Báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

## XVI. KI M TOÁN CÔNG TY

đ i u 52. Ki m toán

1. i h i ng c ông ch nh m t Công ty ki m toán c l p ho c thông qua danh sách các Công ty ki m toán c l p và y quy n cho H i ng qu n tr quy t nh l a ch n m t trong s các n v này ti n hành ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty cho n m tài chính ti p theo đ a trên nh ng đ i u kho n và đ i u ki n th a thu n v i H i ng qu n tr .

2. Báo cáo ki m toán c ính kèm báo cáo tài chính năm c a Công ty.

3. Ki m toán viên c l p th c hi n vi c ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty c tham d các cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n cu c h p i h i ng c ông và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n vi c ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty.

## XVII. D U C A DOANH NGHI P

đ i u 53. D u c a doanh nghi p

1. D u bao g m đ u c làm t i c s kh c đ u ho c đ u đ i hình th c ch ký s theo quy nh c a pháp lu t v giao d ch i n t .

2. H i ng qu n tr quy t nh lo i đ u, s l ng, hình th c và n i dung đ u c a Công ty, chi nhánh, v n phòng đ i đ i n c a Công ty (n u có).

3. H i ng qu n tr , T ng Giám c s đ ng và qu n lý đ u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

## XVIII. GI I TH CÔNG TY

đ i u 54. Gi i th Công ty

1. Công ty có th b gi i th trong nh ng tr ng h p sau:

- Theo ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông;
- B thu h i Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, tr tr ng h p Lu t Qu n lý thu có quy nh khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ghi i th [Công ty](#) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c h i n. Quy t nh gi i th này ph i c thông báo theo quy nh.

i u 55. Thanh lý

1. T i thi u **06 tháng** sau khi có quy t nh gi i th [Công ty](#), H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m 03 thành viên, trong ó 02 thành viên do i h i ng c ông ch nh và 01 thành viên do H i ng qu n tr ch nh t 01 Công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nh n viên c a [Công ty](#) ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c [Công ty](#) u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a [Công ty](#).

2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho C quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t [Công ty](#) trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý [Công ty](#) tr c Tòa án và các c quan hành chính.

3. Ti n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các kho n n l ng, tr c p thôi vi c, b o hi m xã h i và các quy n l i khác c a ng i lao ng theo th a c lao ng t p th và h p ng lao ng ã ký k t;
- c) N thu ;
- d) Các kho n n khác c a [Công ty](#);
- e) Ph n còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (d) trên ây c chia cho các c ông. Các c ph n u ã c u tiên thanh toán tr c.

## XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 56. Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p, khi u n i liên quan t i ho t ng c a [Công ty](#), quy n và ngh a v c a các c ông theo quy nh t i Lu t [Doanh](#) nghi p, i u l Công ty, các quy nh pháp lu t khác ho c th a thu n gi a:

a) C ông v i [Công ty](#);

b) C ông v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng Giám c hay ng i i u hành khác;

Các bên liên quan c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hòa gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr ho c Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và yêu c u t ng bên trình bày các thông tin liên quan n tranh ch p trong vòng 30 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch

t ch H i ñg qu n tr , b t c bên nào c ñg có th yê u c u [\[Tr ñg Ban Ki m soát\]](#) ch ñh m t chuyên gia c l p làm trung gian hòa gi i cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ñg h p không t c quy t ñh [hòa gi i](#) trong vòng [\[06 tu n\]](#) t khi b t u quá trình [hòa gi i](#) ho c n u quy t ñh c a trung gian [hòa gi i](#) không c các bên ch p ñh n, m t bên có th a tranh ch p ó ra Tr ñg tài ho c Tòa án.

3. Các bên t ch u chi phí có liên quan t i th t c th ñg l ñg và [hòa gi i](#). Vi c thanh toán các chi phí c a Tòa án c th c hi n theo phán quy t c a Tòa án.

## XX. B SUNG VÀ S A I I U L

i u 57. i u l [Công ty](#)

1. Vi c s a i, b sung i u l này ph i c i h i ñg c ñg xem xét, quy t ñh.

2. Tr ñg h p pháp lu t có [quy ñh](#) liên quan n ho t ñg c a [Công ty](#) ch a c c p trong b n i u l này ho c tr ñg h p có quy ñh pháp lu t [m i](#) khác v i i u kho n trong i u l này thì áp d ñg [nh ñg quy ñh ó](#) i u ch ñh ho t ñg c a [Công ty](#).

## XXI. NGÀY HI U L C

i u 58. Ngày hi u l c

1. B n i u l này g m [\[21 m c, 58 i u\]](#) c i h i ñg c ñg [Công ty c p h n C p thoát n c Lâm ñg](#) ñh t trí thông qua ngày 28 tháng 04 n m 2021 t i thành [ph à L t, t ñh Lâm ñg](#) và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.

2. i u l c l p thành 04 b n, có giá tr ñh ñhau [và ph i c l u gi t i tr s](#) chính c a [Công ty](#).

3. i u l này là duy ñh t và chính th c c a [Công ty](#).

4. Các b n sao ho c trích l c i u l [Công ty](#) có giá tr khi có ch ký c a Ch t ch H i ñg qu n tr ho c t i thi u 1/2 t ñg s thành viên H i ñg qu n tr .

H , tên, ch ký c a ñg i i ñi n theo pháp lu t.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM NG  
 địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Ng  
 MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH S 02

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán  
 Công ty:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Kế toán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Ng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Ng kính trình Hội đồng thành viên năm 2021 xem xét và thông qua: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành về nội dung như sau:

vt: VN

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
<b>A</b>	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	
I	Vốn đầu tư	788.000.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	1.188.045.626.915
III	Tài sản	1.509.732.154.125
1	Tài sản ngắn hạn	629.562.275.628
	- Tiền và các khoản thanh toán	16.851.512.009
	- Các khoản phải thu tài chính ngắn hạn	561.667.893.764
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	33.276.345.306
	- Hàng tồn kho	17.637.229.791
	- Tài sản ngắn hạn khác	129.294.758
2	Tài sản dài hạn	880.169.878.497
	- Các khoản phải thu dài hạn	728.036.580
	- Tài sản cố định	838.765.959.896
	- Tài sản đầu tư dài hạn	2.563.393.065
	- Phải thu tài chính dài hạn	14.625.252.238
	- Tài sản dài hạn khác	23.487.236.718
<b>B</b>	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.220.784.397
Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền



2	Giá v n hàng bán	204.184.981.992
3	L i nhu n g p v bán hàng và cung c p d ch v	47.035.802.405
4	Doanh thu ho t ng tài chính	43.233.715.438
5	Chi phí tài chính	18.018.623.769
6	Chi phí bán hàng	5.466.010.669
7	Chi phí qu n lý doanh nghi p	15.369.360.695
8	L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh	51.415.522.710
9	Thu nh p khác	3.606.532.485
10	Chi phí khác	5.479.208.710
11	L i nhu n khác	(1.872.676.225)
12	T ng l i nhu n k toán tr c thu	49.542.846.485
13	Chi phí thu thu nh p doanh nghi p hi n hành	10.892.848.060
14	L i nhu n sau thu thu nh p doanh nghi p	38.649.998.425

Ban i u hành Công ty cam k t r ng Báo cáo tài chính ã ph n ánh trung th c và h p lý tình hình tài chính c a Công ty t i th i i m ngày 31/12/2020, k t qu ho t ng kinh doanh và tình hình l u chuy n ti n t cho n m tài chính k t thúc cùng ngày, phù h p v i Chu n m c k toán, Ch k toán doanh nghi p Vi t Nam và tuân th các quy nh pháp lý có liên quan n vi c l p và trình bày báo tài chính.

(Chi ti t xem t i báo cáo tài chính)

H i ng qu n tr kính trình i h i ng c ông./.

TM. H I NG QU N TR  
CH T CH H I NG QU N TR

Phan ình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH S 03

V/v thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, tổng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020

C n c :

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Kế toán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Hội đồng cổ đông tháng 4 năm 2021 xem xét và thông qua: Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, tổng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020, Báo cáo Hội đồng quản trị đã đi đến Hội đồng quản trị trình bày chi tiết tài liệu, kính trình Hội đồng cổ đông thông qua (chi tiết xem báo cáo của Hội đồng quản trị đính kèm).

Hội đồng quản trị kính trình Hội đồng cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỨC VỤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH S 04

Vì việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2020

- Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp;
  - Luật Kế toán;
  - Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Hội đồng quản trị năm 2021 xem xét và thông qua: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã có đi kèm Ban kiểm soát trình bày chi tiết tình hình, kính trình Hội đồng quản trị thông qua.

(Chi tiết xem Báo cáo đính kèm).

Ban kiểm soát kính trình Hội đồng quản trị thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị M. Vân







CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM NG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Ng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH S 07

Với việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020  
Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Kế toán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Ng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Ng kính trình Hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và thông qua: phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 với nội dung như sau:

### 1. Phân phối lợi nhuận:

Đơn vị: đồng

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay (LNST)	38.649.998.425
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay	38.649.998.425
	Trong đó:	
2.1	Quỹ phát triển (2)*15% LNST	5.797.499.764
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)*30% LNST	11.605.598.678
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	10.445.038.810
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	1.160.559.868
2.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	530.000.000
2.4	Thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT (2)*1%	386.499.984
2.5	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)-(2.4)	20.330.400.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn (%)(2.5)/Vốn	2,58

2. Xu t m c chi tr c t c, th i i m và hình th c chia c t c n m 2020

- Xu t m c c t c chi tr n m 2020: 2,58% v n i u l

- Th i gian chi tr c t c: Đ ki n trong tháng 06 n m 2021.

- Th c hi n vi c chia c t c n m 2020 b ng ti n.

H i ng qu n tr kính trình i h i ng c ông./.

TM. H I NG QU N TR  
CH T CH H I NG QU N TR

Phan ình Tân











Tuy nhiên vì vì các công ty cophn nhà n c không chi phí h u h t th i gian tham gia qu n tr c a các thành viên H QT là r t nhi u mà trong ó trách nhi m n ng n thu c v ch t ch H QT, có ý ki n quy t nh các v n quan tr ng c a công ty thì H QT mà trong ó ch t ch H QT ph i m t nhi u công s c phân tích, ánh giá s vi c; v n càng ph c t p thì m c u t gi i quy t càng nhi u nh t là th i gian v a qua Công ty ang ti p c n môi tr ng ho t ng m i (mô hình công ty cophn) khác nhi u so v i tr c ây (mô hình công ty nhà n c) t t c các v n u c n có s tham gia gi i quy t c a H QT, s ki m soát ch c ch c a BKS. Vai trò c a Ch t ch th hi n r t rõ trong qu n lý i u hành công ty, ngoài ra Ch t ch H QT là 01 trong hai ng i i di n pháp lu t c a công ty, bên c nh ó Lu t Doanh nghi p 2020 quy nh rõ trách nhi m n bù thi t h i cho công ty c a H QT nh Kho n 4 i u 153 : “Tr ng h p ngh quy t, quy t nh do H i ng qu n tr thông qua trái v i quy nh c a pháp lu t, ngh quy t i h i ng c ông, i u l công ty gây thi t h i cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua ngh quy t, quy t nh ó ph i cùng liên i ch u trách nhi m cá nhân v ngh quy t, quy t nh ó và ph i n bù thi t h i cho công ty...”, Vì v y vì c áp d ng t l 20% tr thù lao cho thành viên H QT, thành viên BKS c a Công ty là ch a t ng x ng vì ngoài thù lao ra, các thành viên ó không có kho n thu nh p nào khác vì v y nâng cao vai trò, trách nhi m c a t ng thành viên trong H QT, BKS thì m c thu lao c n ph i ph n nh c trách nhi m c a t ng thành viên trong H QT, BKS; ph n nh c k t qu t o ra và k t qu ho t ng c a Công ty v i kh i l ng công vi c nhi u r i ro mà h ph i m nhi m, h n n a m c thù lao này áp d ng t tháng 6/2018 v i doanh thu ho t ng SX chính c a Công ty bình quân là 17.462.902.601 ng /tháng và ch b ng 90% doanh thu c a công ty bình quân n m 2020 là: 18.350.401.627 ng/ tháng; tham kh o tiêu chí xác nh thù lao t các di n àn có liên quan xây d ng tiêu chí i u ch nh m c thù lao nh sau:

- M c thù lao c b n;
- M c thù lao cho ph n trách nhi m: ph c p trách nhi m;
- M c thù lao cho ngh a v phát sinh thêm;
- M c thù lao cho ph c p h p;
- M c thù lao theo k t q a qu ho t ng c a công ty: thù lao theo n ng su t

Các tiêu chí này c xây d ng c n c trên m c ti n l ng t ng ng c a TG .

xu t: m c thù lao c a H QT, thành viên BKS nh sau:

n v tính: ng

STT	Ch c v	Thù lao c b n	Ph c p trách nhi m	Thù lao cho ngh a v phát sinh thêm	Thù lao ph c p h p	Thù lao theo n ng su t	T ng
1	Ch t ch H QT	40% ti n l ng CB c a TG 14.400.000	40% ti n l ng CB c a TG 14.400.000		1/22 ti n l ng CB c a TG 1.600.000	50% ti n l ng n ng su t c a TG 9.600.000	40.000.000
2	Thành viên H QT	15% ti n l ng CB c a TG		10% ti n l ng CB c a TG	1/22 ti n l ng CB c a TG	10% ti n l ng n ng su t c a TG	14.000.000

		5.400.000		5.400.000	1.600.000	TG 1.600.000	
3	Thành viên BKS	15% m c t i n l n g t n g n g c a TG 4.400.000		05% t i n l n g CB c a TG 1.800.000	1/22 t i n l n g CB c a TG 1.600.000	10% t i n l n g n n g s u t c a TG 1.600.000	9.400.000

i u k i n c h n g:

- M c thù lao cho ngh a v phát sinh thêm: c h n g khi c giao thêm nhi m v t xu t trong n m.

- M c thù lao ph c p h p: n u tham d t t c các cu c h p c a H QT thì c h n g 100%, khi v n g m t l cu c h p s b tr ngay trong tháng có cu c h p.

- M c thù lao theo n n g s u t c h c nh n khi l i nhu n c a ho t n g s n xu t kinh doanh chính c a công ty t k ho ch t 95% tr lên c th :

- + t 100% m c h n g 100%
- + t t 98 n < 100% m c h n g 80%
- + t t 95 n < 98% m c h n g 50%
- + t d i 95 % không c h n g

2. K ho ch chi tr thù lao H i n g qu n tr , Ban ki m soát n m 2021

Stt	Ch Tiêu	S n g i	K ho ch 2021
	TI N THÙ LAO		1.404.000.000
1	H i n g Qu n Tr		1.068.000.000
	+ Ch t ch	1	480.000.000
	+ Phó Ch t ch	1	
	+ Thành viên	3	504.000.000
2	Thành viên Ban Ki m Soát	2	225.600.000
	T n g		1.404.000.000

H i n g qu n tr kính trình i h i n g c ô n g./.

TM. H I N G QU N TR  
CH T CH H I N G QU N TR

Phan ình Tân



3. i u ki n c h ng m c n ng su t này nh sau:

- M c thù lao theo n ng su t ch c nh n khi l i nhu n c a ho t ng s n xu t kinh doanh chính c a công ty t k ho ch t 95% tr lên c th :

- + t 100% m c h ng 100%
- + t t 98% n < 100% m c h ng 80%
- + t t 95% n < 98% m c h ng 50%
- + t d i 95% không c h ng.

II. K ho ch chi tr n m 2021: 40.000.000 ng X12 tháng = 480.000.000 ng/  
n m (B n tr m tám m i tri u ng).

H i ng qu n tr kính trình i h i ng c ông./.

TM. H I NG QU N TR  
CH T CH H I NG QU N TR

Phan ình Tân







CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH TRÌNH S 16

Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2020

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;  
- Luật Kế toán;  
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cổ phần Thoát Núi Lâm Đồng;  
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cổ phần Thoát Núi Lâm Đồng kính trình Hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và thông qua: vì các lý do nêu trên và kiểm toán BCTC năm 2021, cụ thể như sau:

Trên cơ sở xem xét hồ sơ và tài liệu, uy tín, chất lượng dịch vụ kiểm toán; thời gian kiểm toán miễn phí; ngân sách dịch vụ kiểm toán cạnh tranh; kinh nghiệm kiểm toán lãnh vực ngành nghề của các Công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cổ phần Thoát Núi Lâm Đồng xin đề xuất các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phương Hiếu, Phường Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội. (Theo Quyết định số 762/Q-UBCK ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban Kế toán Nhà nước)

2. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huệ Tower, Phố Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội. (Theo Quyết định số 745/Q-UBCK ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban Kế toán Nhà nước).

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Địa chỉ: Số 02 Trưng Sứ, Phố Nguyễn Huệ, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 771/Q-UBCK ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban Kế toán Nhà nước).

Kính trình Hội đồng Cổ đông năm 2021 Công ty Cổ phần Cổ phần Thoát Núi Lâm Đồng xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cổ phần Thoát Núi Lâm Đồng lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu trên để ký kết hợp đồng kiểm toán cho Công ty năm tài chính 2021 theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Hội đồng cổ đông./.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị M. Vân



## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

#### **Phần I**

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

##### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Chức năng nhiệm vụ vẫn là sản xuất tiêu thụ nước sạch tại Đà Lạt và 06 huyện: Đơn Dương, Lâm Hà, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, và thu gom xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Tổng số 373 lao động, trong đó 274 nam và 99 nữ.

Hợp đồng lao động ký mới: 08 trường hợp

Nghỉ hưu trong năm 06 lao động

Lao động nghỉ việc: 17 lao động

Lao động không xác định thời hạn 9 trường hợp, và 364 lao động không xác định thời hạn.

Thu nhập bình quân năm 2020 là 11,071 triệu đồng. So với 2019 tăng 7,4%.

Trong năm 2020, trước ảnh hưởng của sự bùng phát của dịch COVID-19 trên toàn thế giới, cả nước và toàn tỉnh Lâm Đồng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tuy có những thuận lợi cơ bản nhưng cũng đối diện với rất nhiều thử thách.

##### **1. Thuận lợi**

Công tác quản lý điều hành hoạt động của công ty đã chủ động hơn, vai trò Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty phát huy hiệu quả và năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD;

Sự phối hợp nhịp nhàng qua các kênh thông tin góp phần cho dịch vụ cung cấp khách hàng ngày càng nhanh chóng và kịp thời.

Nguồn cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt dần ổn định nên công ty đã luôn đảm bảo nhu cầu dùng nước sạch của khách hàng trên địa bàn thành phố Đà Lạt đặc biệt là vào dịp Lễ, Tết ...

Tinh thần đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, công khai của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng là một thuận lợi để cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty đạt kết quả tốt.

## **2. Khó khăn**

Công ty hiện đang quản lý tất cả các nhà máy nước của các huyện, địa bàn quản lý rộng, phân tán nhưng qui mô các nhà máy lại không lớn, hiệu quả kinh doanh của các nhà máy các huyện không cao.

Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty tăng so với kế hoạch chủ yếu là do hệ thống mạng lưới cấp nước lắp đặt qua nhiều giai đoạn, sử dụng lâu năm đã cũ, mục nên gây ra bể vỡ, thành phố cải tạo nâng cấp đường giao thông gây bể vỡ cũng ảnh hưởng đến thất thoát, địa bàn cấp nước rộng không đều, khối lượng nước ghi thu giảm, giá bán bình quân giảm do ảnh hưởng nhiều từ dịch bệnh COVID-19.

Nguồn nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, thường xuyên khô cạn vào mùa nắng như Hồ Chiến Thắng – NMN Xử lý nước Hồ Than Thở, Suối Đá Bảo - nhà máy xử lý nước D’Ran, các Trạm bơm giếng Bảo Lâm cạn dần dẫn đến công suất các trạm thấp, bình quân từ 10 đến trên dưới 25 m<sup>3</sup>/h và xảy ra hiện tượng thiếu nước, nguồn nước Thác 07 Tầng xã Đông Thanh-(NMN Nam Ban) thường xuyên thiếu nước vào mùa khô, trạm Tân Hà không có nước phải chờ thủy điện xả mới bơm được, nguồn nước có nguy cơ đe dọa nhiễm bẩn như hồ Đan Kia-Suối Vàng;

Lượng khách hàng tăng, nhu cầu sử dụng nước tăng trong khi hệ thống đường ống cấp nước còn bất cập như cũ, mục gây bể vỡ... đã ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ gây tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tình trạng không sử dụng dịch vụ cấp nước có dấu hiệu gia tăng.

Các đối tượng khách hàng lớn như khách sạn, nhà hàng phải đóng cửa do dịch bệnh COVID-19, làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Công tác sản xuất nước:

- Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So với KH (%)	Thực hiện năm 2019	Thực hiện 2020/2019 (%)
1	Nước sản xuất	1.000m <sup>3</sup>	23.076	23.847	103,3	22.960	103,9
	- Nước Công ty SX	1.000m <sup>3</sup>	13.221	14.155	107	13.773	102,7
	- Mua nước SG- DanKia	1.000m <sup>3</sup>	9.855	9.692	98,3	9.187	105,5
2	Nước ghi thu	1.000m <sup>3</sup>	18.297	18.201	99,5	17.759	102,5
3	Tỷ lệ thất thoát	%	21	23,68	+2,68	22,65	+1,03
4	Phát triển khách hàng	hộ	4.040	3.336	82,6	3.744	87,4
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	285.636	298.062	104,4	294.725	101,13
6	Giá bán bình quân	đ/m <sup>3</sup>	12.461	12.113	97,2	12.462	97,32
7	Thu nhập bình quân	Tr.đ	11.120	11.071	99,6	10.300	107,4
8	Tổng số lao động	Người		373		388	
9	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	27.296	49.688	182	44.389	112

Ghi chú:

- Doanh thu SXCN, giá bán bình quân được tính trước thuế.
- Giá trị sản xuất công nghiệp các đơn vị được thể hiện trong Phụ lục.1 đính kèm.

### 2. Công tác quản lý, điều hành sản xuất nước

Tại thành phố Đà Lạt, công tác quản lý điều hành sản xuất theo đúng quy trình, quy phạm đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục theo nhu cầu sử dụng của khách hàng. Lập phương án cấp nước đảm bảo cung cấp nước trong dịp Lễ, Tết ... Tuy nhiên vẫn còn tình trạng thiếu hụt nước tại các điểm bất lợi trên mạng lưới cấp nước vào những ngày, giờ cao điểm. Các nhà máy đơn vị thành viên như: NMN Bảo Lâm do thời tiết ngày một khô hạn, nguồn nước các trạm cạn dần và xảy ra hiện tượng thiếu nước. NMN D'Ran và Thị trấn Thạnh Mỹ phải luân phiên cấp nước cho từng khu vực, NMN Lâm Hà cấp nước không liên tục.

Tiếp nhận thông tin 24/24 giờ và kiểm tra tình hình nước đục, nước yếu, bể ống ... (chất lượng dịch vụ) theo yêu cầu của khách hàng, trong đó thực hiện đóng mở nước cho công tác thi công sửa chữa rất kịp thời.

Kiểm tra các thiết bị trên mạng lưới cấp nước theo lưu vực của các Phân khu và khắc phục lỗi của hệ thống SCADA, phối hợp các phòng ban đơn vị tháo gỡ, di dời lắp đặt các DMA cho các Phân khu nhằm kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước. Thực hiện kiểm tra lại các vị trí bất lợi, dò tìm rò rỉ, bể ngầm trên mạng lưới cấp nước thành phố Đà Lạt vào ban đêm.

Thực hiện tốt công tác vệ sinh, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị khi bị sự cố đột xuất và theo đúng kế hoạch.

Xét duyệt Sổ tay kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị trực thuộc; Lập sổ tay cấp nước an toàn cho toàn Công ty đã trình Sở Xây dựng, và chờ phê duyệt của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Cùng với Ban chuyên đề thực hiện số hóa họa đồ mạng lưới cấp nước thành phố Đà Lạt và các huyện, mạng cấp 3 và đồng hồ khách hàng.

Bộ phận công nghệ thông tin triển khai áp dụng phần mềm tiếp nhận thông tin khách hàng và phần mềm hóa đơn điện tử cho các đơn vị thành viên. Phối hợp với các ngân hàng cập nhật hệ thống thanh toán Online, hướng dẫn sử dụng phần mềm Wasspro, cài đặt lại App ghi thu cho các phân khu theo yêu cầu. Khắc phục các sự cố do nhân viên ghi thu đồng bộ dữ liệu. Đăng bài trên website công ty khi các phòng ban cung cấp.

Thường xuyên chỉnh sửa các phần mềm công ty đang áp dụng, cập nhật dữ liệu hằng ngày. Phối hợp với đơn vị VNPT xây dựng lại công thức tính giảm giá tiền nước 3 tháng do ảnh hưởng Covid.

### **3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm nước**

Quản lý chất lượng dịch vụ là nhiệm vụ trọng tâm mà các đơn vị trong toàn Công ty luôn chú tâm thực hiện, nhìn chung chất lượng nước tất cả các nhà máy tương đối ổn định.

Thực hiện phân tích mẫu nước cấp và nước thải tại Tp Đà Lạt và các huyện. Công tác liên quan đến môi trường và chất lượng nước. Thực hiện việc chuẩn hóa phòng thí nghiệm theo ISO 17025:2017. Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo như sau:

Phân tích mẫu nước cấp: 2.340 tại Tp Đà Lạt và các huyện

Phân tích mẫu nước thải: 3.197 gồm bệnh viện Đa khoa: 457 mẫu và Xí nghiệp nước thải 2.740 mẫu.

### **4. Công tác quản lý chất lượng dịch vụ, thất thoát, thất thu:**

Các đơn vị luôn thực hiện tiếp nhận thông tin 24/24 giờ nhằm kiểm tra, kiểm soát và khắc phục kịp thời các sự cố trên mạng lưới và ống nhánh cho khách hàng. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng thiếu hụt nước tại một số khu vực bất lợi như: trạm phát sóng đài radar Phát Chi, Trường Thọ, Trường Xuân. Bên cạnh đó, tại các khu vực như Xuân Trường, Trạm Hành, Thái Phiên Tây Hồ,

Yên Thế còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cần sớm được nghiên cứu khắc phục để đảm bảo công tác cấp nước an toàn.

Trong năm 2020, tỉ lệ thất thoát toàn công ty ở mức 23,68 % cao hơn so với kế hoạch đề ra là 2,68%. Và đây là một vấn đề cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị và phòng ban để tiếp tục tìm giải pháp khắc phục nhằm giảm tỉ lệ thất thoát xuống dưới mức 21% theo chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.

Tỷ lệ thất thoát tại các DMA có xu hướng giảm do công tác phát hiện và sửa chữa kịp thời các điểm bể vỡ dựa vào việc đọc ghi chỉ số, phân tích biểu đồ dùng nước, biểu đồ áp lực các cụm DMA

Tăng cường công tác rà soát danh sách khách hàng được cập nhật tại hiện trường nhằm phục vụ cho công tác số hóa hóa đồ mạng lưới cấp 3 và cụm thủy lượng kế khách hàng trên địa bàn thành phố Đà Lạt để hoàn thành vào cuối năm 2021.

Đối với công tác ghi thu thường xuyên ghi đúng phiên lộ trình, đảm bảo ghi đúng, đủ, phản ánh kịp thời các dấu hiệu bất thường trên hệ thống, tuy nhiên vẫn còn trường hợp ghi ló, ghi phóng do nhiều yếu tố khác nhau. Thực hiện tiếp nhận thông tin khách hàng qua nhiều kênh nhằm kiểm tra kiểm soát phát hiện kịp thời khắc phục các sự cố trên mạng lưới và ống nhánh khách hàng.

Trong năm 2020 do bùng phát của dịch bệnh trên toàn thế giới, trong nước và trên địa bàn toàn tỉnh nói riêng đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất tại đơn vị. Nhằm chủ động ngăn ngừa dịch bệnh, Chính phủ đã ban hành lệnh giãn cách xã hội, toàn bộ nhà hàng khách sạn, dịch vụ ăn uống đều bị cấm hoạt động nên dẫn đến công tác ghi thu gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh toàn công ty, nên trong năm 2020 doanh thu chỉ đạt 96,73% so với kế hoạch.

Thực hiện phát tờ rơi đến khách hàng nhằm tuyên truyền, giới thiệu phương thức thanh toán tiền nước không dùng sử dụng tiền mặt, tuy nhiên tỷ lệ Khách hàng thanh toán tiền nước không sử dụng tiền mặt còn thấp so với số phát triển khách hàng mới.

Luôn thực hiện công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của lực lượng cán bộ tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nhất là các nhân viên ghi thu, tổ giao dịch khách hàng về kỹ năng giao tiếp với khách hàng.

### **5. Công tác quản lý Thủy lượng kế**

Tiến hành kiểm định định kỳ 17.035 đồng hồ, kiểm định theo yêu cầu 4.315 đồng hồ, niêm chì quản lý 449, nâng dòi TLK theo yêu cầu 57. Tổng trong năm thực hiện được: 21.856 TLK.

### **6. Công tác thi công xây lắp**

Thi công chiết tính ống nhánh khách hàng:

- Chiết tính phát triển khách hàng theo Nghị định 117-CP: Số lượng: 2.724 chiết tính với giá trị: 6.755 triệu đồng.

- Chiết tính phát triển khách hàng theo thỏa thuận khách hàng: Số lượng: 3.409 chiết tính với giá trị: 9.068 triệu đồng.

Công tác sửa chữa nhỏ: HT nước cấp: 3.017 vụ; HT nước thải: 275 vụ.

Công tác sửa chữa lớn: Ống D100>D300: 598 vụ; Ống dưới D<100: 1.237 vụ.

Thực hiện thi công các công trình theo phiếu giao việc Công ty giao theo tiến độ.

### **7. Công tác tư vấn phát triển dịch vụ khách hàng**

Số đơn khách hàng đề nghị lắp đặt HT cấp nước trong năm: 4.304 đơn (gồm: lắp đặt mới, cải tạo di dời, khác ...) và đầu nối thoát nước: 135 đơn

Tư vấn thực hiện 4.154 đơn lắp đặt HT cấp nước và 135 đơn đầu nối nước thải. Tổng doanh thu trong năm: 14.385 triệu đồng, gồm:

- Doanh thu từ DVKH cấp nước: 13.921 triệu đồng, trong đó:

+ Doanh thu từ KH thanh toán : 9.136 triệu đồng.

+ Doanh thu từ CT đầu tư : 4.785 triệu đồng.

- Doanh thu từ DV thoát nước: 464 triệu đồng (do KH thanh toán).

### **8. Công tác kiểm tra quy chế**

- Kiểm tra nội bộ Công ty: Kiểm tra khoán chỉ số, ghi chỉ số của 3 phân khu; Kiểm tra quy trình thực hiện khảo sát, thiết kế, thi công xây lắp tại Xí nghiệp tư vấn và Xí nghiệp xây lắp CTN.

- Kiểm tra khách hàng: Năm 2020 đội KTQC đã lập và xử lý 13 861 biên bản.

+ Biên bản truy thu: 176 biên bản, giá trị: 236.253.821 đ

+ Biên bản niêm chì: 4.566 biên bản, giá trị: 44.268.600 đ

+ Ngoài ra, giải quyết xử lý 40 đơn khách hàng (Về giá nước, trực chung, thất thoát, hệ thống thoát, khoán sử dụng do đồng hồ đứng...)

- Xử lý ống bể (vụ):

+ Ống bể D<100: 74 vụ, giá trị truy thu: 13.745.777 đ

+ Ống bể D>100 trở lên: 26 vụ, giá trị truy thu: 46.256.652 đ

+ Bể vỡ hệ thống thoát : 33 vụ

- Kiểm tra nội bộ Công ty: Nhắc nhở kiểm tra nội bộ CB-CNV trong Công ty;

- Kiểm tra ghi đối chứng các tuyến đường trong thành phố Đà Lạt: Tổng số khách hàng Đội đã kiểm tra: 8.189 KH.

- Phối hợp với Phòng Kỹ thuật dò tìm rò rỉ bể ngầm các tuyến đường.

### **9. Công tác sản xuất công nghiệp lĩnh vực thoát nước**



Quản lý vận hành, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thu gom xử lý nước thải với lưu lượng bình quân 7.836 m<sup>3</sup>/ngày đêm và tổng lượng nước thải đã xử lý 2.868.076 m<sup>3</sup> đạt 92,4% so với kế hoạch năm.

Doanh thu: 17.419 triệu đồng.

Chi phí: 15.498 triệu đồng.

Lợi nhuận: 1.916 triệu đồng.

### **III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

Tiến hành thực hiện một số công trình theo kế hoạch và một số công trình phát sinh trong năm như sau:

#### **1. Phiếu khoán (PK):**

- Tổng cộng 98 PK (bao gồm cả công trình chuyển tiếp năm 2019) với tổng giá trị: 8.676 triệu đồng, trong đó:

+ Quyết toán: 84 PK, giá trị QT: 7.238 triệu đồng.

+ Chưa quyết toán: 14 PK, giá trị : 1.438 triệu đồng.

#### **2. Xây dựng cơ bản:**

- Vốn Công ty: 20 CT (bao gồm cả công trình chuyển tiếp 2019) với tổng giá trị: 24.904 triệu đồng, trong đó:

+ Quyết toán: 11 CT, giá trị QT: 6.221 triệu đồng

+ Chưa quyết toán: 09 CT.

- Vốn bên ngoài: 09 CT với tổng giá trị: 1.178 triệu đồng, có 4 CT đã thanh quyết toán với tổng giá trị QT: 656 triệu đồng.

### **IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY NĂM 2020**

#### **1. Vị trí đất cần đổi tên chủ sử dụng đất thuê:**

Vị trí đất Công ty cần ký lại Phụ lục hợp đồng để đổi tên chủ sử dụng đất thuê là 30 vị trí. Đến nay đã ký lại được 15 vị trí tại Đà Lạt, 4 vị trí tại các huyện, còn lại 11 vị trí chưa ký được Phụ lục hợp đồng (NMN Đa Thiện; NMN Đankia – Suối vàng; Văn phòng NMN Đơn Dương; đài nước NMN Đơn Dương; Văn phòng NMN Đa Tẻh; NMN Đình Văn, Lâm Hà; Văn phòng NMN Bảo Lâm, Trạm bơm số 01, Trạm bơm số 05 – NMN Bảo Lâm; NMN Đam ri, NMN Ma đa guôi). Lý do: chờ đơn giá thuê đất và quyết định đổi tên từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

#### **2. Vị trí đất cần chuyển sang thuê đất:**

Gồm 5 vị trí: Phường 9, TP Đà Lạt (trạm bơm tăng áp Hùng Vương); Xã Xuân Trường, TP. Đà Lạt (trạm tăng áp Xuân Trường); Hệ thống xử lý nước tại NMN Đa Tẻh; 2 vị trí tại TT Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương: Trạm bơm giếng 01-NMN Thạnh Mỹ; Trạm bơm giếng 2- NMN Thạnh Mỹ.

- Trạm bơm tăng áp Hùng Vương đã được chuyển đổi sang thuê đất theo Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 22/07/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Các vị trí còn lại đã gửi hồ sơ lên Sở Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Vị trí đất cần lập hồ sơ thuê đất:

Gồm có 05 vị trí: Giếng số 02, 03, 04, 06 – NMN Bảo Lâm và vị trí công trình thu nước thô – NMN Nam Ban. Đang thực hiện đo đạc lại các vị trí đất theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

### 4. Vị trí đất thuê mới:

Gồm 01 vị trí tại thôn Phát Chi, xã Xuân Trường để xây dựng Nhà máy nước Phát Chi. Vị trí này đã được UBND tỉnh cho thuê theo Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 06/11/2020.

## V- CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Phòng Tài chính kế toán đã tổ chức công tác kế toán ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, không để xảy ra sai sót trọng yếu.

Kiểm soát dòng tiền, kiểm kê tài sản và đảm bảo nguồn vốn không bị thất thoát.

Hoàn thành báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty năm 2019, được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

Hoàn thành công tác công bố thông tin tài chính trên Trang web của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo qui định pháp luật của Công ty đại chúng.

Kê khai kịp thời và không để tồn đọng nợ thuế trong kỳ.

Phối hợp với các phòng ban đơn vị giải quyết kịp thời các công tác liên quan đến khách hàng, thu tiền nước không dùng tiền mặt...

Thanh toán các giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc đúng thời hạn qui định.

## VI- CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ MỘT SỐ CÔNG TÁC KHÁC

Năm 2020, Công ty đã nâng lương cho 77 người lao động trực tiếp thi tay nghề và nâng lương 2 đợt cho 21 người lao động làm công việc khác.

Toàn thể cán bộ người lao động thực hiện tốt công tác ATVSLĐ, PCCN, ATGT tại các đơn vị. Chấp hành tốt Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

Trong tháng 01/2021 Công ty tổ chức Hội nghị người lao động, Hội nghị đã thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và một số định hướng hoạt động năm 2021, công khai mức trích nộp kinh phí công đoàn, trích nộp BHXH-BHYT cho Người lao động. Tiếp thu, trả lời các ý kiến liên quan đến các chế độ quyền lợi và đề ra Nghị quyết tại hội nghị người lao động. Tiếp tục phối hợp để sửa đổi bổ sung Thỏa ước lao động tập thể với những điểm có lợi cho người lao động.

Chủ động phòng ngừa trước diễn biến phức tạp đại dịch COVID-19, phối hợp trang bị các dụng cụ khử khuẩn như nước sát khuẩn, khẩu trang, găng tay cho cán bộ người lao động đặc biệt đối với một số bộ phận giao dịch tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, đồng thời các tổ chức đoàn thể phối hợp tuyên truyền theo văn bản cấp trên về thực hiện các biện pháp phòng ngừa theo hướng dẫn của Bộ Y Tế tại nơi làm việc.

Tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 và thông qua Báo cáo tài chính. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của ban kiểm soát và các tờ trình thông qua trong Đại hội. Các tài liệu Đại hội 2021 được công bố tại Website Công ty. Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025.

Phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn Công ty tổ chức ngày 8/3 và ngày 20/10 cho lao động nữ trong Công ty; Tổ chức 3 đợt tham quan, du lịch Nha Trang cho toàn bộ Cán bộ, người lao động dịp hè 2020, tạo điều kiện cho Cán bộ - người lao động được nghỉ ngơi sau những ngày lao động, tái tạo sức lao động và qua các hoạt động đội nhóm tạo sự tương tác gắn kết giữa mọi người.

## VII- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Nhìn chung trong năm 2020, Công ty đảm bảo mục tiêu chính trị là cấp nước an toàn cho nhân dân và khách hàng.

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính không đạt so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu doanh thu SXCN: đạt 96,73% so với kế hoạch
- Tỷ lệ thất thoát: 23,68% chưa đạt so với kế hoạch là 21%.
- Giá bán bình quân: 12.113 đ/m<sup>3</sup> đạt 97,21% so với kế hoạch

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về Phương án giảm giá tiêu thụ nước sạch do ảnh hưởng của dịch Covid 19, Công ty giảm lượng nước sạch mua vào của Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn – ĐanKia và giảm giá bán buôn nước sạch mua vào từ 1/4/2020 đến 30/6/2020 nên giá bán bình quân giảm.

Tuy nhiên, chỉ tiêu về lợi nhuận thực hiện: 49.688 triệu đồng đạt 182,03% so với kế hoạch. (Trong đó: Lợi nhuận về SXCN giảm 4.1 tỷ đồng do giảm giá COVID-19; Chi phí lãi vay của DA được hạch toán vào giá thành sản xuất nước; Xử lý nước thải; Lợi nhuận do tiền gửi ngân hàng với lãi suất 7,7%/năm).

Các chính sách đối với người lao động được thực hiện một cách nghiêm túc, mọi quyền lợi của người lao động như lương, BHXH, BHYT, BHTN.... được Ban điều hành công ty thực hiện đầy đủ, Thỏa ước lao động tập thể thực hiện có lợi hơn Luật lao động hiện hành và thu nhập người lao động tăng và cơ bản ổn định dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Dựa trên những kết quả đã đạt được, có thể rút ra được một số nhận xét như sau:

### 1. Ưu điểm:

Các đơn vị đã có cố gắng trong công tác vận hành hết công suất nhà máy để phục vụ cấp nước cho nhân dân, tránh không để xảy ra tình trạng khan hiếm kéo dài nhất là trong dịp Tết nguyên đán.

Chất lượng nước luôn được quan tâm đảm bảo theo những quy định hiện hành của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng dịch bệnh hay ô nhiễm qua nguồn nước.

Công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư, quản lý đầu tư, quản lý kỹ thuật, tài chính đã được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước và theo đặc thù của đơn vị.

Hoạt động phân khu tạo ra sự chủ động trong thực thi các dòng công việc được giao liên quan đến đồng hồ và cụm đồng hồ, thi công đấu nối, sửa chữa, vận hành các nhà máy và trạm bơm tăng áp... nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần đoàn kết nội bộ, người lao động được trau dồi kinh nghiệm lẫn nhau trong quá trình tác nghiệp.

Công tác kiểm tra xử lý vi phạm của khách hàng sử dụng nước đã góp phần tạo lập trật tự trong việc quản lý, hạn chế khắc phục tình trạng khai thác sử dụng nước trái phép góp phần giảm được tỷ lệ thất thoát.

Việc thực hiện tốt công tác súc rửa định kỳ và đột xuất TLK của khách hàng nhằm tạo sự khách quan, công bằng trong thanh toán tiền nước và giảm tỷ lệ thất thoát cho công ty.

Quy chế một cửa trong việc giao tiếp với khách hàng đã và đang hoạt động tốt, tránh được phiền hà, cửa quyền đối với khách hàng.

## **2. Nhược điểm**

Công tác điều hành mạng lưới: đôi khi vẫn còn xảy ra tình trạng thiếu hụt nước ở một số khu vực bất lợi tuy nhiên các nhà máy đã vận hành hết công suất, việc đầu tư nâng công suất còn chậm. Dịch vụ cấp nước tại một số khu vực còn bất cập, ẩn chứa nhiều rủi ro mất an toàn cấp nước.

Chưa chú trọng đến công tác dịch vụ khách hàng, vẫn còn cơ chế độc quyền, chưa có chính sách ưu đãi giành cho những khách hàng VIP, khách hàng có đóng góp vào việc chống thất thoát của Công ty...

## **3. Nguyên nhân:**

### **a. Nguyên nhân chủ quan:**

Sự phối hợp giữa các Phòng, ban có nhiều tiến bộ song đôi lúc vẫn chưa đồng bộ nhịp nhàng. Công tác kiểm tra đôn đốc chưa kịp thời, các đơn vị chưa thực hiện hết trách nhiệm phân công, chưa tham mưu cho lãnh đạo một cách sâu sắc, toàn diện.

Về cá nhân: chưa thể hiện hết năng lực để phù hợp với mô hình của Công ty cổ phần mà trong đó phần vốn Nhà nước chỉ nắm giữ < 50%.

### **b. Nguyên nhân khách quan:**

Do sự bùng phát của đại dịch Covid 19 ảnh hưởng đến một số hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Một số thủ tục chuẩn bị thực hiện đầu tư kéo dài, còn bị động do yếu tố khách quan như thủ tục thẩm định, phê duyệt, cấp giấy phép thi công.... chưa triển khai thực hiện một số công trình XDCB theo kế hoạch.

**PHẦN II**  
**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021**

**I. Công tác sản xuất kinh doanh:**

**1. Công tác quản lý kinh doanh sản phẩm và tác quản lý điều hành**

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Ghi chú
1	Nước sản xuất	1 000m <sup>3</sup>	23.730	
	- Nước Công ty	1 000m <sup>3</sup>	12.050	
	- Nước mua Sài Gòn-DanKia	1 000m <sup>3</sup>	10.220	28 000m <sup>3</sup> /ng.đ
	- Nước mua Tuyền Lâm	1 000m <sup>3</sup>	1.460	Lộ trình thỏa thuận mua nước với Cty CP CN Tuyền Lâm: 4.000m <sup>3</sup> /ng đêm
2	Nước ghi thu	1 000m <sup>3</sup>	18.747	Tỷ lệ tăng 3%/năm
3	Tỷ lệ thất thoát	%	21,00	Dự kiến theo định hướng của Chính phủ và Kế hoạch Quản lý, Phòng và Chống thất thoát của Công ty giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt
4	Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt (tại TP. Đà Lạt)	M <sup>3</sup> /ng.đ	8.100	

**2. Về công tác quản lý điều hành**

Duy trì thường xuyên công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị tại các nhà máy, trạm bơm và mạng lưới, kịp thời khắc phục sửa chữa các sự cố kỹ thuật ống cái bể vỡ đảm bảo việc cấp nước ổn định cho khách hàng.

Tiếp tục thực hiện công tác số hóa hóa đồ mạng lưới cấp III toàn địa bàn đảm bảo chất lượng phục vụ cho công tác quản lý.

Tăng cường thực hiện công tác giảm thất thoát thất thu và có biện pháp hữu hiệu để giảm tỷ lệ thất thoát nước (như thực hiện các công tác chống thấm các bể chứa cũ, dò tìm rò rỉ ...).

Thiết lập DMA toàn Công ty và truyền dữ liệu về hệ thống SCADA.

Tiếp tục thực hiện phân vùng tách mạng trên địa bàn Tp Đà Lạt để điều hành mạng lưới, công tác sửa chữa, ghi thu nhằm quản lý và thực hiện giảm tỷ lệ thất thoát.

Đối với các Nhà máy nước thành viên trực thuộc Công ty:

- Giảm thất thoát; tiết kiệm điện năng; hóa chất... trong quá trình sản xuất;
- Từng phần cải tạo, nâng cấp, tự động hóa, hiện đại hóa các nhà máy với phương châm tiết kiệm và hiệu quả.

Thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty, các phòng chức năng chú trọng đến các dịch vụ liên quan đối với khách hàng đặc biệt là phòng Kế hoạch-Kinh doanh.

### **3. Công tác quản lý chất lượng dịch vụ, thủy lượng kế, kiểm tra quy chế**

Chủ động kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định; Tiếp nhận thường xuyên thông tin phản ánh về chất lượng nước sạch trên mạng lưới. Kịp thời xử lý các sự cố liên quan đến chất lượng nước nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho khách hàng.

Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng các khâu dịch vụ, phục vụ khách hàng toàn hệ thống.

Bảo quản và sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng, máy móc thiết bị trong việc đọc chỉ số đồng hồ, hóa đơn điện tử thu nộp tiền nước, kiểm soát công nợ tiền nước.

Trong công tác quản lý thủy lượng kế: luôn tích cực tăng cường giám sát, kiểm tra thực hiện công tác súc rửa kiểm định theo kế hoạch.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra quy chế bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao.

Tại các huyện, các đơn vị chủ động phối hợp tốt với Điện lực địa phương nhằm khắc phục tình trạng cúp điện không báo trước ảnh hưởng đến việc sản xuất và cung cấp nước cho khách hàng.

Tiếp tục rà soát khách hàng không sử dụng nước, đề xuất ngưng dịch vụ đối với khách hàng thường xuyên không sử dụng nước từ 3 kỳ trở lên.

## **II. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản**

Tiếp tục kiểm tra rà soát các công trình đầu tư XD CB năm 2020 có tính khả thi nhưng chưa thực hiện chuyển sang kế hoạch đầu tư XD CB và hạng mục công trình sửa chữa lớn trong năm 2021. Lập báo cáo thuyết minh tính hiệu quả kinh tế các công trình đề xuất Hội đồng quản trị Công ty xem xét thực hiện.

Đối với các công trình có vốn đầu tư bên ngoài:

- Tạo điều kiện pháp lý cho CB-CNV Công ty có đủ điều kiện để tham gia đấu thầu các công trình, góp phần tạo việc làm cho người lao động và tăng lợi nhuận cho Công ty;

- Trong điều kiện hiện nay, năng lực kinh nghiệm còn ít cần phải liên kết với các Công ty bên ngoài để đảm bảo đủ điều kiện năng lực khi tham gia đấu thầu các công trình, nhằm tăng thêm năng lực hoạt động và đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Đối với các công trình có vốn đầu tư của công ty:

- Tuân thủ theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật để triển khai thực hiện tất cả các công trình trong kế hoạch đầu tư năm 2021 và các công trình phát sinh được phê duyệt.

### **III. Công tác quản lý đối với Xí nghiệp Nước thải**

Tiếp tục quản lý vận hành, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thu gom xử lý nước thải với lưu lượng 8.100 m<sup>3</sup>/ngày đêm, hạn chế các sự cố có thể xảy ra.

Kế hoạch thay thế máy móc, lắp đặt hệ thống lấy mẫu tự động, camera giám sát và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định, Thông số Amoni (tính theo N) tại đầu ra nhà máy xử lý nước thải vượt quy chuẩn cho phép: Các vấn đề này tiếp tục làm văn bản gửi UBND Tỉnh, các Sở ngành liên quan để xin cấp kinh phí khắc phục các vấn đề nêu trên.

Vận hành thử nghiệm Dự án thoát nước, thu gom và xử lý nước thải Thành phố Đà Lạt theo thông báo số 2172/STNMT-MT ngày 14/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường đúng theo quy định.

Lượng bùn thải tại nhà máy tồn đọng nhiều: Liên hệ với một số Công ty tại TP Hồ Chí Minh, TP Đà Lạt để thu gom và xử lý theo quy định.

Chú trọng đến công tác bàn giao Xí nghiệp quản lý nước thải cho UBND thành phố Đà Lạt (theo Văn bản số: 4402/UBND-TH3 ngày 18/7/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng) nhưng không làm ảnh hưởng đến người lao động.

### **IV. Công tác tài chính.**

Tăng cường phối hợp công tác kiểm tra tại các đơn vị thành viên. Đẩy nhanh công tác thanh quyết toán các công trình thi công và chủ động hơn trong việc đòi nợ những công nợ khó đòi năm trước.

Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, bảo toàn được nguồn vốn và có lãi.

Thực hiện đầy đủ kịp thời nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước.

Nâng cao khả năng phân tích tình hình tài chính Công ty và tham mưu kiến nghị kịp thời đến Ban điều hành Công ty.

## V. Công tác tổ chức và một số công tác khác

Tiếp tục chỉnh đốn và ban hành lại các Quy định làm việc tại cơ quan nhằm tạo ra một môi trường làm việc nghiêm túc, hiệu quả.

Xây dựng phương án mô hình tổ chức Công ty phù hợp.

Xây dựng phương án mức lương của Trưởng, Phó phòng hoặc tương đương và hoàn thiện Quy định về Chức danh công việc.

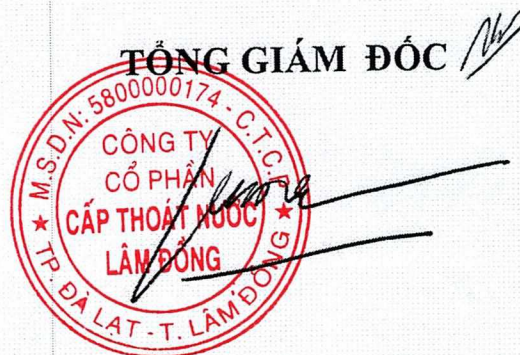
Xây dựng phương án khoán lương; Định mức lao động cho các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Phương hướng hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Trân trọng !

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh LD (báo cáo);
- Tổng Công ty SCIC (báo cáo);
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Điều hành Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty
- Các Đơn vị thành viên Cty;
- Các tổ chức đoàn thể Cty;
- Lưu: VT, KHKD.



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



PHỤ LỤC KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

STT	Cấp tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm toàn công ty	Thực hiện Công ty	Khu vực Đà Lạt	NMN Đà Lạt	NNN Đơn Dương	NMN Lâm Hà	NMN Bảo Lâm	NMN Đà Tẻh	NMN Đà Huoai	NMN Đam Rông	Xí nghiệp TLK
A	Sản xuất công nghiệp												
1	Nước sản xuất	m3	23.076.000	23.846.757	20.792.797								
	Nước Cty sản xuất	"	13.221.000	14.154.547		11.100.587	427.982	952.663	716.224	404.378	384.717	167.996	
	Nước mua SG-DanKia	"	9.855.000	9.692.210									
2	Nước Ghi thu	"	18.297.000	18.200.801	15.970.890		346.538	673.367	494.692	296.835	290.463	128.016	
3	Tỷ lệ thất thoát (KH)	%	21,0		20,0		17,9	26,4	32,1	24,5	23,7	17,2	
4	Tỷ lệ thất thoát thực tế	%		23,68	23,19		19,0	29,3	30,9	26,6	24,5	23,8	
	Chênh lệch			2,68	3,19		+1,1	+2,9	-1,2	+2,1	+0,8	+6,6	
5	Tỷ lệ tồn thu	%	<=1	<1	<=1		<0,05	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	
6	Phát triển khách hàng	hộ	4.040	3.336	2.761		130	143	91	56	141	14	
7	Tổng số khách hàng	"		81.903	64.676		3.267	4.488	4.263	2.366	2.251	592	
8	Kiểm định TLK	TLK	19.240										17.035
B	Doanh thu												
9	Doanh thu nước sạch	Triệu đ	227.931	220.469	197.605		3.561	7.350	4.838	2.834	2.855	1.427	
10	Giá bán bình quân	đ/m3											
	- Kế hoạch	"	12.461		12.766		10.342	11.057	9.883	9.585	9.873	11.356	
	- Thực hiện	"		12.113	12.373		10.275	10.915	9.779	9.549	9.828	11.150	
	Chênh lệch			-348	-393		-67	-142	-104	-36	-45	-206	

(Ghi chú: Doanh thu SXCN, giá bán bình quân được tính trước thuế)

**PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch toàn Công ty	Địa bàn Tp.Đà Lạt	NMN ĐàLạt	NNN Đ.Dương	NMN Lâm Hà	NMN B.Lâm	NMN ĐạTẻh	NMN Đạ Huoai	NMN Đam Rông
<b>A</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>			20.722.148							
<b>1</b>	<b>Nước sản xuất</b>	m <sup>3</sup>	23.730.158		9.042.148	435.286	918.633	707.684	397.065	388.541	160.801
	Nước mua SG-ĐK	m <sup>3</sup>	10.220.000								
	Nước mua Tuyên Lâm	m <sup>3</sup>	1.460.000								
<b>2</b>	<b>Nước Ghi thu</b>	m <sup>3</sup>	18.746.825	16.450.017		356.934	693.568	509.533	305.740	299.177	131.856
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ thất thoát</b>	%	21,0	20,62		18,00	24,50	28,00	23,00	23,00	18,00
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ tồn thu</b>	%	<=1	<=1		<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5
<b>5</b>	<b>Phát triển khách hàng</b>	hộ	3.965	2.800		100	200	150	600	100	15
<b>6</b>	<b>Tổng số khách hàng</b>	"	85.868	67.476	-	3.367	4.688	4.413	2.966	2.351	607
<b>B</b>	<b>Tổng Doanh thu (KH)</b>		277.672								
<b>1</b>	<b>Doanh thu SXCN</b>	Tr.đồng	227.083	203.529		3.667	7.570	5.000	2.920	2.940	1.457
<b>2</b>	Doanh thu LĐ HTCN	Tr.đồng	13.460								
<b>3</b>	Xử lý nước thải	Tr.đồng	17.942								
<b>4</b>	Doanh thu khác	Tr.đồng	273								
<b>5</b>	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	17.318								
<b>6</b>	Doanh thu hoạt động khác	Tr.đồng	1.597								
<b>C</b>	<b>Giá bán bình quân</b>	VNĐ/m <sup>3</sup>	12.113	12.373		10.274	10.915	9.813	9.551	9.827	11.050
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr.đồng	41.250								
<b>F</b>	<b>Thu nhập bình quân (SXCN)</b>	Tr.đồng	11.230								

## TỜ TRÌNH

V/v: Thuyết minh Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐQT ngày 09/02/2021 của Hội đồng quản trị, về việc Họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tháng 02 năm 2021.

Căn cứ Báo cáo số: 28A/BC-CTN ngày 27/01/2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, về việc Đánh giá hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 (“SXKD”) toàn Công ty được thông qua tại Hội nghị người lao động của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 15/01/2021;

Căn cứ Kế hoạch Sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2021.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) kính trình lên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) việc lập Kế hoạch và thuyết minh Kế hoạch SXKD năm 2021 với nội dung như sau:

### I. Bảng Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021:

Căn cứ tình hình thực hiện Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty xây dựng kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2020			NĂM 2021	
			Kế hoạch toàn Công ty	Thực hiện 2020	Tỷ lệ % so với KH	KẾ HOẠCH 2021	Tỷ lệ % 2021/2020
A	Sản xuất công nghiệp						
1	Nước sản xuất	1000m <sup>3</sup>	23.076	23.847	103,3	23.730	99,5
	Nước Công ty sản xuất	1000m <sup>3</sup>	13.221	14.155	107	12.050	85,1
	Nước mua SG-DanKia	1000m <sup>3</sup>	9.855	9.692	98,3	10.220	105,4
	Nước mua Tuyên Lâm	1000m <sup>3</sup>	-	-		1.460	
2	Nước Ghi thu	1000m <sup>3</sup>	18.297	18.201	99,5	18.747	103,0
	<i>Khu vực Đà Lạt</i>	1000m <sup>3</sup>	<i>16.109</i>	<i>15.971</i>	<i>99,1</i>	<i>16.450</i>	<i>103</i>
	Đơn Dương	"	345	347	100,4	357	103
	Lâm Hà	"	669	673	100,7	694	103
	Bảo Lâm	"	525	495	94,2	509	103
	Đạ Tẻh	"	278	297	106,8	306	103

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2020			NĂM 2021	
			Kế hoạch toàn Công ty	Thực hiện 2020	Tỷ lệ % so với KH	KẾ HOẠCH 2021	Tỷ lệ % 2021/2020
	Đạ Hoai	"	251	290	115,7	299	103
	Đam Rông	"	120	128	106,7	132	103
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ thất thoát</b>	<b>%</b>	<b>21,0</b>	<b>23,68</b>	<b>2,68</b>	<b>21</b>	<b>-2,68</b>
	<i>Khu vực Đà Lạt</i>	"	<i>20,0</i>	<i>23,19</i>	<i>3,19</i>	<i>20,6</i>	<i>88,9</i>
	Đơn Dương	"	17,9	19,0	1,1	18,0	94,6
	Lâm Hà	"	26,4	29,3	2,9	24,5	83,6
	Bảo Lâm	"	32,1	30,9	(1,2)	28,0	90,5
	Đạ Tẻh	"	24,5	26,6	2,1	23,0	86,5
	Đạ Hoai	"	23,7	24,5	0,8	23,0	93,9
	Đam Rông	"	17,2	23,8	6,6	18,0	75,6
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ tồn thu</b>	<b>%</b>	<b>&lt;=1</b>	<b>&lt;1</b>		<b>&lt;=1</b>	
	Khu vực Đà Lạt	"	<=1	<1		<=1	
	Đơn Dương	"	<0,5	<0,05		0,5	
	Lâm Hà	"	<0,5	<0,5		0,5	
	Bảo Lâm	"	<0,5	0,4		<0,5	
	Đạ Tẻh	"	<0,5	<0,5		<0,5	
	Đạ Hoai	"	<0,5	0,01		<0,5	
	Đam Rông	"	<0,5	0,4		0,5	
<b>5</b>	<b>Giá bán bình quân</b>	<b>VNĐ/m<sup>3</sup></b>	<b>12.461</b>	<b>12.113</b>	<b>97,2</b>	<b>12.113</b>	<b>100,0</b>
	Khu vực Đà Lạt		<b>12.766</b>	12.373	96,9	12.373	
	Đơn Dương		<b>10.342</b>	10.275	99,4	10.274	
	Lâm Hà		<b>11.057</b>	10.915	98,7	10.915	
	Bảo Lâm		<b>9.883</b>	9.779	98,9	9.813	
	Đạ Tẻh		<b>9.585</b>	9.549	99,6	9.551	
	Đạ Hoai		<b>9.873</b>	9.828	99,5	9.827	
	Đam Rông		<b>11.356</b>	11.150	98,2	11.050	
<b>6</b>	<b>Phát triển khách hàng mới</b>	<b>Hộ</b>	<b>4.040</b>	<b>3.336</b>	<b>82,6</b>	<b>3.965</b>	<b>118,9</b>
	Khu vực Đà Lạt	"	3.300	2.761	83,7	2.800	101,4
	Đơn Dương	"	150	130	86,7	100	76,9
	Lâm Hà	"	200	143	71,5	200	139,9
	Bảo Lâm	"	120	91	75,8	150	164,8

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2020			NĂM 2021	
			Kế hoạch toàn Công ty	Thực hiện 2020	Tỷ lệ % so với KH	KẾ HOẠCH 2021	Tỷ lệ % 2021/2020
	Đạ Tèh	"	70	56	80,0	600	1.071
	Đạ Hoai	"	160	141	88,1	100	70,9
	Đam Rông	"	40	14	35,0	15	107,1
<b>7</b>	<b>Kiểm định TLK</b>	<b>Hộ</b>	<b>19.240</b>	<b>17.035</b>	<b>89</b>	<b>16.092</b>	
	Khu vực Đà Lạt	Hộ	18.500	17.035	92	16.092	
<b>B</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>285.636</b>	<b>298.062</b>	<b>104,4</b>	<b>300.481</b>	<b>100,8</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu SXCN</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>260.762</b>	<b>251.221</b>	<b>96,3</b>	<b>258.758</b>	<b>103,0</b>
1,1	Kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	227.931	220.469	96,7	227.083	103,0
1,2	Doanh thu Ống nhánh, XDCB	Tr.đồng	13.223	13.717	103,7	14.129	103,0
1,3	Xử lý nước thải	Tr.đồng	19.352	16.325	84,4	16.815	103,0
1,4	Doanh thu khác	Tr.đồng	256	710	277,34	731	103,0
<b>2</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>23.325</b>	<b>43.234</b>	<b>185,4</b>	<b>40.127</b>	<b>92,81</b>
<b>3</b>	<b>Doanh thu hoạt động khác</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.550</b>	<b>3.607</b>	<b>232,7</b>	<b>1.597</b>	<b>44,3</b>
<b>C</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>27.296</b>	<b>49.543</b>	<b>181,5</b>	<b>52.341</b>	<b>105,65</b>
1	Lợi nhuận hoạt động SXCN	Tr.đồng	3.871	8.182	211,37	11.914	145,6
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr.đồng	23.325	43.234	185,4	40.127	92,81
3	Lợi nhuận hoạt động khác	Tr.đồng	100	(1.873)	(1,873)	300	(16,02)
<b>D</b>	<b>Tổng quỹ lao động tiền lương</b>		<b>50.541</b>	<b>50.391</b>	<b>99,7</b>	<b>51.552</b>	<b>102,0</b>
<b>1</b>	<b>Tổng quỹ lương CB-CNV</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>48.602</b>	<b>48.602</b>	<b>100,0</b>	<b>49.574</b>	<b>102,0</b>
	- Quỹ lương sản xuất nước	Tr.đồng	34.695	34.695	100,0	35.389	102,0
	- Quỹ lương sản xuất ống cái	Tr.đồng	1.000	1.000	100	1.020	102,0
	- Quỹ lương ống nhánh K.hàng chi trả	Tr.đồng	4.261	4.261	100	4.346	102,0
	- Quỹ lương xử lý nước thải	Tr.đồng	8.646	8.646	100,0	8.819	102,0
<b>2</b>	<b>Tổng quỹ lương Ban Điều hành</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.939</b>	<b>1.789</b>	<b>100,0</b>	<b>1.978</b>	<b>102,0</b>

## II. Phần thuyết minh:

### A. Sản xuất công nghiệp:

#### 1. Nước sản xuất:

- Tại địa bàn thành phố Đà Lạt: Sản lượng nước mua tăng, nhu cầu sử dụng không tăng do tình hình dịch bệnh COVID đang diễn biến phức tạp, dẫn đến sản lượng nước sản xuất của Công ty giảm. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất thoát năm 2021 là 21%.

- Nước mua Sài Gòn Đankia: Theo văn bản 7517/UBND-XD2 ngày 15/11/2019 điều chỉnh lộ trình, khối lượng nước sạch do Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tiếp nhận từ Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn-Đankia 2 (“Đankia 2”): Năm 2021 là 28.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Theo Lộ trình thỏa thuận mua nước với Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm: 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (*Biên bản làm việc ngày 25/09/2020*).

**2. Nước ghi thu:** Tỷ lệ tăng 3% so với sản lượng nước tiêu thụ đạt được năm 2020, ước đạt do phát triển mới khách hàng và điều này phụ thuộc vào Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021 (đầu tư phát triển hệ thống cấp nước để phát triển khách hàng) và phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19 hiện nay.

### **3. Tỷ lệ thất thoát:**

- Dự kiến theo định hướng của Chính phủ và Kế hoạch Quản lý, phòng và chống thất thoát của Công ty giai đoạn 2021 – 2025 đã được phê duyệt. Kế hoạch năm 2021 giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống 21%. Do công tác thống kê trước đây chưa phù hợp vì vậy tỷ lệ thất thoát thực của năm 2020 là 23,68 %. Trong năm 2021 phấn đấu để giảm tỷ lệ thất thoát xuống còn 21% (giảm 2,68% so với thực hiện 2020) là một nỗ lực lớn của Công ty.

**4. Tỷ lệ tổn thu:** Kế hoạch năm 2021 là < 1% đối với địa bàn thành phố Đà Lạt và < 0,5% đối với địa bàn các huyện.

### **5. Giá bán bình quân:**

- Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19 hiện nay còn diễn biến phức tạp nên đối tượng sử dụng nước kinh doanh, dịch vụ giảm, do đó giá bán bình quân giảm. Dự kiến đạt 12.113 đ/m<sup>3</sup> (bằng kết quả thực hiện năm 2020).

**6. Phát triển khách hàng mới:** Dựa trên kết quả thực hiện được trong năm 2020, các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty đăng ký kế hoạch năm 2021, ước đạt: 3.965 khách hàng (trong đó đầu nổi theo chương trình WB21 tại xã Đạ Kho, xã Quảng Trị, huyện Đạ Tẻh được ~ 500 hộ khách hàng).

**7. Kiểm định Thủy lượng kế (“TLK”):** Năm 2021 sẽ thực hiện kiểm định 16.092 đồng hồ. Kế hoạch giảm 5% so với năm 2020 do nhân lực tại Xí nghiệp TLK giảm.

## **B. Doanh thu (“DT”)**

### **1. Doanh thu Sản xuất công nghiệp (“SXCN”):**

- Ước đạt tăng 3% so với kết quả thực hiện 2020, do: Nước ghi thu tăng 3% và phát triển khách hàng mới.

### **2. Doanh thu hoạt động tài chính:**

- Lãi suất tiền gửi ngân hàng hiện nay đang giảm do tình hình dịch COVID-19 (Bình quân giảm từ 7,7% xuống 7,1%/1 năm, tương đương giảm 7,79%/1 năm).

## **C. Tổng lợi nhuận trước thuế :**

### **1. Lợi nhuận hoạt động SXCN:**

- Nước ghi thu tăng 3% ;
- Giảm tỷ lệ thất thoát xuống 21%.
- Không giảm giá cho người dùng nước trong đợt dịch Covid-19: 3,5 tỷ đồng/năm.
- Tăng chi phí ban đầu do Kế hoạch triển khai chương trình chống thất thoát nước trong năm: 3 tỷ.

## 2. Lợi nhuận hoạt động tài chính:

- Lãi suất tiền gửi ngân hàng hiện nay đang giảm do tình hình dịch COVID-19 (Bình quân giảm từ 7,7% xuống 7,1%/1 năm, tương đương giảm 7,79%/1 năm).

## D. Tổng quỹ lao động tiền lương:

### 1. Tổng quỹ lương CB-CNV:

#### a. Quỹ lương sản xuất nước:

Tỷ lệ tăng nguồn lương theo doanh thu nước thực hiện trong năm (thực hiện DT theo kế hoạch 2021 so với thực hiện DT 2020).

#### b. Quỹ lương sản xuất ống cái và quỹ lương ống nhánh khách hàng chi trả:

- Tỷ lệ tăng nguồn theo doanh thu xây dựng cơ bản thực hiện trong năm (thực hiện theo kế hoạch 2021 so với thực hiện DT 2020).

- Nguồn lương được hưởng tăng thêm ngoài nguồn lương kế hoạch được ĐHĐCĐ 2021 thông qua, khi trong năm thực hiện thêm các công trình ngoài.

c. Quỹ lương xử lý nước thải: Tỷ lệ tăng nguồn lương theo doanh thu Xí nghiệp xử lý nước thải thực hiện trong năm (thực hiện DT kế hoạch 2021 so với thực hiện DT 2020).

### 2. Tổng quỹ lương Ban Điều hành:

- Tỷ lệ tăng nguồn lương theo doanh thu nước thực hiện trong năm (thực hiện DT kế hoạch 2021 so với thực hiện DT 2020).

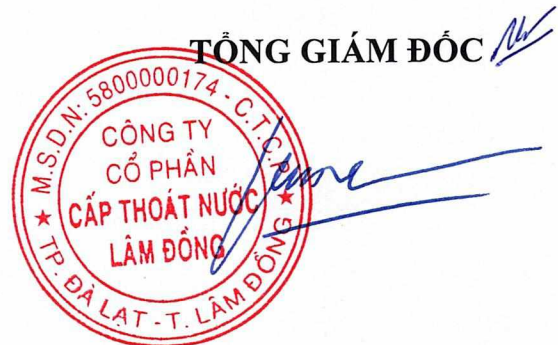
- Quỹ lương Ban điều hành (“**BĐH**”) Công ty gồm 4 người. Tuy nhiên, hiện nay **BĐH** Công ty chỉ còn 03 người. Do đó, kế hoạch quỹ lương **BĐH** sẽ giảm trong năm 2021.

Trên đây là thuyết minh về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định để triển khai thực hiện.

Trân Trọng!

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS C.ty;
- Ban Điều hành C.ty (theo dõi);
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các Đơn vị thành viên;
- Lưu VT.



*Nguyễn Hùng Cường*

## TỜ TRÌNH

V/v: Thuyết minh Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021.

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐQT ngày 09/02/2021 của Hội đồng quản trị, về việc Hợp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tháng 02 năm 2021.

Căn cứ Báo cáo số: 28A/BC-CTN ngày 27/01/2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, về việc Đánh giá hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 (“SXKD”) toàn Công ty được thông qua tại Hội nghị người lao động của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 15/01/2021;

Căn cứ vào nguồn vốn khấu hao tài sản cố định năm 2021 (ước khoảng 30 tỷ VNĐ, đã trừ phần trả nợ cho Tiểu dự án 06 NMN huyện và Dự án thoát nước thành phố Đà Lạt) và nguồn vốn từ Quỹ đầu tư phát triển của Công ty (ước khoảng 12 tỷ);

Căn cứ Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản (“XDCB”) tại các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2021.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) kính trình lên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) việc lập Kế hoạch và thuyết minh Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021 (Bảng Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2021 chi tiết đính kèm), với nội dung như sau:

### PHẦN 1

#### CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI

Tổng giá trị đầu tư là 22,038 tỷ (VNĐ).

A/. Danh mục các công trình đầu tư năm 2020 - chuyển sang 2021. Giá trị đầu tư : 15,397 tỷ.

I. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị đầu tư : 14,35 tỷ đồng, bao gồm :

1. Nhà máy nước Phát Chi. Giá trị đầu tư: 11,7 tỷ đồng.

Bao gồm các hạng mục công trình còn lại chưa thi công xây dựng của Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt. Thuộc Gói thầu xây dựng nhà máy xử lý nước và tuyến ống chuyển tải nước thô, nước sạch.

Theo Văn bản số 48/BC-CTN ngày 03/03/2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng, về việc báo cáo tình hình thực hiện và xin gia hạn tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Theo Đề xuất số: 94/ĐX-PKT ngày 22/03/2021 của Phòng Kỹ thuật, về việc Báo cáo, đánh giá và đề xuất xây dựng hoàn chỉnh NMN Phát Chi đã được Ban Điều hành Công ty phê duyệt.

2. Đầu tư tuyến ống HDPE khu dân cư tái định cư Phạm Hồng Thái. Giá trị đầu tư: 1,0 tỷ. Đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số: 07/2020/NQ-HĐQT ngày 17/11/2020 (kỳ họp tháng 11/2020).



3. Cải tạo hệ thống cấp nước – Các điểm bất lợi. Giá trị đầu tư: 1,5 tỷ. Căn cứ Báo cáo kết quả rà soát các vị trí bất lợi, thiếu nước, nước yếu trên mạng lưới cấp nước Đà Lạt.

Lý do chuyển tiếp: Chưa thỏa thuận được với người dân theo tỷ lệ góp vốn để thực hiện cải tạo (50% giá trị đầu tư).

4. Đẩu nối 05 điểm băng đường vào đường ống HDPE D180 của dự án đường Bùi Thị Xuân. Giá trị đầu tư: 0,15 tỷ.

Lý do chuyển tiếp : Công ty dự định sẽ kết hợp cải tạo tuyến ống gang D150 từ bể Reximair đến Phan Bội Châu, nhằm tăng cường lưu lượng nước cấp cho đường Bùi Thị Xuân khi thành phố triển khai dự án Khu quy hoạch Hòa Bình – Phan Bội Châu. Tuy nhiên, dự án Khu quy hoạch Hòa Bình – Phan Bội Châu chưa được triển khai thực hiện. Do đó, đẩu nối 05 điểm băng đường vào đường ống HDPE D180 nhằm tăng cường lưu lượng và áp lực trên đường ống gang D150 (cũ) đang khai thác để cấp nước cho khách hàng.

## **II. Nhà máy nước Lâm Hà: Cải tạo các tuyến ống D63 đường Đồng Tâm, Nguyễn Viết Xuân, Hùng Vương và Ủy Ban huyện. Giá trị đầu tư: 0,372 tỷ.**

Hệ thống cấp nước đã cũ kỹ, mục nát, thất thoát nước sạch cao. Phần lớn các tuyến ống nằm trong khu vực nhà dân, rất khó sửa chữa khi bể vỡ hoặc phát triển khách hàng.

Lý do chuyển tiếp: Công ty đầu tư công trình theo hướng xã hội hóa cấp nước, với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%, tuy nhiên người dân tại khu vực trên chưa đồng ý góp vốn, nên vẫn chưa thể thực hiện lắp đặt tuyến ống trên vào năm 2020.

## **III. Nhà máy nước Đam Rông : Cải tạo tuyến ống D 63 đường Cột Sóng. Giá trị đầu tư : 0,22 tỷ.**

Lắp đặt mới tuyến nhánh cấp nước D63 HDPE - chiều dài toàn tuyến là 500 mét rẽ vào đường Cột sóng 3. Lý do, đường vào Cột sóng này chia làm 3 nhánh nhỏ gồm: Nhánh đường Cột sóng 1, nhánh đường Cột sóng 2, nhánh đường Cột sóng 3.

+ Nhánh đường Cột sóng 1 và đường Cột sóng 2 hiện tại đã có tuyến ống HDPE D63 sử dụng ổn định từ khi nhà thầu bàn giao công trình đến nay.

+ Nhánh đường Cột sóng 3 là nhánh rẽ của Nhánh đường Cột sóng 2, hiện là đường đất với chiều dài toàn tuyến là 500 mét với trên 50 hộ khách hàng đang có nhu cầu sử dụng nước nhưng chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt.

Lý do chuyển tiếp: Theo chủ trương của Công ty là đầu tư công trình theo phương thức xã hội hóa huy động người dân cùng đóng góp với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%, tuy nhiên người dân tại khu vực nói trên là các hộ thuộc diện khó khăn về kinh tế nên không đủ khả năng góp vốn, nên vẫn chưa thể thực hiện lắp đặt tuyến ống trên vào năm 2020.

## **IV. Nhà máy nước Đạ Tẻh : Lắp đặt ống băng đường và tuyến ống D63 đường 26/3, hẻm nhà văn hóa tới ngã ba nhà may Sỹ Liên. Giá trị đầu tư: 0,455 tỷ.**

Lắp đặt các tuyến ống HDPE D63 để phát triển khách hàng. Với tổng chiều dài đường ống là 1.300m cung cấp nước cho các hộ dân, cụ thể như sau:

+ Tổng khách hàng các tuyến đường cần lắp đặt là: 145 hộ

+ Khối lượng nước sạch sử dụng bình quân hàng tháng:  $145 \times 10 \text{ m}^3 = 1.450 \text{ m}^3$

+ Khối lượng nước sạch sử dụng bình quân hàng ngày:  $1.450 \text{ m}^3 / 30 = 48,3 \text{ m}^3$

Theo Văn bản số 98/UBND-KT ngày 29/01/2021 của UBND huyện Đa Tềh, về việc đề nghị mở rộng cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện. Người dân ở các tuyến đường này đều có mong muốn sử dụng nguồn nước sạch của nhà máy, vì hiện nay các nguồn nước từ kênh mương thủy lợi, giếng khơi ngày càng ô nhiễm. Do hiện nay, hệ thống cung cấp nước trên các tuyến đường tại địa bàn thị trấn Đa Tềh, chỉ có một bên đường, một số tuyến đường thì chưa có hệ thống cung cấp nước.

Công suất thiết kế của nhà máy là: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, công suất hiện đang khai thác là 1.100 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Do đó, nhu cầu phát triển thêm khách hàng ở những tuyến đường này sẽ tăng công suất vận hành của nhà máy.

Lượng khách hàng ở các tuyến đường này đều ở khu vực trung tâm thị trấn của huyện vì vậy nhu cầu dùng nước lớn và thường xuyên. Trong tương lai các hộ dân ở khu vực này sẽ phát triển các dịch vụ sản xuất kinh doanh → giá nước bán bình quân sẽ tăng lên → doanh thu sẽ tăng lên. Nhằm mở rộng khả năng phục vụ nhu cầu dùng nước của nhân dân việc lắp đặt mới các tuyến ống này là cần thiết.

Lý do chuyển tiếp: Công ty đầu tư công trình theo phương thức xã hội hóa cấp nước, với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%, tuy nhiên người dân tại khu vực trên chưa đồng ý góp vốn, nên vẫn chưa thể thực hiện lắp đặt tuyến ống trên vào năm 2020.

*\* Tóm lại: phần lớn tất cả các hạng mục công trình đầu tư lắp đặt tuyến ống cấp nước mới để phát triển khách hàng trong năm 2020 đều không thực hiện được. Lý do: Công ty chỉ đầu tư công trình theo phương thức xã hội hóa cấp nước, với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%, nên người dân tại các khu vực nêu trên không đồng ý góp vốn. Theo Nghị định 117/2007/NĐ-CP : Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ đến điểm đầu nối tại các hộ tiêu thụ bao gồm cả đồng hồ đo nước trong vùng phục vụ đã được xác định (Điều 39 đến Điều 43).*

## **B/. Danh mục các công trình đầu tư năm 2021. Giá trị đầu tư: 6,641 tỷ đồng.**

### **I. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị đầu tư: 2,685 tỷ đồng, bao gồm:**

1. Thuê tư vấn lập hồ sơ: Khảo sát địa hình tuyến ống D800; Lập BCNCKT dự án cải tạo nâng cấp nhà máy nước Đakia I; Lập BCNCKT dự án lắp đặt tuyến ống D800 Suối Vàng - Tùng Lâm. Giá trị thanh toán: 0,5 tỷ đồng (Phần còn lại sẽ được xử lý tiếp nếu dự án được triển khai thực hiện).

Lý do: Giải quyết kiến nghị của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Tư vấn”) tại Văn bản số: 01/CV-LASE ngày 25/01/2021 của, về việc xin được ký hợp đồng chính thức hạng mục khảo sát xây dựng và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cho công trình cải tạo nâng cấp nhà máy nước Đan Kia 1 và lắp đặt tuyến ống DN800 Suối Vàng-Tùng Lâm (“Dự án”) và Tờ trình số: 28/TTr-CTN ngày 03/03/2021 của Tổng Giám đốc Công ty gửi Hội đồng quản trị, về việc Hoàn thiện thủ tục và thanh toán chi phí: Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cho Dự án Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Đan Kia 1 và Lắp đặt tuyến ống D800 Suối Vàng – Tùng Lâm cho đơn vị Tư vấn.

2. Lắp đặt tuyến ống HDPE D180 đường Ba Tháng Tư tuyến từ đầu đường đến ngã 3 đường Đặng Thái Thân (~ 600m). Giá trị đầu tư: 0,648 tỷ. Nhằm đảm bảo cấp nước cho khu vực đồi Đông Đa (cấp treo), Đặng Thái Thân, Tô Hiến Thành.

3. Lắp đặt tuyến ống HDPE D250 thay thế ống gang D300 đường Hồ Xuân Hương tuyến từ Mê Linh về KDL Hồ Than Thở. Giá trị đầu tư: 0,72 tỷ.

Tuyến ống gang D300 cũ mục (trước đây là đường ống dẫn nước thô từ trạm bơm Hồ chiến Thắng về nhà máy xử lý nước Hồ Than Thở), thường gây nước đục cho khu vực cấp nước cần phải thay mới.

4. Lắp đặt tuyến ống HDPE D180 đường Cao Thắng: từ đường Bạch Đằng vào Cao Thắng. Giá trị đầu tư: 0,07 tỷ.

Thay thế tuyến ống gang D100 cũ mục, thường gây bể vỡ và đường ống bị nghẹt không đảm bảo cấp nước cho khu vực đường Cao Thắng (thiếu nước).

5. Lắp đặt tuyến ống Thép D100 xã Xuân Trường tuyến từ trường học đến cầu Cầu Đất. Giá trị đầu tư: 0,175 tỷ.

Thay thế tuyến ống thép D100 đã cũ mục (thủng lỗ nhiều chỗ, nằm trong taluy phía trong nhà dân).

6. Lắp đặt tuyến ống HDPE D110 đường Yersin từ hẻm số 3 đến cổng trường Cao Đăng. Giá trị đầu tư: 0,32 tỷ.

Thay thế tuyến ống gang D100 cũ mục, thường gây bể vỡ và đường ống bị nghẹt không đảm bảo cấp nước cho khu vực đường Yersin (thiếu nước).

7. Đường bê tông nội bộ vào nhà máy nước Đa Thiện. Giá trị đầu tư: 0,252 tỷ.

Theo Tờ trình số 16/TT-CN6 ngày 26/2/2021 của Giám đốc Nhà máy nước Đà Lạt đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Nhằm đảm bảo công tác vận chuyển vật tư, hóa chất vào nhà máy (hiện là đường đất đã bị xói lở, mùa mưa xe tải không thể ra vào được).

**II. Nhà máy nước Đơn Dương: Cải tạo, tự động hóa, quan trắc online các trạm bơm giếng khoan. Giá trị đầu tư: 0,551 tỷ.**

Tự động hóa nhằm nâng cao hiệu suất làm việc trong sản xuất, giảm thiểu chi phí về nhân công, thời gian, năng lượng vận hành (nhà máy có 02 trạm bơm giếng nằm cách xa nhau), phù hợp với xu thế hiện nay và mô hình tổ chức của Công ty. Đồng thời thực hiện quan trắc online theo Thông tư 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, về Quy định giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

**III. Nhà máy nước Lâm Hà: Làm đường bê tông nội bộ, xây dựng kho chứa vật tư tại trạm cấp nước Đình Văn. Giá trị đầu tư: 0,119 tỷ.**

Sân đường nội bộ chưa bê tông hóa, bùn đất và cỏ gây khó khăn trong việc đi lại và mất mỹ quan nhà máy. Vật tư tập kết chưa có kho lưu trữ, giảm chất lượng vật tư (phải để ngoài trời).

**IV. Nhà máy nước Bảo Lâm. Giá trị đầu tư: 2,514 tỷ, bao gồm các hạng mục sau:**

1. Thay thế các tuyến ống nhánh dịch vụ HDPE 63-25 các tuyến hẻm TT Lộc Thắng và các thôn xã Lộc Ngãi. Giá trị đầu tư: 0,31 tỷ.

Các tuyến ống dịch vụ từ PVC D27 đến PVC D60 (chủ yếu là ống D27 và D34) tại các thôn Xã Lộc Ngãi và các hẻm TT Thị Trấn Lộc Thắng thi công lâu năm hiện nay đã cũ, mục thường xuyên bể vỡ. ống đi qua vườn cà phê, vườn trà, đi phía sau nhà, đặt đồng hồ trong nhà rất khó khăn trong việc quản lý cũng như rất dễ dàng phát sinh tiêu cực. Khu vực này thường xuyên thiếu nước vào mùa khô do đường ống nhỏ không cung cấp đủ nước.

2. Lắp đặt bồn lọc, đầu nổi BYBASS trạm bơm số 05. Giá trị đầu tư: 0,2 tỷ. Nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo quá trình sản xuất, phục vụ quá trình xả rửa.

3. Lắp đặt bổ sung và thay thế 20 điểm băng đường trên toàn mạng lưới đường ống. Giá trị đầu tư: 0,2 tỷ. Các đường ống băng đường trên mạng lưới đường ống thi công đã lâu năm (ống sắt tráng kẽm D27 – D34) hiện tại đã cũ, mục xuống

cấp thường xuyên bề vỡ và không đủ lưu lượng để cung cấp nước vào mùa khô, hạn chế trong việc phát triển khách hàng, thay thế các tuyến ống dịch vụ.

4. Lắp đặt 10 van chặn tuyến trên toàn mạng lưới (đợt 1). Giá trị đầu tư: 0,15 tỷ.

Để thuận tiện cho việc điều tiết, sửa chữa, phân vùng tách mạng và kiểm soát thất thoát nước.

5. Cải tạo, tự động hóa, quan trắc online các trạm bơm giếng khoan (06 trạm). Giá trị đầu tư: 1,654 tỷ.

Tự động hóa nhằm nâng cao hiệu suất làm việc trong sản xuất, giảm thiểu chi phí về nhân công, thời gian, năng lượng vận hành (nhà máy có 06 trạm bơm giếng nằm cách xa nhau), phù hợp với xu thế hiện nay và mô hình tổ chức của Công ty. Đồng thời thực hiện quan trắc online theo Thông tư 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, về Quy định giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

#### **V. Nhà máy nước Đạ Huoai. Giá trị đầu tư 0,372 tỷ. Gồm các hạng mục sau:**

1. Tại thị trấn Đạm Ri: Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến giáp ranh đường Bà Gia (01 bên tuyến). Giá trị đầu tư: 0,18 tỷ.

Đường Nguyễn Văn Cừ thuộc Tổ dân phố 2 - Thị trấn Đạm Ri dọc theo 02 bên đường tính từ Ngã ba Nguyễn Văn Cừ - Lê Lợi đến Ngã ba Nguyễn Văn Cừ - Bà Gia hiện có khoảng 49 hộ vẫn chưa có hệ thống nước sạch.

Các hộ trong khu vực này đang rất cần nguồn nước để sinh hoạt hàng ngày vì nguồn nước giếng đang sử dụng cạn kiệt vào mùa khô và cũng không đảm bảo chất lượng nước để ăn uống, sinh hoạt.

2. Tại thị trấn Madaguôi: Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Quốc lộ 20 đến Trung tâm giáo dục hướng nghiệp dạy nghề Đạ Huoai (01 bên tuyến). Giá trị đầu tư: 0,192 tỷ.

Đường Nguyễn Thái Học thuộc Thị trấn Đạm Ri dọc theo 02 bên đường tính từ Ngã ba Nguyễn Thái Học – Hùng Vương đến cuối đường hiện có khoảng 56 hộ và 07 cơ quan hành chính vẫn chưa có hệ thống nước sạch.

Các hộ trong khu vực này đang cần nguồn nước để sinh hoạt hàng ngày vì nguồn nước giếng đang sử dụng thường cạn kiệt mùa khô hạn, không đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt do hàm lượng phèn và kim loại nặng khá cao.

#### **VI. Nhà máy nước Đạ tẻh. Giá trị đầu tư: 0,4 tỷ.**

1. Làm kho chứa vật tư, dụng cụ thi công bằng tôn + sắt tại văn phòng nhà máy. Giá trị đầu tư: 0,05 tỷ. Kho vật tư nhà máy hiện hữu nhỏ chật hẹp không lưu trữ hết vật tư. Vì vậy, để thuận lợi trong việc quản lý và xuất vật tư cần thiết phải xây dựng thêm kho chứa vật tư.

2. Trang bị 01 xe tải nhỏ để phục vụ công tác thi công và sửa chữa hệ thống. Giá trị đầu tư: 0,35 tỷ. Nhà máy chưa có xe nên khó khăn trong việc vận chuyển vật tư, dụng cụ thi công sửa chữa hệ thống cấp nước.

**PHẦN 2**  
**CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN**  
**Tổng giá trị đầu tư là 10,036 tỷ.**

**A/. Danh mục các công trình sửa chữa lớn năm 2020 - chuyển sang 2021.**  
**Giá trị đầu tư: 0,2 tỷ.**

**I. Nhà máy nước Đam rông: Sơn chống thấm 4 bể lắng và bể chứa nước sạch. Giá trị đầu tư : 0,2 tỷ.**

Các bể lắng đứng hiện tại bị thấm nhiều, xuất hiện các điểm ó vàng tại vị trí mặt ngoài của các bể lắng. Để đảm bảo an toàn cho các bể lắng đứng cao hơn 4 mét, bể chứa nước sạch và an toàn trong cung cấp nước, cần chống thấm trong thời gian sớm.

**B/. Danh mục các công trình sửa chữa lớn năm 2021. Giá trị đầu tư: 6,514 tỷ.**

**I. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị đầu tư: 4,42 tỷ. Gồm các hạng mục sau :**

1. Tại văn phòng Công ty : Nâng cấp hệ thống SCADA giám sát bể chứa và mạng lưới cấp nước thành phố Đà Lạt. Giá trị đầu tư : 0,45 tỷ. Hệ thống SCDA được đầu tư từ Dự án cải tạo và mở rộng MLCN thành phố Đà Lạt giai đoạn 2 (đưa vào sử dụng từ năm 2000) đến nay 1 số thiết bị hỏng, công nghệ lạc hậu (trường hợp bị hỏng là không có thiết bị thay thế) không còn tương thích với các phần mềm, hệ điều hành mới hiện nay. Để đảm bảo công tác giám sát, điều hành MLCN trên địa bàn thành phố Đà Lạt và đặc biệt góp phần vào kế hoạch chống thất thoát.

2. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị đầu tư : 3,249 tỷ.

- Nhà máy nước Đankia - Suối Vàng. Giá trị đầu tư : 2,759 tỷ.

Nhà máy nước Đankia đã đưa vào sử dụng từ năm 1984, tuy đã được sửa chữa nhiều lần nhưng nay đã xuống cấp không đảm bảo an toàn cấp nước. Để đảm bảo việc sản xuất của nhà máy cũng như đảm bảo cấp nước cho địa bàn thành phố Đà Lạt cần sửa chữa, cải tạo một số các hạng mục của nhà máy (*theo Bảng thống kê*).

- Nhà máy nước Hồ Than Thở: Thay 02 máy bơm cấp II. Giá trị đầu tư: 0,49 tỷ. Máy bơm đã quá cũ, thường xuyên hư hỏng (trong thời gian nhà máy chưa được sửa chữa, cải tạo phần xây dựng thường xuyên bị ngập lụt vào mùa mưa).

3. Di dời các tuyến ống trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị đầu tư: 1,721 tỷ.

- Di dời HTCN cải tạo nút giao thông Hoàng Văn Thụ, Phường 4, thành phố Đà Lạt. Giá trị: đầu tư 0,1 tỷ.

- Di dời HTCN cải tạo nút giao thông Phan Chu Trinh, Phường 9, thành phố Đà Lạt. Giá trị đầu tư: 0,621 tỷ.

- Di dời, sửa chữa HTCN do cải tạo, nâng cấp các đường giao thông nội thị thành phố Đà Lạt (Bao gồm các đường: Nguyên Tử Lực và Phan Đình Phùng, Đồng đa, Võ Thị Sáu, đường Xuân Thành, xã Xuân Thọ, Trần Quang Khải, Huyền Trân Công Chúa, Cổ Loa, Lê Lai, đường Bạch Đằng và Nguyễn Siêu và mở rộng một số đường hẻm). Giá trị đầu tư: 1,2 tỷ.

Thực hiện theo Thông báo số: 696/TB-SGTVT ngày 13/11/2020, về việc thi công công trình: Xây dựng nút giao thông Phan Chu Trinh, Phường 9, thành phố Đà Lạt và Thông báo số: 738/TB-SGTVT ngày 16/12/2020, về việc thi công công trình: Cải tạo nút giao thông Trần Phú-Hoàng Văn Thụ-Trần Lê-Ba Tháng Hai thành phố Đà Lạt của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Lâm Đồng. Và các Quyết định của UBND, HĐND tỉnh Lâm Đồng (*Các Quyết định số: 1841/QĐ-UBND ngày 26/8/2020, 1909/QĐ-UBND ngày 03/9/2020, 134/NQ-HĐND ngày 07/8/2020, 5046/QĐ-UBND ngày 09/11/2020, 143/NQ-HĐND ngày 22/12/2020, 5015/QĐ-UBND ngày 05/11/2020....*)

## II. Nhà máy nước Lâm Hà. Giá trị đầu tư: 0,33 tỷ. Gồm các hạng mục sau:

- Trạm cấp nước Tân Hà: Sửa chữa bể lọc trọng lực. Giá trị đầu tư: 0,05 tỷ. Qua quá trình sử dụng bể lọc đã xuống cấp, nhiều điểm trên bồn bị rỉ mọt, xi nước gây lãng phí nước và giảm hiệu quả lọc, ảnh hưởng đến chất lượng nước.

- Trạm cấp nước Đình Văn: thay thế 02 bơm chìm nước thô. Giá trị đầu tư: 0,16 tỷ. Bơm đã cũ, thường xuyên hư hỏng (được trang bị trước năm 2010 và đã sửa chữa nhiều lần), không đảm bảo được vận hành và sản xuất của nhà máy.

- Trạm cấp nước Đình Văn: Cải tạo, chống thấm bể lắng ngang. Giá trị đầu tư: 0,12 tỷ. Hệ thống bể lắng ngang đã xây dựng từ lâu, mục nát, kết cấu đã xuống cấp gây thất thoát trong quá trình xử lý nước, giảm hiệu quả xử lý nước và gây mất an toàn trong công tác vệ sinh, bảo trì bảo dưỡng của bể lắng.

## III. Nhà máy nước Đạ Tẻh. Giá trị đầu tư: 0,11 tỷ. Gồm các hạng mục:

- Cải tạo nhà bảo vệ Trạm bơm Cấp I. Giá trị đầu tư: 0,09 tỷ. Nhà bảo vệ trạm bơm cấp 1 hiện hữu bằng khung thép lưới B40 đã xuống cấp, không có hệ thống pa lăng để kéo bơm khi thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo an toàn trong việc bảo vệ tài sản và bảo trì bảo dưỡng bơm cấp 1 cần thiết phải cải tạo lại nhà bảo vệ.

- Cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng cao áp tại trạm xử lý nước của nhà máy. Giá trị đầu tư: 0,02 tỷ. Lý do: Dây điện sử dụng lâu ngày (từ lúc xây dựng nhà máy) đã xuống cấp (dây bị lão hóa nên xảy ra tình trạng rạn nứt, gây chập chập rất nguy hiểm) cần phải thay lại dây mới để đảm bảo an toàn cho hệ thống điện và công nhân vận hành máy.

**C/. Danh mục các công trình thực hiện theo Kế hoạch quản lý, phòng và chống thất thoát của Công ty giai đoạn 2021-2025 (đã được phê duyệt). Giá trị đầu tư: 3,777 tỷ.**

- Tuyến phân phối D100-D300. Giá trị đầu tư: 0,287 tỷ.
- Tuyến ống dịch vụ D ≤100. Giá trị đầu tư: 2,179 tỷ.
- Hoàn thiện đồng hồ khách hàng. Giá trị đầu tư: 0,512 tỷ.
- Lắp đặt hệ thống DMA. Giá trị đầu tư: 0,3 tỷ.
- Công nhân công thực hiện kế hoạch: 0,5 tỷ.

*(Đính kèm Kế hoạch quản lý, phòng và chống thất thoát của Công ty)*

Trên đây là thuyết minh về Kế hoạch Xây dựng cơ bản năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định để triển khai thực hiện.

Trân Trọng !

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS C.ty;
- Ban Điều hành C.ty (theo dõi);
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các Đơn vị thành viên;
- Lưu VT.



*Nguyễn Hùng Cường*

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN  
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
( Kèm theo Tờ trình số: 37. /TTr-CTN, ngày 29/03/2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)**

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
<b>A/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2020 - Chuyển sang 2021</b>							
<b>I</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐAM RÔNG</b>				<b>0,200</b>	<b>0,200</b>	
1	Sơn chống thấm 4 bề lẳng đứng, bể chứa nước sạch 300 m <sup>3</sup>	m <sup>2</sup>	350,0	0,00057	0,200		
<b>TỔNG HẠNG MỤC A</b>					<b>0,200</b>	<b>0,200</b>	
<b>B/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2021</b>							
<b>I</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>5,620</b>	<b>5,620</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng Công ty</b>				<b>0,45</b>		
	Nâng cấp hệ thống Scada giám sát bể chứa và mạng lưới cấp nước Đà Lạt	Gói	1		0,450		
<b>2</b>	<b>Nhà máy nước Đà Lạt</b>				<b>3,249</b>		
<b>2.1</b>	<b>Nhà máy nước Đankia - Suối Vàng</b>				<b>2,759</b>		
2.1.1	Công trình thu						
	- Thay mới bằng Inox Ty van công lấy nước cao trình 492	Cái	2	0,02	0,040		
	- Thay mới bằng Inox Ty van công lấy nước cao trình 495	Cái	1	0,02	0,020		
2.1.2	Trạm bơm cấp I						
	- Thay tủ điện khởi động mềm điều khiển 04 bơm nước thô 75kW	Tủ	1	0,302	0,302		1 tủ điều khiển 4 bơm
	- Thay mới máy cắt tổng 1000V/400A	Cái	1	0,071	0,071		
	- Sửa chữa hệ thống điều khiển bằng khí nén	HT	1	0,500	0,500		

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
2.1.3	Cụm nhà hóa chất						
	- Hệ thống định lượng, châm phèn, soda tự động	HT	1	0,313	0,313		
	- Hệ thống định lượng Clo, châm Clo tự động	HT	1	0,392	0,392		
	- Quạt hút bụi phèn	Bộ	1	0,005	0,005		
2.1.4	Trạm bơm cấp II						
	- Sửa chữa tổ máy bơm số 3 (hỏng động cơ không sửa được)	Cái	1	0,548	0,548		Thay động cơ
	- Thay mới máy cắt tổng 2500V/400A	Cái	2	0,109	0,218		
	- Thay van chống va DN200-PN25	Cái	1	0,350	0,350		
<b>2.2</b>	<b>Thay máy bơm cấp II NMN Than Thở</b>	<b>Cái</b>	<b>2,00</b>	<b>0,245</b>	<b>0,490</b>		
<b>3</b>	<b>Cải tạo các tuyến ống trên địa bàn thành phố Đà Lạt</b>				<b>1,921</b>		
3.1	Di dời HTCN cải tạo nút giao thông Hoàng Văn Thụ, Phường 4, thành phố Đà Lạt	Cụm	1	0,100	0,100		
3.2	Di dời HTCN cải tạo nút giao thông Phan Chu Trinh, Phường 9, thành phố Đà Lạt	Cụm	1	0,621	0,621		
3.3	Di dời, sửa chữa HTCN do cải tạo, nâng cấp các đường giao thông nội thị thành phố Đà Lạt (Nguyễn Tử Lực và Phan Đình Phùng, Đổng đa, Võ Thị Sáu, đường Xuân Thành, xã Xuân Thọ, Trần Quang Khải, Huyện Trần Công Chúa, Cỏ Loa, Lê Lai, đường Bạch Đằng, Nguyễn Siêu và mở rộng một số đường hẻm khác)	Đường	12	0,100	1,200		
<b>II</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ</b>				<b>0,330</b>	<b>0,330</b>	
1	Sửa chữa bể lọc Trạm cấp nước Tân Hà	Cái	1,0	0,05	0,050		
2	Thay bơm chìm nước thô Q=50m <sup>3</sup> /h; H=25; P=5.5Kw Đình Văn	Cái	2,0	0,08	0,160		
3	Chống thấm bê lẳng ngang - Trạm cấp nước Đình Văn	m <sup>2</sup>	240,0	0,0005	0,120		
<b>III</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TÊH</b>				<b>0,110</b>	<b>0,110</b>	
1	Cải tạo nhà bảo vệ Trạm bơm Cấp I - 16 m <sup>2</sup>	Trạm	1,00	0,090	0,090		
2	Cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng cao áp tại trạm xử lý nước	Cụm	1,00	0,020	0,020		
<b>TỔNG HẠNG MỤC B</b>					<b>6,060</b>	<b>6,060</b>	



STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
<b>C/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN THEO KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, PHÒNG VÀ CHỐNG THẮT THOÁT CỦA CÔNG TY</b>							
<b>I</b>	<b>Tuyến ống phân phối D100-D300</b>	<b>100m</b>	<b>13,18</b>		<b>0,287</b>	<b>0,287</b>	
1.1	- Đà Lạt	100m	4,60	0,025	0,1150		
1.2	- Thạch Mỹ	100m	0,870	0,020	0,0174		
1.3	- Đ'Ran	100m	0,370	0,020	0,0074		
1.4	- Đinh Văn	100m	0,650	0,020	0,0130		
1.5	- Tân hà	100m	0,240	0,020	0,0048		
1.6	- Nam Ban	100m	0,30	0,020	0,0060		
1.7	- Bằng Lăng	100m	0,540	0,020	0,0108		
1.8	- Bào Lâm	100m	2,625	0,020	0,0525		
1.9	- Đam'Ri	100m	0,710	0,020	0,0142		
1.10	- Madaguoai	100m	0,830	0,020	0,0166		
1.11	- Đạ Tẻh	100m	1,440	0,020	0,0288		
<b>II</b>	<b>Tuyến ống dịch vụ D≤100</b>	<b>100m</b>	<b>217,88</b>		<b>2,179</b>	<b>2,179</b>	
2.1	- Đà Lạt	100m	180,0	0,010	1,800		
2.2	- Thạch Mỹ	100m	0,92	0,010	0,009		
2.3	- Đ'Ran	100m	4,82	0,010	0,048		
2.4	- Đinh Văn	100m	4,16	0,010	0,042		
2.5	- Tân hà	100m	1,46	0,010	0,015		
2.6	- Nam Ban	100m	2,90	0,010	0,029		
2.7	- Bằng Lăng	100m	0,94	0,010	0,009		
2.8	- Bào Lâm	100m	18,40	0,010	0,184		
2.9	- Đam'Ri	100m	0,92	0,010	0,009		
2.10	- Madaguoai	100m	1,36	0,010	0,014		
2.11	- Đạ Tẻh	100m	2,0	0,010	0,020		

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
<b>III</b>	<b>Hoàn thiện đồng hồ khách hàng</b>		<b>2.046</b>		<b>0,512</b>	<b>0,512</b>	
3.1	- Đà Lạt	TLK	1.880	0,00025	0,4700		
3.2	- Thạch Mỹ	TLK	31	0,00025	0,0079		
3.3	- Đinh Văn	TLK	43	0,00025	0,0107		
3.4	- Bằng Lăng	TLK	6	0,00025	0,0015		
3.5	- Bào Lâm	TLK	42	0,00025	0,0104		
3.6	- Đam'Ri	TLK	21	0,00025	0,0053		
3.7	- Đạ Tẻh	TLK	23	0,00025	0,0058		
<b>IV</b>	<b>Lắp đặt hệ thống DMA</b>	<b>TK</b>	<b>1</b>	<b>0,300</b>	<b>0,30</b>	<b>0,300</b>	
<b>V</b>	<b>Nhân công</b>	<b>TK</b>	<b>1</b>	<b>0,300</b>	<b>0,50</b>	<b>0,500</b>	
<b>TỔNG HẠNG MỤC C</b>					<b>3,777</b>	<b>3,777</b>	
<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>					<b>10,036</b>	<b>10,036</b>	

**Bảng chữ: Mười tỷ không trăm ba mươi sáu triệu đồng./.**

**PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH**

**PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN**

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 03 năm 2021.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**Trần Hoàng**

  
**Bùi Hoàng Cường**

  
**Nguyễn Hùng Cường**

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các đơn vị TV (có trong DS);
- Lưu VT.

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI  
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**  
(Kèm theo Tờ trình số: 37./TTr-CTN, ngày 29/03/2021 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
<b>A/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2020 - chuyển sang 2021</b>							
<b>I</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>14,350</b>	<b>14,350</b>	
<b>1</b>	Nhà máy nước Phát Chi - xã Trạm Hành (Phần còn lại chưa thi công xây dựng: Nhà máy xử lý nước)	HT	1		<b>11,7000</b>		
1.1	Phần xây dựng: Trạm bơm nước thô, Trạm bơm cấp 2, Nhà hóa chất, Nhà điều hành, hàng rào bảo vệ, sân nền, hệ thống mương thoát nước...				1,8000		
1.2	Phần công nghệ xử lý nước và tuyến ống chuyển tải nước thô, nước sạch				3,8000		
1.3	Thiết bị: Trạm bơm cấp 01, Trạm bơm cấp 2, Nhà hóa chất, Cụm xử lý				5,5000		
1.4	Hệ thống điện động lực, điều khiển động cơ các loại				0,6000		
<b>2</b>	Đầu tư tuyến ống khu dân cư tái định cư Phạm Hồng Thái	HT			<b>1,0000</b>		NQ: 07/2020/NQ-HĐQT 17/11/2020
2.1	Ống HDPE D63	100m	34,140				
2.2	Ống HDPE D110	100m	6,60				
<b>3</b>	Cải tạo hệ thống cấp nước - các điểm bất lợi thiếu nước:				<b>1,500</b>		
3.1	Tuyến ống HDPE D63, Khu vực Bể Văn Đàn (Thái Phiên)	100m	8,0	0,031	0,245		
3.2	Tuyến ống HDPE D63, Hẻm C37 Nguyễn Từ Lực đến Làng Thượng	100m	2,0	0,031	0,061		
3.3	Tuyến ống HDPE D63, Cuối hẻm cà phê chồn (Hoàng Hoa Thám)	100m	1,0	0,031	0,031		
3.4	Tuyến ống HDPE D63, Hẻm 1 Trạng Trình	100m	2,0	0,031	0,061		

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
3.5	Cuối đường Huyền Trân Công Chúa	100m					
	Tuyến ống HDPE D63	100m	6,3	0,031	0,193		
	Tuyến ống HDPE D32-25	100m	0,32	0,016	0,005		
3.6	Tuyến ống HDPE D63, Đồi Mẫu Tâm (khu vực gara Hân)	100m	3,75	0,031	0,115		
3.7	Đồi Nguyễn Hữu Cảnh:						
	Tuyến ống HDPE D125	100m	6,0	0,071	0,426		
	Tuyến ống HDPE D63	100m	5,0	0,031	0,153		
	Đài nước 100m3	Cái	1,00	0,160	0,160		
	Công nghệ +điện	HT	1,00	0,050	0,050		
4	Đầu nối băng đường vào đường ống dự án: đường Bùi Thị Xuân	Điểm	5,0	0,030	0,150		
<b>II</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ</b>				<b>0,372</b>	<b>0,372</b>	
1	Tuyến ống đường Đồng Tâm HDPE D63	100m	6,0	0,031	0,186		
2	Tuyến ống hẻm Chợ (Nguyễn Viết Xuân) HDPE D63	100m	1,0	0,031	0,031		
3	Tuyến ống D63 HDPE đường Hùng Vương và Ủy ban huyện	100m	5,0	0,031	0,155		
<b>III</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐAM RÔNG</b>				<b>0,220</b>	<b>0,220</b>	
1	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE nhánh cột sóng 3	100m	5,00	0,044	0,22		
<b>IV</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TỄH</b>				<b>0,455</b>	<b>0,455</b>	
1	Lắp đặt ống băng đường nhựa và lắp ống D63mm chạy dọc theo phía bên phải đường 26/3 : 100 hộ	100m	8,0	0,035	0,280		
2	Lắp đặt tuyến ống D63mm hai bên hẻm bê tông nhựa bên hông nhà văn hóa vào tới ngã ba nhà may Sỹ Liên; Điểm đầu nối từ đường 3/2: 45 hộ	100m	5,0	0,035	0,175		
<b>TỔNG HẠNG MỤC A</b>					<b>15,397</b>	<b>15,397</b>	
<b>B/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2021</b>							
<b>I</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>2,685</b>	<b>2,685</b>	
1	Thuê tư vấn lập hồ sơ: Khảo sát địa hình tuyến ống D800; Lập BCNCKT dự án cải tạo nâng cấp nhà máy nước Đakia I; Lập BCNCKT dự án lắp đặt tuyến ống D800 Suối Vàng - Tùng Lâm	Gói	3,00		0,500		
2	Lắp đặt tuyến ống HDPE D180 đường Ba Tháng Tư (1/2 đường)	100m	6,00	0,108	0,648		

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
3	Lắp đặt tuyến ống HDPE D250 thay thế ống gang D300 đường Hồ Xuân Hương tuyến từ Mê Linh về KDL Hồ Than Thở	100m	4,00	0,180	0,720		
4	Lắp đặt tuyến ống HDPE D180 đường Cao Thắng từ hẻm đường Bạch Đằng vào Cao Thắng (thay thế tuyến ống gang D100 cũ mục)	100m	0,65	0,108	0,070		
5	Lắp đặt tuyến ống Thép D100 xã Xuân Trường tuyến từ trường học đến Cầu Đất (thay thế tuyến ống D100 cũ mục)	100m	2,00	0,088	0,175		
6	Lắp đặt tuyến ống HDPE D110 đường Yersin từ hẻm số 3 đến cổng trường Cao Đăng (thay thế tuyến ống gang D100 cũ mục)	100m	5,00	0,064	0,320		
7	Đường bê tông nội bộ vào nhà máy nước Đa Thiện	m2	700	0,00036	0,252		
<b>II</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐƠN DƯƠNG</b>				<b>0,551</b>	<b>0,551</b>	
1	Cải tạo, tự động hóa, quan trắc online cho 02 trạm bơm giếng	HT	2	0,276	0,551		
<b>III</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ</b>				<b>0,119</b>	<b>0,1190</b>	
1	Đổ bê tông đường nội bộ trạm cấp nước Đình Văn	m2	420	0,00017	0,0710		
2	Xây dựng kho chứa vật tư	m2	40	0,0012	0,0480		
<b>IV</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM</b>				<b>2,514</b>	<b>2,514</b>	
1	Thay thế các tuyến ống nhánh dịch vụ HDPE 63-25 các tuyến hẻm TT Lộc Thắng và các thôn xã Lộc Ngãi	100m	10,0	0,031	0,310		
2	Lắp đặt bồn lọc, đầu nối BYBASS trạm bơm giếng số 05	HT	1	0,200	0,200		
3	Lắp đặt bổ sung và thay thế 20 điểm băng đường trên toàn mạng lưới đường ống (thay thế ống sắt cũ mục).	điểm	20	0,010	0,200		
4	Lắp đặt 10 van chặn tuyến trên toàn mạng lưới đường ống	Điểm	<b>10</b>	0,015	0,150		
4.1	D110	Điểm	5				
4.2	D160	Điểm	2				
4.3	D200	Điểm	2				
4.4	D220	Điểm	1				
5	Cải tạo, tự động hóa, quan trắc online cho 06 trạm bơm giếng	HT	6	0,276	1,654		
<b>V</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ HUOAI</b>				<b>0,372</b>	<b>0,372</b>	
1	Tại thị trấn Đạm Ri						

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
	Tuyến ống HDPE D63 Đường Nguyễn Văn Cừ: Từ trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến giáp ranh đường Bà Gia (01 bên tuyến ) 49 hộ	100m	5,80	0,031	0,180		
2	Tại thị trấn Ma đa Guôi						
	Tuyến ống HDPE D63 Đường Nguyễn Thái Học: Từ Quốc lộ 20 đến Trung tâm giáo dục hướng nghiệp dạy nghề Đạ Huoai (01 bên tuyến). 56 hộ và 07 cơ quan hành chính	100m	6,20	0,031	0,192		
<b>VI</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TÊH</b>				<b>0,400</b>	<b>0,400</b>	
1	Làm kho chứa vật tư, dụng cụ thi công bằng tôn + sắt tại VP nhà máy	m2	20		0,050		
2	01 xe tải nhỏ để phục vụ công tác thi công và sửa chữa HTCN	xe	1	0,350	0,350		
<b>TỔNG HẠNG MỤC B</b>					<b>6,641</b>	<b>6,641</b>	
<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>					<b>22,038</b>	<b>22,038</b>	

*Bảng chữ: Hai mươi hai tỷ không trăm ba mươi tám triệu đồng./.*


Lâm Đồng, ngày 29 tháng 03 năm 2021.

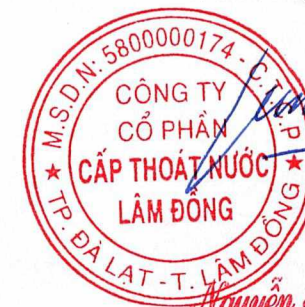
**PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH**

**PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
*Trần Hoàng*

  
*Bùi Hoàng Cường*



*Nguyễn Hùng Cường*

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các đơn vị TV (có trong DS);
- Lưu VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 28 tháng 4 năm 2021

## T TRÌNH H I NG C ÔNG S 08

Về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023

C n c :

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Kế toán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Các nội dung nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng của Ông Võ Quốc Trang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và thông qua: Về việc miễn nhiệm và bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 với các nội dung như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ: Ngày 20/10/2020, Ông Võ Quốc Trang là thành viên Hội đồng quản trị có nguyện vọng xin thôi nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị vì lý do sức khỏe. Do vậy, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ứng quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đồng ý kính trình hội đồng cổ đông thường niên 2020 chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Võ Quốc Trang.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023: Mời bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo điều lệ công ty, Hội đồng quản trị kính trình hội đồng cổ đông cho bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho thành viên của hội đồng cổ đông chấp thuận miễn nhiệm theo quy trình quy định tại Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CH T CH

Phan Đình Tân

